TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Địa chính và Quản lý đô thị (DH12QD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	09124039	Đặng Hoàng	Khương	CD10CQ17	107	2.30	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
2	09131008	Nguyễn Minh	Châu	CD10CQ17	78	1.52	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.20			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							202622	Pháp luật đại cương	2		3.60			
							209102	Trắc địa địa chính	3		2.90			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2		2.50			
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		3.00			
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
3	10333017	Võ Nguyễn Mỹ	Duyên	CD10CQ17	107	1.99			0					
4	10333028	Lê Thanh	Hải	CD10CQ17	76	1.80	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.40			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD10CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
4	10333028	Lê Thanh	Hải	CD10CQ17	76	1.80	209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.00			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		1.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
5	10333040	Hoàng Xuân	Bách	CD10CQ17	91	2.12	200202	Quân sự (thực hành)*	3		3.50			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.90			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
6	10333044	Trần Văn	Lầu	CD10CQ17	59	1.23	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		1.80			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.00			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.20			
							209102	Trắc địa địa chính	3		1.00			
							209110	Bản đồ học	3		2.40			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		3.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.40			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD10CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
6	10333044	Trần Văn	Lầu	CD10CQ17	59	1.23	213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		3.80			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
7	10333048	Lê Thành	Linh	CD10CQ17	89	1.74	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		1.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.40			
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209401	Luật đất đai	2		3.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.60			
							214101	Tin học đại cương	3		2.20			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		3.00			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
8	10333065	Lê Thị Hồng	Nhung	CD10CQ17	93	1.90	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.20			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.40			
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
9	10333077	Nguyễn Tiến	Sỹ	CD10CQ17	107	2.18	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
10	10333099	Lê Chí	Trung	CD10CQ17	97	2.65	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
11	10333104	Nguyễn Anh	Tuấn	CD10CQ17	92	2.12	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5		1.70			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD10CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
11	10333104	Nguyễn Anh	Tuấn	CD10CQ17	92	2.12	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
12	10333109	Nguyễn Anh	Triệu	CD10CQ17	102	2.76	213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
13	10333114	Nguyễn Thị Thúy	Hằng	CD10CQ17	93	2.22	202121	Xác suất thống kê	3		2.70			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							214101	Tin học đại cương	3		2.90			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
14	10333118	Lý Thị Thu	Diễm	CD10CQ17	102	2.56	213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
15	10333119	Đặng Thị Thùy	Dương	CD10CQ17	92	2.11	202114	Toán cao cấp C1	3		3.80			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.10			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		1.80			
							209210	Định giá đất đai	2		0.00			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		3.00			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
16	10333133	Lý Kim	Phụng	CD10CQ17	78	1.96	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		3.60			
							202121	Xác suất thống kê	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3		2.50			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		2.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD10CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
16	10333133	Lý Kim	Phụng	CD10CQ17	78	1.96	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
17	10333136	Nguyễn Thúy	Quỳnh	CD10CQ17	48	1.54	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209401	Luật đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
18	10333139	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	CD10CQ17	97	2.87	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
19	10333147	Nguyễn Anh	Vương	CD10CQ17	53	1.14	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD10CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
19	10333147	Nguyễn Anh	Vương	CD10CQ17	53	1.14	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		2.80			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.90			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.50			
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		2.10			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
20	10333153	Võ Văn	Thọ	CD10CQ17	97	2.33	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD10CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú

, ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	
0101 .	202609 Logic học	2
	202621 Xã hội học đại cương	2
	212110 Khoa học môi trường	2
Nhóm TC 02 :	12 TC (Min)	
0201 .	204306 Nông học đại cương	2
	209103 Trắc địa công trình	3
	209106 Trắc địa ảnh hàng không	3
	209109 Hệ thống định vị toàn cầu	3
	209112 Bản đồ địa hình	2
	209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2
	209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2
	209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
	209303 Phân hạng đất	2
	209310 Quản lý nguồn nước	2
	209312 QH xây dựng nông thôn mới	2
	209801 Phương pháp nghiên cứu KH	2
	212507 Đánh giá tác động môi trường	2
Nhóm TC 03 :	5 TC (Min)	
0301 .	209123 Trắc địa - Bản đồ	2
	209315 Quy hoạch	3
	209910 Tiểu luận tốt nghiệp	5
	209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5					
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		1.60			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1					
1	10113255	Trà Ngọc	Thuận	CD11CQ	2	0.75	202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2					
							208109	Kinh tế vi mô 1	3					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	10113255	Trà Ngọc	Thuận	CD11CQ	2	0.75	209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
2	11333010	Lê Hồng	Chinh	CD11CQ	49	1.13	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		3.20			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
2	11333010	Lê Hồng	Chinh	CD11CQ	49	1.13	209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		3.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
3	11333012	Nguyễn Trường	Chinh	CD11CQ	60	1.41	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		1.80			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		2.40			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
4	11333021	Lê Thị Thu	Hà	CD11CQ	23	0.93	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.80			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
4	11333021	Lê Thị Thu	Hà	CD11CQ	23	0.93	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		3.40			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		3.80			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
5	11333027	Trần Quốc	Đại	CD11CQ	81	1.46	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.80			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
5	11333027	Trần Quốc	Đại	CD11CQ	81	1.46	209102	Trắc địa địa chính	3		3.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		2.10			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2		1.50			
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
6	11333028	Nguyễn Thành	Tấn	CD11CQ	91	2.30	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
7	11333032	Lương Trọng	Đến	CD11CQ	97	2.38	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
8	11333037	Phạm Thị Thanh	Thúy	CD11CQ	31	3.02	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		2.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
8	11333037	Phạm Thị Thanh	Thúy	CD11CQ	31	3.02	209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
9	11333038	Tạ Thị	Hà	CD11CQ	97	2.69	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
10	11333041	Trần Văn	Tú	CD11CQ	105	2.13	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
11	11333043	Nguyễn Xuân	Sơn	CD11CQ	26	1.00	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.80			
							202121	Xác suất thống kê	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
11	11333043	Nguyễn Xuân	Sơn	CD11CQ	26	1.00	208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		2.90			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.20			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		2.60			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
12	11333046	Hà Tuấn	Hiệp	CD11CQ	87	1.90	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.00			
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.40			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		3.50			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
12	11333046	Hà Tuấn	Hiệp	CD11CQ	87	1.90	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
13	11333047	Bùi Thị Tuyết	Hoa	CD11CQ	95	2.26	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
14	11333054	Lê Diễm	My	CD11CQ	83	2.53	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3		2.70			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
15	11333057	Lê Trọng	Khánh	CD11CQ	60	2.15	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
15	11333057	Lê Trọng	Khánh	CD11CQ	60	2.15	213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		3.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
16	11333077	Hồ Hoài	Nam	CD11CQ	102	2.45	202115	Toán cao cấp C2	3					
							209210	Định giá đất đai	2		0.00			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
17	11333078	Trịnh Đình	Nam	CD11CQ	97	2.26	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
18	11333080	Nguyễn Hữu	Nghĩa	CD11CQ	97	2.42	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
19	11333082	Võ Thị	Tâm	CD11CQ	97	2.77	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
20	11333084	Bùi Thanh	Tòng	CD11CQ	15	0.70	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		2.40			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.20			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		3.90			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
20	11333084	Bùi Thanh	Tòng	CD11CQ	15	0.70	209101	Trắc địa đại cương	3		3.90			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		3.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
21	11333085	Nguyễn Văn	Nguyên	CD11CQ	66	1.45	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		2.90			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.20			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.20			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
21	11333085	Nguyễn Văn	Nguyên	CD11CQ	66	1.45	209118	Tin học chuyên ngành	3		2.80			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.00			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2		0.00			
							209401	Luật đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
22	11333088	Trần Anh	Nhi	CD11CQ	46	1.21	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.90			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		2.70			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.90			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		3.10			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
22	11333088	Trần Anh	Nhi	CD11CQ	46	1.21	209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		2.80			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
23	11333092	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	CD11CQ	25	1.08	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		3.90			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
23	11333092	Nguyễn Thị Tuyết	Nhi	CD11CQ	25	1.08	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		3.20			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
24	11333093	Danh Sọt	Phương	CD11CQ	91	1.98	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209210	Định giá đất đai	2		2.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
25	11333094	Nguyễn Văn	Thân	CD11CQ	32	1.61	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.80			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		2.70			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
25	11333094	Nguyễn Văn	Thân	CD11CQ	32	1.61	209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		3.30			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
26	11333095	Lê Thanh	Phong	CD11CQ	71	1.88	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.90			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		2.50			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
27	11333096	Trần Thị Kim	Phương	CD11CQ	97	2.56	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
27	11333096	Trần Thị Kim	Phương	CD11CQ	97	2.56	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
28	11333098	Phạm Ngọc Anh	Lâm	CD11CQ	104	2.07	202115	Toán cao cấp C2	3		3.10			
29	11333103	Cao Thị Tuyết	Nhung	CD11CQ	13	1.44	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.80			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
29	11333103	Cao Thị Tuyết	Nhung	CD11CQ	13	1.44	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
30	11333105	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	CD11CQ	16	1.26	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
30	11333105	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	CD11CQ	16	1.26	209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
31	11333106	Nguyễn Minh	Tân	CD11CQ	16	0.65	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
31	11333106	Nguyễn Minh	Tân	CD11CQ	16	0.65	209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
32	11333109	Võ Anh	Sang	CD11CQ	90	2.07	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		2.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.20			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
33	11333110	Trần Đình	Huy	CD11CQ	108	2.19	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
34	11333113	Trần Văn	Thiện	CD11CQ	108	2.42	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
35	11333114	Đinh Thị	Nhài	CD11CQ	97	2.54	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
35	11333114	Đinh Thị	Nhài	CD11CQ	97	2.54	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
36	11333118	Nguyễn Khắc	Tiến	CD11CQ	35	1.03	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							202121	Xác suất thống kê	3					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		2.40			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.50			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
37	11333121	Hà Đức	Khanh	CD11CQ	88	2.09	209118	Tin học chuyên ngành	3		1.60			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
37	11333121	Hà Đức	Khanh	CD11CQ	88	2.09	209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
38	11333127	Nguyễn Lưu Quốc	Kiệt	CD11CQ	85	1.87	208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		3.30			
							209102	Trắc địa địa chính	3		2.60			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
39	11333130	Nguyễn Đình	Đăng	CD11CQ	107	2.61	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
40	11333131	Lý Thái	Hiệp	CD11CQ	107	2.23	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
41	11333134	Lê	Vũ	CD11CQ	107	2.11	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
42	11333137	Nguyễn Thị Kim	Yến	CD11CQ	97	2.82	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
43	11333138	Nguyễn Duy	Chiến	CD11CQ	97	2.70	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
44	11333148	Nguyễn Minh	Quí	CD11CQ	97	2.35	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
44	11333148	Nguyễn Minh	Quí	CD11CQ	97	2.35	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.60			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		3.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
45	11333151	Phan Thị	Hiệp	CD11CQ	26	1.50	209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
45	11333151	Phan Thị	Hiệp	CD11CQ	26	1.50	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
46	11333156	Phan Thanh Kiều	Trang	CD11CQ	37	1.30	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		3.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
47	11333159	Nguyễn Võ Khánh	Trình	CD11CQ	37	0.86	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		3.80			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
47	11333159	Nguyễn Võ Khánh	Trình	CD11CQ	37	0.86	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.80			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		3.00			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.80			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.40			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.90			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		3.50			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3		3.70			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.00			
							209401	Luật đất đai	2		3.50			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		3.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
48	11333162	Nguyễn Văn	Tí	CD11CQ	93	2.24	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.40			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
48	11333162	Nguyễn Văn	Tí	CD11CQ	93	2.24	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
49	11333171	Phan Đình Hồng	Đức	CD11CQ	68	1.60	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		2.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.50			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		3.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.30			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		3.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
50	11333176	Phạm Thị Thu	Huy	CD11CQ	27	0.87	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		1.20			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		3.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.20			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
50	11333176	Phạm Thị Thu	Huy	CD11CQ	27	0.87	209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
51	11333181	Phan Lê Bảo	Lộc	CD11CQ	104	2.46	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
52	11333182	Lữ Kim Quỳnh	Mi	CD11CQ	94	2.21	202114	Toán cao cấp C1	3		3.60			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
53	11333187	Hoàng Văn	Nhu	CD11CQ	83	1.68	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.00			
							202121	Xác suất thống kê	3		2.50			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
53	11333187	Hoàng Văn	Nhu	CD11CQ	83	1.68	209202	Kinh tế đất đai	2		3.40			
							209210	Định giá đất đai	2		0.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		3.60			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
54	11333189	Lê Thanh	Phúc	CD11CQ	107	2.20	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
55	11333192	Lê Thị Kim	Quận	CD11CQ	107	2.55	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
56	11333193	Trần Huỳnh	Quý	CD11CQ	90	2.25	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		3.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
57	11333195	Nguyễn Thị Thu	Thảo	CD11CQ	97	2.30	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
58	11333198	Lê Quang	Thịnh	CD11CQ	16	1.19	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
58	11333198	Lê Quang	Thịnh	CD11CQ	16	1.19	209101	Trắc địa đại cương	3		3.90			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5		0.00			
							213602	Anh văn 2	5		0.00			
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
59	11333209	Đỗ Thị Bích	Trân	CD11CQ	16	1.38	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
59	11333209	Đỗ Thị Bích	Trân	CD11CQ	16	1.38	202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
60	11333213	Trần Thị Thúy	Quyên	CD11CQ	26	1.62	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
60	11333213	Trần Thị Thúy	Quyên	CD11CQ	26	1.62	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.80			
							202121	Xác suất thống kê	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
61	11333216	Phạm Chí	Cường	CD11CQ	98	2.41	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD11CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
61	11333216	Phạm Chí	Cường	CD11CQ	98	2.41	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

, ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	
0101 .	202609 Logic học	2
	202621 Xã hội học đại cương	2
	212110 Khoa học môi trường	2
Nhóm TC 02 :	12 TC (Min)	
0201 .	204306 Nông học đại cương	2
	209103 Trắc địa công trình	3
	209106 Trắc địa ảnh hàng không	3
	209109 Hệ thống định vị toàn cầu	3
	209112 Bản đồ địa hình	2
	209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2
	209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2
	209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
	209303 Phân hạng đất	2
	209310 Quản lý nguồn nước	2
	209312 QH xây dựng nông thôn mới	2
	209801 Phương pháp nghiên cứu KH	2
	212507 Đánh giá tác động môi trường	2
Nhóm TC 03 :	5 TC (Min)	
0301 .	209123 Trắc địa - Bản đồ	2
	209315 Quy hoạch	3
	209910 Tiểu luận tốt nghiệp	5
	209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		1.60			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							202114	Toán cao cấp C1	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							202622	Pháp luật đại cương	2		3.60			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		1.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
1	10127024	Nguyễn Văn	Dũng	CD12CQ	36	0.82	209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		2.00			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		2.50			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		1.50			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	10127024	Nguyễn Văn	Dũng	CD12CQ	36	0.82	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
2	10149222	Hồ Hữu	Trung	CD12CQ	45	1.08	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		2.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.00			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
3	11151020	Nguyễn Hoàng Công	Anh	CD12CQ	93	2.46	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
3	11151020	Nguyễn Hoàng Công	Anh	CD12CQ	93	2.46	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		2.40			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		2.10			
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		3.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.50			
4	11151044	Vũ Văn	Huân	CD12CQ	15	0.53	209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		2.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		2.70			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.90			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
4	11151044	Vũ Văn	Huân	CD12CQ	15	0.53	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		2.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
5	11151052	Nguyễn Lê	Duy	CD12CQ	9	0.46	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.80			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202114	Toán cao cấp C1	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							202622	Pháp luật đại cương	2					
							208109	Kinh tế vi mô 1	3					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
5	11151052	Nguyễn Lê	Duy	CD12CQ	9	0.46	209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5		0.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
6	12333001	Đỗ Nhật	An	CD12CQ	30	0.67	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.80			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.30			
							202622	Pháp luật đại cương	2		2.40			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
6	12333001	Đỗ Nhật	An	CD12CQ	30	0.67	209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		3.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
7	12333003	Nguyễn Phước	An	CD12CQ	80	1.82	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.10			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
8	12333004	Nguyễn Huỳnh Trung	Hiếu	CD12CQ	79	1.84	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.90			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.80			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
8	12333004	Nguyễn Huỳnh Trung	Hiếu	CD12CQ	79	1.84	209301	Tài nguyên đất đai	3		3.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		3.50			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
9	12333005	Võ Thị Thùy	Dương	CD12CQ	91	1.71	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		1.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.20			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		3.80			
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.20			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
10	12333006	Trần Thị Kim	An	CD12CQ	86	1.90	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
11	12333009	Đỗ Việt	Anh	CD12CQ	100	2.04	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		1.50			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		2.40			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
12	12333010	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	CD12CQ	103	2.06	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
13	12333012	K"	Bình	CD12CQ	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
13	12333012	K" Bình	CD12CQ	0	0.00	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
						03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
						200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
						200202	Quân sự (thực hành)*	3					
						202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
						202115	Toán cao cấp C2	3					
						202121	Xác suất thống kê	3					
						202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.00			
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
						202622	Pháp luật đại cương	2		0.00			
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.00			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
						209101	Trắc địa đại cương	3					
						209102	Trắc địa địa chính	3					
						209110	Bản đồ học	3					
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
						209118	Tin học chuyên ngành	3					
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
						209202	Kinh tế đất đai	2					
						209210	Định giá đất đai	2					
						209301	Tài nguyên đất đai	3					
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
						209401	Luật đất đai	2					
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
13	12333012	K"	Bình	CD12CQ	0	0.00	209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
14	12333013	Phan Đình	Quý	CD12CQ	14	1.09	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
14	12333013	Phan Đình	Quý	CD12CQ	14	1.09	209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
15	12333015	Huỳnh Thị	Sương	CD12CQ	105	2.47	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
16	12333016	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	CD12CQ	52	2.10	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.80			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
16	12333016	Nguyễn Thị Thúy	Hồng	CD12CQ	52	2.10	209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
17	12333018	Võ Trần Lệ	Quyên	CD12CQ	1	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.00			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
17	12333018	Võ Trần Lệ	Quyên	CD12CQ	1	0.00	209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
18	12333020	Trương Minh	Thanh	CD12CQ	12	0.85	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		2.60			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.40			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.60			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
18	12333020	Trương Minh	Thanh	CD12CQ	12	0.85	209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
19	12333021	Nguyễn Mạnh Phong	Vũ	CD12CQ	91	2.41	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209210	Định giá đất đai	2		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
20	12333022	Cổ Hoàng	Biên	CD12CQ	25	0.89	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
20	12333022	Cổ Hoàng	Biên	CD12CQ	25	0.89	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							202114	Toán cao cấp C1	3		2.90			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		3.40			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.50			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.00			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
21	12333023	Võ Văn	Phước	CD12CQ	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
21	12333023	Võ Văn Phước	CD12CQ	0	0.00	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
						200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
						200202	Quân sự (thực hành)*	3					
						202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
						202115	Toán cao cấp C2	3					
						202121	Xác suất thống kê	3					
						202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.00			
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
						202622	Pháp luật đại cương	2		0.00			
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.00			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
						209101	Trắc địa đại cương	3					
						209102	Trắc địa địa chính	3					
						209110	Bản đồ học	3					
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
						209118	Tin học chuyên ngành	3					
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
						209202	Kinh tế đất đai	2					
						209210	Định giá đất đai	2					
						209301	Tài nguyên đất đai	3					
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
						209401	Luật đất đai	2					
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
21	12333023	Võ Văn	Phước	CD12CQ	0	0.00	209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
22	12333025	Nguyễn Bảo Y	Bình	CD12CQ	104	2.18	209101	Trắc địa đại cương	3		2.00			
23	12333026	Trần Thị Thúy	Hằng	CD12CQ	97	2.76	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
24	12333029	Trần Thị Quỳnh	Châu	CD12CQ	97	2.86	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
25	12333032	Nguyễn Thị Thúy	Lăm	CD12CQ	107	2.65	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
26	12333034	Nguyễn Văn	Chí	CD12CQ	94	2.16	209118	Tin học chuyên ngành	3		3.50			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
27	12333035	Nguyễn Trúc	Phương	CD12CQ	105	2.21	209110	Bản đồ học	3		3.40			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
28	12333038	Nguyễn Văn	Chung	CD12CQ	64	1.28	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		2.70			
							209102	Trắc địa địa chính	3		2.20			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		3.20			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
28	12333038	Nguyễn Văn	Chung	CD12CQ	64	1.28	209118	Tin học chuyên ngành	3		3.80			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		3.60			
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.10			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		3.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.30			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
29	12333039	Vũ Thị	Linh	CD12CQ	84	1.93	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
30	12333041	Phan Quốc	Cường	CD12CQ	93	2.24	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
31	12333052	Võ Quốc	Hiệp	CD12CQ	24	1.92	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		3.60			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
31	12333052	Võ Quốc	Hiệp	CD12CQ	24	1.92	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
32	12333053	Lý Hải	Long	CD12CQ	15	0.83	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
32	12333053	Lý Hải Long	CD12CQ	15	0.83	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
						200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		2.60			
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.40			
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
						200202	Quân sự (thực hành)*	3					
						202114	Toán cao cấp C1	3		3.70			
						202115	Toán cao cấp C2	3					
						202121	Xác suất thống kê	3					
						209101	Trắc địa đại cương	3		1.50			
						209102	Trắc địa địa chính	3					
						209110	Bản đồ học	3					
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
						209118	Tin học chuyên ngành	3					
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
						209202	Kinh tế đất đai	2					
						209210	Định giá đất đai	2					
						209301	Tài nguyên đất đai	3					
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
						209401	Luật đất đai	2					
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
						213601	Anh văn 1	5					
						213602	Anh văn 2	5					
						214101	Tin học đại cương	3		0.00			
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
32	12333053	Lý Hải	Long	CD12CQ	15	0.83	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
33	12333058	Nguyễn Thanh	Dũng	CD12CQ	82	2.05	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.60			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.70			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
34	12333059	Trần Thị Ngọc	Dương	CD12CQ	108	2.54	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
35	12333063	Nguyễn Thành	Đạt	CD12CQ	86	1.91	209102	Trắc địa địa chính	3		2.80			
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		3.50			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
36	12333066	Phạm Lê Thành	Đạt	CD12CQ	97	2.31	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
37	12333067	Trần Trung	Hiếu	CD12CQ	104	2.31	202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
38	12333073	Ngô Thị Ngọc	Giàu	CD12CQ	9	0.66	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
38	12333073	Ngô Thị Ngọc	Giàu	CD12CQ	9	0.66	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
38	12333073	Ngô Thị Ngọc	Giàu	CD12CQ	9	0.66	214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
39	12333076	Đặng Sơn	Hà	CD12CQ	26	1.07	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.00			
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.70			
							202121	Xác suất thống kê	3		1.10			
							202622	Pháp luật đại cương	2		2.80			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		2.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		2.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		3.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.00			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
39	12333076	Đặng Sơn	Hà	CD12CQ	26	1.07	214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		3.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
40	12333077	Nguyễn Minh	Hậu	CD12CQ	17	0.62	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		2.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
40	12333077	Nguyễn Minh	Hậu	CD12CQ	17	0.62	209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
41	12333081	Trần Thị Thúy	Hải	CD12CQ	90	2.99	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209210	Định giá đất đai	2		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
42	12333084	Trần Minh	Tâm	CD12CQ	98	2.54	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
43	12333085	Huỳnh Thị Thanh	Hằng	CD12CQ	107	2.39	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
44	12333086	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	CD12CQ	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
44	12333086	Huỳnh Thị Thanh	Tâm	CD12CQ	0	0.00	202121	Xác suất thống kê	3					
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.00			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
45	12333088	Nguyễn Thị	Hằng	CD12CQ	97	2.47	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
46	12333090	Nguyễn Thị Quỳnh	Như	CD12CQ	104	2.60	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
47	12333094	Dương Thị Diệu	Hiền	CD12CQ	10	0.63	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		2.80			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		2.40			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
47	12333094	Dương Thị Diệu	Hiền	CD12CQ	10	0.63	209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
48	12333095	Đinh Thị Thảo	Hiền	CD12CQ	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.00			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
48	12333095	Đinh Thị Thảo	Hiền	CD12CQ	0	0.00	209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
49	12333096	Nguyễn Thị Thanh	Hiền	CD12CQ	104	2.54	202121	Xác suất thống kê	3		3.70			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
50	12333097	Huỳnh Hữu	Hiển	CD12CQ	101	2.40	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		3.80			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
51	12333100	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	CD12CQ	68	1.58	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.20			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
51	12333100	Nguyễn Thị Ngọc	Hương	CD12CQ	68	1.58	202115	Toán cao cấp C2	3		3.20			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.60			
							209102	Trắc địa địa chính	3		2.20			
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2		1.50			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
52	12333101	Trần Thị	Vy	CD12CQ	14	1.47	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
52	12333101	Trần Thị	Vy	CD12CQ	14	1.47	209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
53	12333103	Nguyễn	Tuyên	CD12CQ	107	2.37	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
54	12333113	Huỳnh Tấn	Hùng	CD12CQ	35	0.99	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.40			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.40			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.80			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209110	Bản đồ học	3		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
54	12333113	Huỳnh Tấn	Hùng	CD12CQ	35	0.99	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.40			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		1.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.00			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
55	12333114	Nguyễn Trọng	Hùng	CD12CQ	66	1.43	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		2.80			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2.60			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3		1.60			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		2.40			
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.40			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		3.60			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
55	12333114	Nguyễn Trọng	Hùng	CD12CQ	66	1.43	209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
56	12333116	Nguyễn Tấn	Hưng	CD12CQ	93	2.31	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
57	12333122	Nguyễn Hoài	Khanh	CD12CQ	84	1.84	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.40			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.20			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
58	12333124	Đỗ Văn	Hòa	CD12CQ	6	0.65	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2.60			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
58	12333124	Đỗ Văn	Hòa	CD12CQ	6	0.65	202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
59	12333126	Đỗ Tuấn	Ngọc	CD12CQ	90	2.24	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		3.50			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
59	12333126	Đỗ Tuấn	Ngọc	CD12CQ	90	2.24	213601	Anh văn 1	5		1.20			
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
60	12333127	Nguyễn Ngọc	Khánh	CD12CQ	97	2.42	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
61	12333128	Trần Anh	Nhân	CD12CQ	20	0.75	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2.80			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							202622	Pháp luật đại cương	2		3.00			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		1.40			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		1.50			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
61	12333128	Trần Anh	Nhân	CD12CQ	20	0.75	209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.00			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
62	12333129	Lê Đăng	Khoa	CD12CQ	90	2.17	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		2.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
63	12333135	Nguyễn Minh	Thành	CD12CQ	100	2.21	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.90			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
64	12333141	Trần Văn	Hưng	CD12CQ	65	1.66	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202121	Xác suất thống kê	3		3.50			
							209101	Trắc địa đại cương	3		1.00			
							209110	Bản đồ học	3		3.10			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		3.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
64	12333141	Trần Văn	Hưng	CD12CQ	65	1.66	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
65	12333146	Nguyễn Thị Thúy	Trâm	CD12CQ	97	2.96	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
66	12333147	Lê Hải	Long	CD12CQ	4	0.35	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		1.60			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
66	12333147	Lê Hải	Long	CD12CQ	4	0.35	209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
67	12333149	Nguyễn Mai Ngọc	Long	CD12CQ	3	0.22	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		3.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
67	12333149	Nguyễn Mai Ngọc	Long	CD12CQ	3	0.22	202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							202622	Pháp luật đại cương	2		2.50			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
68	12333151	Nguyễn Hoàng	Long	CD12CQ	38	1.81	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
68	12333151	Nguyễn Hoàng	Long	CD12CQ	38	1.81	202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3		1.30			
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
69	12333152	Đỗ Đạt Vạn	Lợi	CD12CQ	43	1.00	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		2.60			
							202115	Toán cao cấp C2	3		2.80			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
69	12333152	Đỗ Đạt Vạn	Lợi	CD12CQ	43	1.00	209118	Tin học chuyên ngành	3		2.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.00			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		3.20			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		2.40			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
70	12333153	Nguyễn Thị Thúy	An	CD12CQ	105	2.37	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
71	12333154	Phạm Minh	Lý	CD12CQ	62	1.49	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							202622	Pháp luật đại cương	2		3.20			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.10			
							209110	Bản đồ học	3		3.80			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		2.70			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
71	12333154	Phạm Minh	Lý	CD12CQ	62	1.49	209210	Định giá đất đai	2		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		3.50			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
72	12333156	Phạm Văn	Hoàng	CD12CQ	97	1.93	202115	Toán cao cấp C2	3		3.70			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		3.80			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		3.20			
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.40			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
73	12333160	Nguyễn Thị ánh	Ngọc	CD12CQ	100	2.22	209101	Trắc địa đại cương	3		3.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		2.70			
							209210	Định giá đất đai	2		3.50			
74	12333161	Nguyễn Văn	Minh	CD12CQ	97	2.88	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
75	12333176	Nguyễn Công	Nguyên	CD12CQ	101	2.09	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.60			
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.80			
76	12333177	Trần Thị Thảo	Nguyên	CD12CQ	97	2.48	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
77	12333178	Cái Thành	Nhân	CD12CQ	109	2.14	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
78	12333180	Phạm Thành	Hảo	CD12CQ	107	2.39	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
79	12333182	Huỳnh Thị Thanh	Hương	CD12CQ	92	2.23	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
79	12333182	Huỳnh Thị Thanh	Hương	CD12CQ	92	2.23	209101	Trắc địa đại cương	3		3.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.80			
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.40			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
80	12333185	Trần Minh	Tâm	CD12CQ	7	0.29	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		1.80			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.90			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.10			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
80	12333185	Trần Minh	Tâm	CD12CQ	7	0.29	209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		3.30			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
81	12333188	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	CD12CQ	48	1.08	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							202121	Xác suất thống kê	3		1.60			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.00			
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		3.60			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.30			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			
							213601	Anh văn 1	5		2.10			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
81	12333188	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	CD12CQ	48	1.08	213602	Anh văn 2	5		2.70			
							214101	Tin học đại cương	3		2.50			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
82	12333190	Trương Thanh	Phong	CD12CQ	86	2.04	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.20			
							209401	Luật đất đai	2		3.50			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.80			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
83	12333191	Võ Thanh	Phong	CD12CQ	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		3.20			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
83	12333191	Võ Thanh	Phong	CD12CQ	0	0.00	208109	Kinh tế vi mô 1	3		3.10			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
84	12333193	Nguyễn Thanh	Tùng	CD12CQ	10	1.34	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
84	12333193	Nguyễn Thanh	Tùng	CD12CQ	10	1.34	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.10			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
84	12333193	Nguyễn Thanh	Tùng	CD12CQ	10	1.34	218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
85	12333194	Nguyễn Thị Mai	Phương	CD12CQ	97	2.39	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
86	12333198	Hoàng Hồng	Yên	CD12CQ	105	2.68	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
87	12333199	Đặng Hữu	Quí	CD12CQ	93	2.15	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
88	12333200	Nguyễn Phú	Quí	CD12CQ	103	2.63	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
89	12333202	Nguyễn Bảo	Nhi	CD12CQ	15	0.41	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		3.00			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2.80			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.20			
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.90			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		2.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
89	12333202	Nguyễn Bảo	Nhi	CD12CQ	15	0.41	209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
90	12333205	Diệp Thị Thu	Thảo	CD12CQ	5	1.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
90	12333205	Diệp Thị Thu	Thảo	CD12CQ	5	1.00	202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
91	12333208	Lê Thị Hồng	Nhung	CD12CQ	66	1.51	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.80			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
91	12333208	Lê Thị Hồng	Nhung	CD12CQ	66	1.51	202121	Xác suất thống kê	3		3.10			
							209101	Trắc địa đại cương	3		1.50			
							209102	Trắc địa địa chính	3		2.00			
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.10			
							209210	Định giá đất đai	2		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		3.50			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
92	12333210	Phùng Văn	Sang	CD12CQ	105	2.29	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
93	12333212	Nguyễn Hữu	Soạn	CD12CQ	50	1.46	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.20			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.00			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
93	12333212	Nguyễn Hữu	Soạn	CD12CQ	50	1.46	209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
94	12333218	Nguyễn Thiện	Nam	CD12CQ	81	2.07	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209118	Tin học chuyên ngành	3		3.80			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
95	12333220	Võ Thúy	Nga	CD12CQ	18	0.69	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		1.60			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.30			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
95	12333220	Võ Thúy	Nga	CD12CQ	18	0.69	209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
96	12333221	Nguyễn Nhật	Tài	CD12CQ	9	0.37	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.40			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
96	12333221	Nguyễn Nhật	Tài	CD12CQ	9	0.37	202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		2.50			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
97	12333223	Trương Thành	Tài	CD12CQ	80	1.85	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
97	12333223	Trương Thành	Tài	CD12CQ	80	1.85	200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3		2.40			
							209210	Định giá đất đai	2		1.00			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
98	12333226	Nguyễn Thị Minh	Thanh	CD12CQ	55	1.22	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		3.80			
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.70			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.40			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.10			
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		3.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.00			
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.40			
							209210	Định giá đất đai	2		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.90			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		3.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
98	12333226	Nguyễn Thị Minh	Thanh	CD12CQ	55	1.22	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
99	12333229	Nguyễn Tiến	Thành	CD12CQ	94	2.13	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209210	Định giá đất đai	2		3.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
100	12333230	Nguyễn Văn	Thành	CD12CQ	88	1.92	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.10			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
101	12333232	Nguyễn Mỹ	Trang	CD12CQ	4	0.46	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
101	12333232	Nguyễn Mỹ	Trang	CD12CQ	4	0.46	208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
102	12333240	Châu Ngọc	Thịnh	CD12CQ	18	1.34	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.60			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
102	12333240	Châu Ngọc	Thịnh	CD12CQ	18	1.34	200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.90			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202622	Pháp luật đại cương	2		3.50			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.60			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
103	12333243	Lê Thị ánh	Thư	CD12CQ	107	2.53	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
104	12333246	Võ Thanh	Triều	CD12CQ	1	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
104	12333246	Võ Thanh	Triều	CD12CQ	1	0.00	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.00			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
104	12333246	Võ Thanh	Triều	CD12CQ	1	0.00	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
105	12333247	Bùi Thị Kim	Thảo	CD12CQ	61	1.73	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.80			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.60			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.90			
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		3.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
106	12333248	Lê Thị Huyền	Trang	CD12CQ	57	1.64	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202121	Xác suất thống kê	3		3.20			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
106	12333248	Lê Thị Huyền	Trang	CD12CQ	57	1.64	209102	Trắc địa địa chính	3		3.60			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.00			
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
107	12333249	Lê Thị Thu	Thảo	CD12CQ	89	2.06	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209118	Tin học chuyên ngành	3		3.80			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
108	12333252	Dương Thị Mỹ	Kim	CD12CQ	91	2.13	209101	Trắc địa đại cương	3		3.80			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		2.20			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
108	12333252	Dương Thị Mỹ	Kim	CD12CQ	91	2.13	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
109	12333253	Lê Minh	Thức	CD12CQ	107	2.26	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
110	12333256	Đoàn Minh	Thành	CD12CQ	89	1.83	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
111	12333259	Trần Xuân	Tôn	CD12CQ	97	1.87	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		2.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		1.50			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
112	12333263	Trần Liêu Phương	Trang	CD12CQ	14	2.46	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
112	12333263	Trần Liêu Phương	Trang	CD12CQ	14	2.46	209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
113	12333267	Lê Hữu	Trí	CD12CQ	19	1.14	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		2.60			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
113	12333267	Lê Hữu	Trí	CD12CQ	19	1.14	209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
114	12333268	Hồ Thị Hoài	Hương	CD12CQ	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
114	12333268	Hồ Thị Hoài	Hương	CD12CQ	0	0.00	200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.00			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
114	12333268	Hồ Thị Hoài	Hương	CD12CQ	0	0.00	218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
115	12333271	Trịnh Duy	Hùng	CD12CQ	1	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		1.40			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.00			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
115	12333271	Trịnh Duy	Hùng	CD12CQ	1	0.00	209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
116	12333272	Ngô Đặng Thanh	Trúc	CD12CQ	97	2.33	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
117	12333277	Lương Hoàng	Tú	CD12CQ	93	1.78	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209110	Bản đồ học	3		3.60			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		2.40			
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
118	12333279	Trần Thị Minh	Hiền	CD12CQ	74	1.86	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.40			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		3.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.50			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.90			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
118	12333279	Trần Thị Minh	Hiền	CD12CQ	74	1.86	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
119	12333282	Dương Thị Hoài	Nghĩa	CD12CQ	49	1.03	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		3.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.20			
							209110	Bản đồ học	3		3.40			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3		2.10			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.00			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.50			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		3.50			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		3.20			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.40			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
120	12333284	Bùi Văn	Vương	CD12CQ	64	1.60	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
120	12333284	Bùi Văn	Vương	CD12CQ	64	1.60	202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.60			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
121	12333286	Đỗ Thị	Thu	CD12CQ	67	1.93	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.20			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.20			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209401	Luật đất đai	2		3.50			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
121	12333286	Đỗ Thị	Thu	CD12CQ	67	1.93	213602	Anh văn 2	5					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
122	12333290	Nguyễn Phú	Khải	CD12CQ	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		1.20			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.00			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
122	12333290	Nguyễn Phú	Khải	CD12CQ	0	0.00	209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
123	12333292	Nguyễn Văn	Trường	CD12CQ	98	2.39	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
124	12333299	Lê Ngọc	Bảo	CD12CQ	28	1.44	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2.00			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
124	12333299	Lê Ngọc	Bảo	CD12CQ	28	1.44	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.50			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.90			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
125	12333303	Trương Quốc	Dũng	CD12CQ	7	0.43	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		1.20			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
125	12333303	Trương Quốc	Dũng	CD12CQ	7	0.43	202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							202622	Pháp luật đại cương	2		3.80			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
126	12333305	Đào Thị	Hoài	CD12CQ	64	2.18	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
126	12333305	Đào Thị	Hoài	CD12CQ	64	2.18	209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
127	12333307	Trần Cao Kim	Khánh	CD12CQ	92	2.27	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
128	12333314	Lê Thị	Nam	CD12CQ	89	2.35	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209102	Trắc địa địa chính	3		2.90			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		3.00			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
129	12333318	Lê Duy	Bình	CD12CQ	45	1.05	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		1.40			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.40			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		1.80			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.60			
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.00			
							202622	Pháp luật đại cương	2		2.80			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.30			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		3.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
130	12333320	Đặng Thị Thanh	Trâm	CD12CQ	67	1.66	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.40			
							209110	Bản đồ học	3		3.80			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
130	12333320	Đặng Thị Thanh	Trâm	CD12CQ	67	1.66	209118	Tin học chuyên ngành	3		2.40			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		2.60			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
131	12333322	Trương Thị Diễm	Thúy	CD12CQ	107	2.57	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
132	12333325	Đạo Thị út	Xuân	CD12CQ	97	2.49	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
133	12333326	Nguyễn Văn	Trường	CD12CQ	108	2.59	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
134	12333329	Lâm Thảo	Uyên	CD12CQ	107	2.17	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
135	12333335	Nguyễn Thái	Viên	CD12CQ	44	0.89	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.20			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.50			
							202622	Pháp luật đại cương	2		3.40			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		2.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.90			
							209102	Trắc địa địa chính	3		2.20			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		3.60			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
135	12333335	Nguyễn Thái	Viên	CD12CQ	44	0.89	209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.00			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
136	12333340	Phạm Thị Thanh	Loan	CD12CQ	104	2.46	202115	Toán cao cấp C2	3		3.80			
137	12333347	Võ Thị Thu	Thảo	CD12CQ	103	2.55	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
138	12333348	Trần Ngọc	Thủy	CD12CQ	97	2.21	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
139	12333350	Trần Thị Cẩm	Tiên	CD12CQ	87	1.59	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.70			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.20			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2		0.00			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.50			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.90			
							214101	Tin học đại cương	3		0.80			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
139	12333350	Trần Thị Cẩm	Tiên	CD12CQ	87	1.59	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
140	12333351	Phan Thị Thùy	Trâm	CD12CQ	14	1.12	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		3.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
140	12333351	Phan Thị Thùy	Trâm	CD12CQ	14	1.12	213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
141	12333354	Nguyễn Đặng Thanh	Truyền	CD12CQ	50	1.16	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		1.50			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209210	Định giá đất đai	2		1.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		2.50			
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		3.50			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
142	12333355	Phạm Tường	Vi	CD12CQ	20	0.95	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
142	12333355	Phạm Tường	Vi	CD12CQ	20	0.95	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		1.60			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		3.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		1.50			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		3.40			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
142	12333355	Phạm Tường	Vi	CD12CQ	20	0.95	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
143	12333357	Tô Thị	Quanh	CD12CQ	97	2.41	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
144	12333363	Phạm Thị Vân	Anh	CD12CQ	97	2.79	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
145	12333364	Trịnh Phương	Anh	CD12CQ	100	2.49	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							214101	Tin học đại cương	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
146	12333365	Nguyễn Thị Bảo	Ân	CD12CQ	102	2.06	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		2.00			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
147	12333369	Nguyễn Thanh	Diễm	CD12CQ	7	0.50	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		1.80			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.10			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
147	12333369	Nguyễn Thanh	Diễm	CD12CQ	7	0.50	209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
148	12333370	Nguyễn Thị	Diễm	CD12CQ	94	2.10	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
149	12333372	Nguyễn Tùng	Diệp	CD12CQ	12	1.06	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
149	12333372	Nguyễn Tùng	Diệp	CD12CQ	12	1.06	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							202622	Pháp luật đại cương	2		3.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
149	12333372	Nguyễn Tùng	Diệp	CD12CQ	12	1.06	218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
150	12333373	Phạm Thị Thu	Dung	CD12CQ	80	2.18	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		1.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2		1.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
151	12333375	Lùm Phi	Dũ	CD12CQ	38	1.24	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		1.40			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.90			
							209102	Trắc địa địa chính	3		2.10			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
151	12333375	Lùm Phi	Dũ	CD12CQ	38	1.24	209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
152	12333376	Đặng Minh	Dương	CD12CQ	47	1.19	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		3.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.20			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.80			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.00			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
152	12333376	Đặng Minh	Dương	CD12CQ	47	1.19	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
153	12333378	Trần Anh	Hảo	CD12CQ	102	2.55	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
154	12333379	Trương Thị	Hạnh	CD12CQ	108	2.61	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
155	12333380	Đoàn Thanh	Hân	CD12CQ	48	1.27	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.30			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		3.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.60			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.50			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		2.50			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.00			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
155	12333380	Đoàn Thanh	Hân	CD12CQ	48	1.27	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
156	12333381	Huỳnh Thị Ngọc	Hiền	CD12CQ	48	1.67	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		3.60			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.60			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.00			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
157	12333384	Đỗ Duy	Hòa	CD12CQ	100	2.06	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.20			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
158	12333385	Nguyễn Văn	Hòa	CD12CQ	102	2.54	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
158	12333385	Nguyễn Văn	Hòa	CD12CQ	102	2.54	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
159	12333386	Nguyễn Quốc	Huy	CD12CQ	102	2.30	209202	Kinh tế đất đai	2		3.10			
							214101	Tin học đại cương	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
160	12333391	Nguyễn Trung	Khang	CD12CQ	102	2.03	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		2.50			
161	12333393	Đoàn Quốc	Khánh	CD12CQ	93	2.18	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
162	12333394	Nguyễn Trần Hồng	Lân	CD12CQ	105	2.32	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
163	12333398	Đoàn Hải	Loan	CD12CQ	14	0.75	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
163	12333398	Đoàn Hải	Loan	CD12CQ	14	0.75	209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
164	12333399	Mai Thị Hồng	Loan	CD12CQ	87	2.24	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
165	12333400	Nguyễn Thị Trúc	Ly	CD12CQ	98	2.52	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
165	12333400	Nguyễn Thị Trúc	Ly	CD12CQ	98	2.52	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
166	12333401	Nguyễn Kiều	My	CD12CQ	16	0.64	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		2.80			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2.80			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202115	Toán cao cấp C2	3		2.80			
							202121	Xác suất thống kê	3					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
166	12333401	Nguyễn Kiều	My	CD12CQ	16	0.64	214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
167	12333402	Dương Thị Thanh	Ngân	CD12CQ	104	2.52	209101	Trắc địa đại cương	3		3.90			
168	12333404	Trần Thị Kim	Ngân	CD12CQ	98	2.43	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
169	12333406	Lê Thị Thảo	Nguyên	CD12CQ	98	2.18	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
170	12333407	Ngô Thị Kim	Nguyên	CD12CQ	52	1.54	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.10			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.40			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.80			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3		3.20			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.80			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
170	12333407	Ngô Thị Kim	Nguyên	CD12CQ	52	1.54	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
171	12333408	Huỳnh Thị Minh	Nguyệt	CD12CQ	35	1.76	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.90			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
171	12333408	Huỳnh Thị Minh	Nguyệt	CD12CQ	35	1.76	218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
172	12333410	Nguyễn Thị Tuyết	Nhàn	CD12CQ	108	2.42	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
173	12333413	Nguyễn Thị	Nữ	CD12CQ	9	0.60	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.50			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							202622	Pháp luật đại cương	2		3.20			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
173	12333413	Nguyễn Thị	Nữ	CD12CQ	9	0.60	209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
174	12333415	Phan Đăng	Phong	CD12CQ	98	2.39	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
175	12333416	Trần Thanh	Phong	CD12CQ	101	2.11	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		3.30			
							209401	Luật đất đai	2		3.50			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
176	12333417	Huỳnh Quang	Phú	CD12CQ	51	1.28	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.90			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.00			
							202121	Xác suất thống kê	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.90			
							209102	Trắc địa địa chính	3		1.80			
							209110	Bản đồ học	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
176	12333417	Huỳnh Quang	Phú	CD12CQ	51	1.28	209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.00			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.00			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
177	12333420	Nguyễn Thị Kim	Phương	CD12CQ	102	2.28	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							214101	Tin học đại cương	3		2.20			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
178	12333422	Triệu Thị Mỹ	Phượng	CD12CQ	107	2.17	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
179	12333425	Lê Tấn	Tài	CD12CQ	107	2.45	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
180	12333427	Phan Ngọc Đan	Thanh	CD12CQ	108	2.37	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
181	12333428	Cao Duy	Thành	CD12CQ	64	2.08	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.60			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
181	12333428	Cao Duy	Thành	CD12CQ	64	2.08	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
182	12333430	Đào Thị	Thảo	CD12CQ	88	1.73	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2		1.00			
							214101	Tin học đại cương	3					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
183	12333431	Lê Nguyễn Nhật	Thảo	CD12CQ	24	1.18	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.20			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202622	Pháp luật đại cương	2		3.50			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
183	12333431	Lê Nguyễn Nhật	Thảo	CD12CQ	24	1.18	209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
184	12333440	Trần Ngọc	Thu	CD12CQ	104	2.36	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
185	12333441	Nguyễn Thị Ngọc	Thuận	CD12CQ	97	2.57	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
186	12333443	Lê Thị Thu	Thủy	CD12CQ	28	1.07	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.00			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		1.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
186	12333443	Lê Thị Thu	Thủy	CD12CQ	28	1.07	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.00			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
187	12333445	Nguyễn Thị Bích	Thụy	CD12CQ	105	2.37	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
188	12333446	Võ Anh	Thư	CD12CQ	91	1.93	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		3.40			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		3.60			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
189	12333448	Tô Lê Hoài	Thương	CD12CQ	54	1.47	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
189	12333448	Tô Lê Hoài	Thương	CD12CQ	54	1.47	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		3.00			
							202121	Xác suất thống kê	3		2.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2		2.00			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
190	12333450	Bùi Phương	Trân	CD12CQ	99	2.21	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.20			
191	12333453	Cao Nguyễn Hoàng	Trinh	CD12CQ	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
191	12333453	Cao Nguyễn Hoàng	Trinh	CD12CQ	0	0.00	202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.00			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.00			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
191	12333453	Cao Nguyễn Hoàng	Trinh	CD12CQ	0	0.00	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
192	12333454	Lê Thị Kiều	Trinh	CD12CQ	105	2.33	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
193	12333455	Lê Thị Thanh	Trúc	CD12CQ	107	2.38	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
194	12333456	Nguyễn Thị ánh	Tuyết	CD12CQ	107	2.63	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
195	12333458	Nguyễn Thị Kim	Uyên	CD12CQ	108	2.61	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
196	12333460	Nguyễn Thị Thanh	Vân	CD12CQ	105	2.12	209101	Trắc địa đại cương	3		3.00			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
197	12333462	Hoàng Tuấn	Vũ	CD12CQ	101	1.87	209101	Trắc địa đại cương	3		3.30			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.60			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
198	12333463	Nguyễn Khánh	Vy	CD12CQ	103	2.36	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209401	Luật đất đai	2		3.50			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
199	12333464	Nguyễn Ngọc	Yến	CD12CQ	105	2.21	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
200	12333465	Hồ Thị Ngọc	Hân	CD12CQ	107	2.56	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
201	12333466	Trương Nguyên	Huy	CD12CQ	9	0.88	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		1.20			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
201	12333466	Trương Nguyên	Huy	CD12CQ	9	0.88	202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
202	12333467	Lê Thị Diệu	Linh	CD12CQ	98	2.26	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
203	12333468	Đinh Xuân	Minh	CD12CQ	103	2.35	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
203	12333468	Đinh Xuân	Minh	CD12CQ	103	2.35	209101	Trắc địa đại cương	3		3.80			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
204	12333469	Đinh Công	Tân	CD12CQ	95	2.26	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
205	12333474	Trương Thị Quỳnh	Nhi	CD12CQ	102	2.29	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
206	12333478	Nguyễn Thị	Thi	CD12CQ	20	0.86	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		0.00			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.10			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
206	12333478	Nguyễn Thị	Thi	CD12CQ	20	0.86	209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.00			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
207	12333481	Võ Thị	Tuyết	CD12CQ	95	2.29	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
208	12333489	Nguyễn Tiến	Thành	CD12CQ	1	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
208	12333489	Nguyễn Tiến	Thành	CD12CQ	1	0.00	208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
209	12333490	Đinh Trung	Hiền	CD12CQ	89	2.05	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.90			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.00			
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.40			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
209	12333490	Đinh Trung	Hiền	CD12CQ	89	2.05	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành CĐ QLDD (CD12CQ)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **107.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú

, ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	2 TC (Min)	
0101 .	202609 Logic học	2
	202621 Xã hội học đại cương	2
	212110 Khoa học môi trường	2
Nhóm TC 02 :	12 TC (Min)	
0201 .	204306 Nông học đại cương	2
	209103 Trắc địa công trình	3
	209106 Trắc địa ảnh hàng không	3
	209109 Hệ thống định vị toàn cầu	3
	209112 Bản đồ địa hình	2
	209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2
	209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2
	209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
	209303 Phân hạng đất	2
	209310 Quản lý nguồn nước	2
	209312 QH xây dựng nông thôn mới	2
	209801 Phương pháp nghiên cứu KH	2
	212507 Đánh giá tác động môi trường	2
Nhóm TC 03 :	5 TC (Min)	
0301 .	209123 Trắc địa - Bản đồ	2
	209315 Quy hoạch	3
	209910 Tiểu luận tốt nghiệp	5
	209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5

Mẫu in: Q5401D0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH08DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2.00			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202108	Toán cao cấp A1	3		0.00			
1	07151033	Lê Hữu	Trọng	DH08DC17	102	1.70	202110	Toán cao cấp A3	3		1.60			
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1					
							209112	Bản đồ địa hình	2		0.00			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 5 TC (Min)

0101 . 202116 Toán rời rạc 3

202609 Logic học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

202625 Địa lý tự nhiên 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208109 Kinh tế vi mô 1 3

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH08DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		208110 Kinh tế vĩ mô 1	3										
		212110 Khoa học môi trường	2										
Nhóm TC 02 :		18 TC (Min)											
0201 .		209114 Bản đồ chuyên đề	3										
		209115 Kỹ thuật bản đồ số	2										
		209116 Cơ sở dữ liệu nâng cao	2										
		209117 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3										
		209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2										
		209122 Giải đoán và điều vẽ ảnh	2										
		209202 Kinh tế đất đai	2										
		209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2										
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209223 Phân tích và thiết kế HTTTNĐ	3										
		209305 Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3										
		209308 Quy hoạch đô thị	3										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209405 Quản lý hành chính về đất đai	2										
		209406 Đăng ký thống kê đất đai	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209124 Hệ thống thông tin đất đai	3										
		209913 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	07124114	Trần Đình	Thủ	DH08QL17	130	2.50	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
2	08124006	Lê Minh	Cảnh	DH08QL17	135	2.61	202121	Xác suất thống kê	3		3.30			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		1.80			
3	08124092	Võ Quốc	Tuấn	DH08QL17	116	2.29	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		1.80			
							209210	Định giá đất đai	2		3.00			
							209401	Luật đất đai	2		3.80			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
4	08124107	Lê Thanh	Hiền	DH08QL17	132	2.63	213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		2.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 6 TC (Min)

0101 . 202609 Logic học 2
202621 Xã hội học đại cương 2
202625 Địa lý tự nhiên 2
208102 Địa lý kinh tế 2
208211 Kinh tế lượng căn bản 3

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		208231 Nguyên lý thống kê kinh tế	3										
		212110 Khoa học môi trường	2										
Nhóm TC 02 :		18 TC (Min)											
0201 .		204306 Nông học đại cương	2										
		209103 Trắc địa công trình	3										
		209106 Trắc địa ảnh hàng không	3										
		209108 Viễn thám ứng dụng	2										
		209109 Hệ thống định vị toàn cầu	3										
		209112 Bản đồ địa hình	2										
		209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2										
		209203 Thị trường bất động sản	2										
		209211 Định giá bất động sản	2										
		209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2										
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209303 Phân hạng đất	2										
		209304 Quy hoach tổng thể KT-XH	2										
		209310 Quản lý nguồn nước	2										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209314 Hệ thống nông nghiệp	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209315 Quy hoạch	3										
		209911 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH08TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	07135058	Trần Minh	Quý	DH08TB17	99	2.43	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3					
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
2	08135014	Trần Văn	Đảo	DH08TB17	56	1.89	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		3.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH08TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
2	08135014	Trần Văn	Đảo	DH08TB17	56	1.89	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2					
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
							209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209211	Định giá bất động sản	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.00			
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
3	08135016	Lê Tuấn	Đạt	DH08TB17	135	2.63	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2		0.00			
4	08135018	Trương Minh	Đức	DH08TB17	106	2.08	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		2.50			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.20			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		1.00			
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		3.00			
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3		2.60			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH08TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
4	08135018	Trương Minh	Đức	DH08TB17	106	2.08	209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3					
							209210	Định giá đất đai	2		3.00			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		3.70			
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1		0.00			
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
5	08135026	Lê Văn	Hiếu	DH08TB17	134	3.04	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
6	08135117	Trương Công	Việt	DH08TB17	126	2.47	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209118	Tin học chuyên ngành	3		3.00			
							209211	Định giá bất động sản	2		3.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 6 TC (Min)

0101 . 202609 Logic học 2

202616 Tâm lý học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208453 Marketing căn bản 2

212110 Khoa học môi trường 2

902616 Tâm lý học 3

908101 Địa lý kinh tế 4

Nhóm TC 02 : 18 TC (Min)

0201 . 208345 Tín dụng ngân hàng 3

208425 Thị trường chứng khoán 2

209208 Hạch toán giá thành CTXD 2

209209 Phát triển bất động sản 2

209212 Quản lý dự án đầu tư BĐS 2

209213 Marketing bất động sản 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH08TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209214 Tư vấn đầu tư BĐS	2										
		209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2										
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209304 Quy hoach tổng thể KT-XH	2										
		209306 Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2										
		209309 Nhà ở và kiến trúc	2										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209403 Luật dân sự	2										
		209404 Luật đầu tư	2										
		209409 Quản lý sàn giao dịch BĐS	2										
		209415 Môi giới bất động sản	2										
		209509 Phong thủy ứng dụng	3										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
		214102 Cơ sở dữ liệu đại cương	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209416 Nguyên lý bất động sản	2										
		209417 Quản trị bất động sản	3										
		209912 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

Mẫu in: Q5401D0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH09DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	09151002	Võ Thị	ánh	DH09DC17	134	2.75	213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
2	09151025	Nguyễn Quốc	Vương	DH09DC17	130	2.37	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
3	09151058	Nguyễn Quyết	Thắng	DH09DC17	115	2.26	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		3.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
4	09151063	Lê Hữu Thiên	Tứ	DH09DC17	104	1.83	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		2.20			
							202108	Toán cao cấp A1	3		3.50			
							202110	Toán cao cấp A3	3		3.20			
							209104	Trắc địa cao cấp	2		2.10			
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		3.00			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.00			
							213601	Anh văn 1	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH09DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
4	09151063	Lê Hữu Thiên	Tứ	DH09DC17	104	1.83	213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		3.50			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 5 TC (Min)

0101 . 202116 Toán rời rạc 3

202609 Logic học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

202625 Địa lý tự nhiên 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208109 Kinh tế vi mô 1 3

208110 Kinh tế vĩ mô 1 3

212110 Khoa học môi trường 2

Nhóm TC 02 : 18 TC (Min)

0201 . 209114 Bản đồ chuyên đề 3

209115 Kỹ thuật bản đồ số 2

209116 Cơ sở dữ liệu nâng cao 2

209117 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 3

209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính 2

209122 Giải đoán và điều vẽ ảnh 2

209202 Kinh tế đất đai 2

209215 Luật xây dựng và luật nhà ở 2

209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng 2

209223 Phân tích và thiết kế HTTTNĐ 3

209305 Quy hoạch sử dụng đất đai CB 3

209308 Quy hoạch đô thị 3

209311 Lập luận chứng KT-KT 2

209312 QH xây dựng nông thôn mới 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH09DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209405 Quản lý hành chính về đất đai	2										
		209406 Đăng ký thống kê đất đai	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209124 Hệ thống thông tin đất đai	3										
		209913 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH09QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	09113209	Vương Văn	Bằng	DH09QL17	128	2.33	202121	Xác suất thống kê	3		3.00			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
2	09113220	Hà Quốc	Việt	DH09QL17	124	2.23	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.20			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.00			
							213601	Anh văn 1	5		2.50			
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
3	09124009	Võ Thị Mỹ	Duyên	DH09QL17	136	2.74	213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
4	09124013	Mai Văn	Định	DH09QL17	94	2.39	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.00			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.00			
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		3.00			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH09QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
4	09124013	Mai Văn	Định	DH09QL17	94	2.39	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
5	09124028	Hoàng Thị	Huệ	DH09QL17	130	3.21	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
6	09124073	Nguyễn Duy	Phương	DH09QL17	135	2.35	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
7	09124143	Hà Sĩ	Bệ	DH09QL17	130	2.49	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
8	09125242	Văn	Hải	DH09QL17	129	2.38	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 6 TC (Min)

0101 . 202609 Logic học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

202625 Địa lý tự nhiên 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208211 Kinh tế lượng căn bản 3

208231 Nguyên lý thống kê kinh tế 3

212110 Khoa học môi trường 2

Nhóm TC 02 : 18 TC (Min)

0201 . 204306 Nông học đại cương 2

209103 Trắc địa công trình 3

209106 Trắc địa ảnh hàng không 3

209108 Viễn thám ứng dụng 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH09QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209109 Hệ thống định vị toàn cầu	3										
		209112 Bản đồ địa hình	2										
		209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2										
		209203 Thị trường bất động sản	2										
		209211 Định giá bất động sản	2										
		209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2										
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209303 Phân hạng đất	2										
		209304 Quy hoach tổng thể KT-XH	2										
		209310 Quản lý nguồn nước	2										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209314 Hệ thống nông nghiệp	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209315 Quy hoạch	3										
		209911 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH09TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	09135008	Vũ Khắc	Duy	DH09TB17	93	1.59	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.00			
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0.00			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		1.80			
							209201	Kinh tế đô thị và vùng	2		0.00			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2		0.00			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.00			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.00			
							209401	Luật đất đai	2		0.00			
2	09135056	Nguyễn Thị Kim	Thoa	DH09TB17	137	2.82	202115	Toán cao cấp C2	3		3.70			
3	09135067	Lê Anh	Vũ	DH09TB17	111	2.16	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		1.00			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.20			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.90			
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH09TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
3	09135067	Lê Anh	Vũ	DH09TB17	111	2.16	213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
4	09135083	Huỳnh Công	Danh	DH09TB17	137	2.44	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
5	09135090	Trần Sơn	Đông	DH09TB17	100	1.92	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.80			
							202121	Xác suất thống kê	3		2.20			
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		1.90			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209201	Kinh tế đô thị và vùng	2					
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2					
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		3.00			
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
6	09135137	Nguyễn Văn	Quang	DH09TB17	94	2.33	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2		0.00			
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.50			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH09TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
6	09135137	Nguyễn Văn	Quang	DH09TB17	94	2.33	214101	Tin học đại cương	3		2.80			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
7	09135149	Nguyễn Thị	Thủy	DH09TB17	133	2.60	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
8	09135175	Trần Xuân	Vũ	DH09TB17	83	1.64	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.00			
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		1.00			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.00			
							209203	Thị trường bất động sản	2		0.00			
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2		0.00			
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3		0.00			
							209210	Định giá đất đai	2		3.00			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.50			
							209401	Luật đất đai	2					
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2		0.00			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.00			
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 6 TC (Min)

0101 . 202609 Logic học 2

202616 Tâm lý học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208453 Marketing căn bản 2

212110 Khoa học môi trường 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH09TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
Nhóm TC 02 :		28 TC (Min)											
0201 .		208345 Tín dụng ngân hàng	3										
		208425 Thị trường chứng khoán	2										
		209208 Hạch toán giá thành CTXD	2										
		209209 Phát triển bất động sản	2										
		209212 Quản lý dự án đầu tư BĐS	2										
		209213 Marketing bất động sản	2										
		209214 Tư vấn đầu tư BĐS	2										
		209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2										
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209304 Quy hoach tổng thể KT-XH	2										
		209306 Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2										
		209309 Nhà ở và kiến trúc	2										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209403 Luật dân sự	2										
		209404 Luật đầu tư	2										
		209409 Quản lý sàn giao dịch BĐS	2										
		209415 Môi giới bất động sản	2										
		209416 Nguyên lý bất động sản	2										
		209417 Quản trị bất động sản	3										
		209509 Phong thủy ứng dụng	3										
		209912 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
		214102 Cơ sở dữ liệu đại cương	2										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	10151005	Nguyễn Linh	Duy	DH10DC	116	1.84	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209102	Trắc địa địa chính	3		1.9			
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		3.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
2	10151012	Lê Công	Hiệp	DH10DC	121	2.33	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
3	10151014	Phan Văn	Lãng	DH10DC	134	2.87	213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
4	10151032	Lý Văn	Thắng	DH10DC	89	1.86	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202108	Toán cao cấp A1	3		3.5			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.8			
							209103	Trắc địa công trình	3					
							209104	Trắc địa cao cấp	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
4	10151032	Lý Văn	Thắng	DH10DC	89	1.86	209107	Viễn thám cơ sở	3		2.0			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		2.0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		3.1			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		2.2			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.5			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		2.5			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
5	10151050	Đào Hồ Thị	Diệu	DH10DC	146	3.22	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
6	10151057	Phan Hoàng	Thành	DH10DC	100	1.59	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202108	Toán cao cấp A1	3		3.4			
							202110	Toán cao cấp A3	3		3.8			
							202121	Xác suất thống kê	3		2.3			
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		3.0			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		2.0			
							209103	Trắc địa công trình	3		2.9			
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		3.0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		2.8			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		2.4			
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
7	10151060	Vũ Trung	Quảng	DH10DC	121	2.22	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
7	10151060	Vũ Trung	Quảng	DH10DC	121	2.22	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202108	Toán cao cấp A1	3		3.8			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.8			
							209112	Bản đồ địa hình	2		3.1			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		3.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
8	10151067	Lê Thị Thu	Thúy	DH10DC	105	2.15	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209401	Luật đất đai	2		3.5			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
9	10151078	Hoàng Minh	Đắc	DH10DC	101	2.49	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3		3.7			
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		3.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
9	10151078	Hoàng Minh	Đắc	DH10DC	101	2.49	209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0.0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
10	10151090	Đinh Công	Minh	DH10DC	131	2.31	209401	Luật đất đai	2		3.6			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
11	10151103	Bùi Châu	Thanh	DH10DC	130	2.48	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
12	10151107	Lê Thị Phương	Dung	DH10DC	119	1.88	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		1.6			
							202110	Toán cao cấp A3	3		3.8			
							202121	Xác suất thống kê	3		2.7			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		2.5			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 5 TC (Min)

0101 . 202116 Toán rời rạc 3

202609 Logic học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

202625 Địa lý tự nhiên 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		208102 Địa lý kinh tế	2										
		208109 Kinh tế vi mô 1	3										
		208110 Kinh tế vĩ mô 1	3										
		212110 Khoa học môi trường	2										
Nhóm TC 02 :		18 TC (Min)											
0201 .		209114 Bản đồ chuyên đề	3										
		209115 Kỹ thuật bản đồ số	2										
		209116 Cơ sở dữ liệu nâng cao	2										
		209117 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3										
		209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2										
		209122 Giải đoán và điều vẽ ảnh	2										
		209202 Kinh tế đất đai	2										
		209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2										
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209223 Phân tích và thiết kế HTTTNĐ	3										
		209305 Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3										
		209308 Quy hoạch đô thị	3										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209405 Quản lý hành chính về đất đai	2										
		209406 Đăng ký thống kê đất đai	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209124 Hệ thống thông tin đất đai	3										
		209913 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	10124019	Phạm Thanh	Châu	DH10QL	83	1.66	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.8			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		3.8			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		2.0			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.5			
							209302	Đánh giá đất đai	2		3.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		2.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
2	10124020	Dương Biên	Cương	DH10QL	124	1.97	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
2	10124020	Dương Biên	Cương	DH10QL	124	1.97	213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
3	10124025	Cù Thanh	Dung	DH10QL	136	2.51	202115	Toán cao cấp C2	3		3.2			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
4	10124033	Trần Văn	Dũng	DH10QL	137	2.38	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
5	10124047	Trương Văn	Hạnh	DH10QL	129	2.55	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
6	10124061	Nguyễn Thanh	Hoàng	DH10QL	135	2.41	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
7	10124069	Lê Trương Quốc	Hùng	DH10QL	118	2.33	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.9			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.5			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
8	10124080	Trần Quang	Khải	DH10QL	129	2.36	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
9	10124081	Nguyễn Minh	Khương	DH10QL	78	1.57	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.6			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
9	10124081	Nguyễn Minh	Khương	DH10QL	78	1.57	209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		2.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		1.3			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		2.4			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
10	10124083	Lê Hạ	Lam	DH10QL	123	2.14	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
11	10124105	Lê Ngọc	Lợi	DH10QL	139	2.46	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
12	10124116	Nguyễn Thị Diễm	Mơ	DH10QL	137	2.38	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
13	10124123	Bùi Thị	Ngân	DH10QL	58	1.84	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
							209110	Bản đồ học	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
13	10124123	Bùi Thị	Ngân	DH10QL	58	1.84	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
14	10124129	Phạm Thị	Ngọc	DH10QL	127	2.75	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
15	10124143	Lâm Quỳnh	Như	DH10QL	118	2.08	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200202	Quân sự (thực hành)*	3		3.5			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.8			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
15	10124143	Lâm Quỳnh	Như	DH10QL	118	2.08	209102	Trắc địa địa chính	3		3.3			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
16	10124170	Hồ Minh	Tân	DH10QL	95	1.82	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		1.6			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		3.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
17	10124172	Huỳnh Hoàng	Thao	DH10QL	140	2.94	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
18	10124201	Lã Văn	Thương	DH10QL	136	2.41	213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
19	10124223	Lê Minh	Triết	DH10QL	132	2.36	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
20	10124234	Lê Trọng	Tuấn	DH10QL	93	1.71	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
20	10124234	Lê Trọng	Tuấn	DH10QL	93	1.71	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		3.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		2.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		2.4			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
21	10124242	Bùi Thị	Tươi	DH10QL	129	2.52	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
22	10124250	Nguyễn Thành	Vinh	DH10QL	107	2.02	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.4			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		2.5			
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.9			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
23	10124251	Hoàng Trọng	Vũ	DH10QL	129	2.61	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
24	10124255	Phạm Thị Hà	Xuyên	DH10QL	57	1.63	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		3.7			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.9			
							209102	Trắc địa địa chính	3		2.4			
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209110	Bản đồ học	3		3.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209302	Đánh giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		3.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
24	10124255	Phạm Thị Hà Xuyên	DH10QL	57	1.63	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
						TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 6 TC (Min)

0101 . 202609 Logic học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

202625 Địa lý tự nhiên 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208211 Kinh tế lượng căn bản 3

208231 Nguyên lý thống kê kinh tế 3

212110 Khoa học môi trường 2

Nhóm TC 02 : 18 TC (Min)

0201 . 204306 Nông học đại cương 2

209103 Trắc địa công trình 3

209106 Trắc địa ảnh hàng không 3

209108 Viễn thám ứng dụng 2

209109 Hệ thống định vị toàn cầu 3

209112 Bản đồ địa hình 2

209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính 2

209203 Thị trường bất động sản 2

209211 Định giá bất động sản 2

209215 Luật xây dựng và luật nhà ở 2

209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng 2

209303 Phân hạng đất 2

209304 Quy hoach tổng thể KT-XH 2

209310 Quản lý nguồn nước 2

209311 Lập luận chứng KT-KT 2

209312 QH xây dựng nông thôn mới 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209314 Hệ thống nông nghiệp	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209315 Quy hoạch	3										
		209911 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	10124259	Phan Ngọc	Ân	DH10QLGL	123	2.22	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		3.5			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		3.5			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		1.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		2.0			
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
2	10124261	Trang Quốc	Hòa	DH10QLGL	103	1.59	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		2.5			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		3.5			
							202622	Pháp luật đại cương	2		3.9			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		3.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		2.0			
							209210	Định giá đất đai	2		2.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		2.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		3.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		3.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		2.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		2.0			
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
2	10124261	Trang Quốc	Hòa	DH10QLGL	103	1.59	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
3	10124262	Nguyễn Duy	Khang	DH10QLGL	95	1.61	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		2.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		3.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		2.0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		1.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		3.5			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		3.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		2.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		1.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		3.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
4	10124263	Kpă	Ký	DH10QLGL	41	0.48	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
							209110	Bản đồ học	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
4	10124263	Kpă	Ký	DH10QLGL	41	0.48	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.0			
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
5	10124265	Kpă	Minh	DH10QLGL	3	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
5	10124265	Kpă Minh	DH10QLGL	3	0.00	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.0			
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
						200202	Quân sự (thực hành)*	3		0.0			
						202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
						202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
						202121	Xác suất thống kê	3		0.0			
						202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.0			
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
						202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
						209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
						209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
						209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
						209110	Bản đồ học	3		0.0			
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
						209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
						209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
						209210	Định giá đất đai	2		0.0			
						209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
						209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
						209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
						209401	Luật đất đai	2		0.0			
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
5	10124265	Kpă	Minh	DH10QLGL	3	0.00	209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
6	10124267	Vũ Đức	Minh	DH10QLGL	118	2.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		3.1			
							209202	Kinh tế đất đai	2		2.0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		1.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		3.0			
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
7	10124270	Nguyễn Ngọc	Quỳnh	DH10QLGL	140	2.51	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
8	10124302	Nguyễn Tiến	Lê	DH10QLGL	15	0.13	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2.3			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
8	10124302	Nguyễn Tiến Lê	DH10QLGL	15	0.13	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
						200202	Quân sự (thực hành)*	3		0.0			
						202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
						202121	Xác suất thống kê	3		0.0			
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
						202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
						209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
						209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
						209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
						209110	Bản đồ học	3		0.0			
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
						209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
						209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
						209210	Định giá đất đai	2		0.0			
						209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
						209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
						209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
						209401	Luật đất đai	2		0.0			
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
						209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
8	10124302	Nguyễn Tiến	Lê	DH10QLGL	15	0.13	209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.0			
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
9	10124320	Tạ Huỳnh	Huy	DH10QLGL	83	1.44	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		3.5			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.0			
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
10	10124324	Lâm Minh	Thành	DH10QLGL	130	1.92	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		3.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		3.5			
11	10124331	Nguyễn Hùng	Cường	DH10QLGL	21	0.17	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							200202	Quân sự (thực hành)*	3		0.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
							209110	Bản đồ học	3		0.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
11	10124331	Nguyễn Hùng	Cường	DH10QLGL	21	0.17	209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.0			
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 6 TC (Min)

0101 . 202609 Logic học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

202625 Địa lý tự nhiên 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208211 Kinh tế lượng căn bản 3

208231 Nguyên lý thống kê kinh tế 3

212110 Khoa học môi trường 2

Nhóm TC 02 : 18 TC (Min)

0201 . 204306 Nông học đại cương 2

209103 Trắc địa công trình 3

209106 Trắc địa ảnh hàng không 3

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209108 Viễn thám ứng dụng	2										
		209109 Hệ thống định vị toàn cầu	3										
		209112 Bản đồ địa hình	2										
		209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2										
		209203 Thị trường bất động sản	2										
		209211 Định giá bất động sản	2										
		209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2										
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209303 Phân hạng đất	2										
		209304 Quy hoach tổng thể KT-XH	2										
		209310 Quản lý nguồn nước	2										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209314 Hệ thống nông nghiệp	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209315 Quy hoạch	3										
		209911 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLNT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	10124074	Lê Thị Ngọc	Hương	DH10QLNT	127	2.52	202115	Toán cao cấp C2	3		2.3			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
2	10124289	Đàng Thị Mai	Thảo	DH10QLNT	139	2.90	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
3	10124294	Đào Duyên Bích	Tuyền	DH10QLNT	1	0.03	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5					
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		0.0			
							200202	Quân sự (thực hành)*	3		0.0			
							202114	Toán cao cấp C1	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.0			
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLNT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
							209110	Bản đồ học	3		0.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
3	10124294	Đào Duyên Bích	Tuyền	DH10QLNT	1	0.03	209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							213601	Anh văn 1	5		0.0			
							213602	Anh văn 2	5		0.0			
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
4	11124149	Huỳnh Ngọc Anh	Khoa	DH11QLNT	128	2.39	200202	Quân sự (thực hành)*	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLNT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
4	11124149	Huỳnh Ngọc Anh	Khoa	DH11QLNT	128	2.39	202114	Toán cao cấp C1	3		2.7			
							209110	Bản đồ học	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
5	11124207	Nguyễn Thị Thúy	Vân	DH11QLNT	1	0.03	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		0.0			
							200202	Quân sự (thực hành)*	3		0.0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.0			
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.0			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
							209110	Bản đồ học	3		0.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLNT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
5	11124207	Nguyễn Thị Thúy	Vân	DH11QLNT	1	0.03	209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							213601	Anh văn 1	5		0.0			
							213602	Anh văn 2	5		0.0			
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
6	11124208	Phạm Thị Huệ	Trinh	DH11QLNT	1	0.03	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		0.0			
							200202	Quân sự (thực hành)*	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLNT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
6	11124208	Phạm Thị Huệ	Trinh	DH11QLNT	1	0.03	202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.0			
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.0			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
							209110	Bản đồ học	3		0.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLNT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
6	11124208	Phạm Thị Huệ	Trinh	DH11QLNT	1	0.03	209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							213601	Anh văn 1	5		0.0			
							213602	Anh văn 2	5		0.0			
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
7	11124213	Phùng Thị Vũ	Lại	DH11QLNT	1	0.03	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		0.0			
							200202	Quân sự (thực hành)*	3		0.0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.0			
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.0			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLNT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
7	11124213	Phùng Thị Vũ	Lại	DH11QLNT	1	0.03	209110	Bản đồ học	3		0.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							213601	Anh văn 1	5		0.0			
							213602	Anh văn 2	5		0.0			
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
8	11124222	Nguyễn Mạnh	Dũng	DH11QLNT	1	0.03	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLNT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
8	11124222	Nguyễn Mạnh	Dũng	DH11QLNT	1	0.03	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		0.0			
							200202	Quân sự (thực hành)*	3		0.0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.0			
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.0			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
							209110	Bản đồ học	3		0.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLNT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
8	11124222	Nguyễn Mạnh	Dũng	DH11QLNT	1	0.03	209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							213601	Anh văn 1	5		0.0			
							213602	Anh văn 2	5		0.0			
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 6 TC (Min)

0101 . 202609 Logic học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

202625 Địa lý tự nhiên 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208211 Kinh tế lượng căn bản 3

208231 Nguyên lý thống kê kinh tế 3

212110 Khoa học môi trường 2

Nhóm TC 02 : 18 TC (Min)

0201 . 204306 Nông học đại cương 2

209103 Trắc địa công trình 3

209106 Trắc địa ảnh hàng không 3

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH10QLNT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209108 Viễn thám ứng dụng	2										
		209109 Hệ thống định vị toàn cầu	3										
		209112 Bản đồ địa hình	2										
		209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2										
		209203 Thị trường bất động sản	2										
		209211 Định giá bất động sản	2										
		209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2										
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209303 Phân hạng đất	2										
		209304 Quy hoach tổng thể KT-XH	2										
		209310 Quản lý nguồn nước	2										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209314 Hệ thống nông nghiệp	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209315 Quy hoạch	3										
		209911 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH10TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	10135008	Hồ Văn	Chung	DH10TB	122	2.50	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2		3.3			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
2	10135009	Nguyễn Thị ánh	Chung	DH10TB	139	2.83	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
3	10135020	Đặng Thị Trúc	Giang	DH10TB	129	2.87	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
4	10135021	Hoàng Thị Thanh	Giang	DH10TB	129	2.80	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
5	10135023	Nguyễn Việt Thu	Hà	DH10TB	87	1.85	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.1			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2					
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3		0.0			
							209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3					
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH10TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
5	10135023	Nguyễn Việt Thu	Hà	DH10TB	87	1.85	209211	Định giá bất động sản	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
6	10135026	Trần Thị Quỳnh	Hạnh	DH10TB	136	2.43	202114	Toán cao cấp C1	3		3.8			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
7	10135033	Vương Thị	Hiền	DH10TB	139	2.91	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
8	10135035	Nguyễn Trọng	Hiếu	DH10TB	129	2.40	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
9	10135039	Phạm Thị	Hoài	DH10TB	139	2.67	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
10	10135050	Nguyễn Ngọc	Lâm	DH10TB	139	2.57	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
11	10135052	Nguyễn Khánh	Lê	DH10TB	139	2.72	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
12	10135062	Lục Cao	Minh	DH10TB	123	2.56	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
13	10135063	Nguyễn Đức	Minh	DH10TB	84	1.93	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.4			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH10TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
13	10135063	Nguyễn Đức	Minh	DH10TB	84	1.93	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209203	Thị trường bất động sản	2		0.0			
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2					
							209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209211	Định giá bất động sản	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2		2.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
14	10135071	Trần Trọng	Nghĩa	DH10TB	133	2.36	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
15	10135072	Trịnh Hoàng	Nghĩa	DH10TB	139	2.72	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
16	10135081	Nguyễn Thế	Phát	DH10TB	38	1.49	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		2.0			
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3					
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH10TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
16	10135081	Nguyễn Thế	Phát	DH10TB	38	1.49	209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209203	Thị trường bất động sản	2		0.0			
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2					
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
							209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209211	Định giá bất động sản	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
17	10135084	Nguyễn Văn	Quân	DH10TB	139	2.71	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
18	10135093	Vũ Nguyễn Thanh	Thanh	DH10TB	51	1.34	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		2.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH10TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209203	Thị trường bất động sản	2		0.0			
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2					
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
							209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209211	Định giá bất động sản	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.5			
18	10135093	Vũ Nguyễn Thanh	Thanh	DH10TB	51	1.34	209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2		3.0			
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
19	10135110	Trần Anh	Tín	DH10TB	129	2.64	213601	Anh văn 1	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH10TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
19	10135110	Trần Anh	Tín	DH10TB	129	2.64	213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
20	10135112	Trương Công Nhân	Toàn	DH10TB	131	2.32	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
21	10135136	Trần Như	Uyên	DH10TB	100	1.82	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.1			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.7			
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		2.0			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		3.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		3.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2		3.6			
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209211	Định giá bất động sản	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
22	10135140	Lê Thị Tường	Vi	DH10TB	124	2.46	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
23	10135143	Nguyễn Nhật	Vũ	DH10TB	122	2.09	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.4			
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2		3.6			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH10TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
23	10135143	Nguyễn Nhật	Vũ	DH10TB	122	2.09	209211	Định giá bất động sản	2		0.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
24	10135144	Huỳnh Minh	Vương	DH10TB	67	1.58	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.8			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.2			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		3.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209201	Kinh tế đô thị và vùng	2					
							209203	Thị trường bất động sản	2					
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2					
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
							209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3					
							209211	Định giá bất động sản	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1		0.0			
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH10TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	6 TC (Min)	
0101 .	202609 Logic học	2
	202616 Tâm lý học	2
	202621 Xã hội học đại cương	2
	208102 Địa lý kinh tế	2
	208453 Marketing căn bản	2
	212110 Khoa học môi trường	2
Nhóm TC 02 :	28 TC (Min)	
0201 .	208345 Tín dụng ngân hàng	3
	208425 Thị trường chứng khoán	2
	209208 Hạch toán giá thành CTXD	2
	209209 Phát triển bất động sản	2
	209212 Quản lý dự án đầu tư BĐS	2
	209213 Marketing bất động sản	2
	209214 Tư vấn đầu tư BĐS	2
	209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2
	209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
	209304 Quy hoach tổng thể KT-XH	2
	209306 Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2
	209309 Nhà ở và kiến trúc	2
	209311 Lập luận chứng KT-KT	2
	209312 QH xây dựng nông thôn mới	2
	209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2
	209403 Luật dân sự	2
	209404 Luật đầu tư	2
	209409 Quản lý sàn giao dịch BĐS	2
	209415 Môi giới bất động sản	2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH10TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209416 Nguyên lý bất động sản	2										
		209417 Quản trị bất động sản	3										
		209509 Phong thủy ứng dụng	3										
		209912 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
		214102 Cơ sở dữ liệu đại cương	2										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH11DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	11151001	Châu Văn	Điều	DH11DC	130	2.85	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
2	11151003	Nguyễn Quốc	Hợp	DH11DC	124	2.69	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202121	Xác suất thống kê	3		2.8			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
3	11151006	Huỳnh Tấn	Phong	DH11DC	116	1.99	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.0			
							209104	Trắc địa cao cấp	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		3.6			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
4	11151014	Hà Trọng	Nghĩa	DH11DC	130	2.72	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
5	11151021	Phan Thành	Long	DH11DC	129	2.49	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
6	11151022	Lê Tuấn	Anh	DH11DC	129	2.59	213601	Anh văn 1	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH11DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
6	11151022	Lê Tuấn	Anh	DH11DC	129	2.59	213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
7	11151024	Nguyễn Thị Thu	Cúc	DH11DC	91	2.36	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209103	Trắc địa công trình	3		0.0			
							209104	Trắc địa cao cấp	2					
							209108	Viễn thám ứng dụng	2					
							209112	Bản đồ địa hình	2					
							209119	Lập trình chuyên ngành	3					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1					
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
8	11151034	Phạm Quang	Nhật	DH11DC	49	1.39	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		1.6			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202110	Toán cao cấp A3	3		3.5			
							202121	Xác suất thống kê	3		2.3			
							202622	Pháp luật đại cương	2		1.4			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209103	Trắc địa công trình	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH11DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
8	11151034	Phạm Quang	Nhật	DH11DC	49	1.39	209104	Trắc địa cao cấp	2					
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0.0			
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209108	Viễn thám ứng dụng	2					
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3					
							209112	Bản đồ địa hình	2					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209119	Lập trình chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1					
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1					
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		3.8			
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
9	11151061	Đặng Thị	Cương	DH11DC	129	3.16	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
10	11151062	Phan Hoàng	Khánh	DH11DC	57	0.95	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH11DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
10	11151062	Phan Hoàng	Khánh	DH11DC	57	0.95	209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
							209103	Trắc địa công trình	3		0.0			
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0.0			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0.0			
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0.0			
							209110	Bản đồ học	3		3.6			
							209111	Toán bản đồ	2		3.5			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1					
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		3.5			
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
11	11151068	Đặng Ngọc	Văn	DH11DC	116	2.08	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.6			
							209119	Lập trình chuyên ngành	3					
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH11DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
11	11151068	Đặng Ngọc	Văn	DH11DC	116	2.08	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
12	11151070	Hà Tấn	Khương	DH11DC	113	2.20	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202108	Toán cao cấp A1	3		3.1			
							209104	Trắc địa cao cấp	2					
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0.7			
							209111	Toán bản đồ	2					
							209112	Bản đồ địa hình	2					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
13	11151071	Nguyễn Tấn	Lực	DH11DC	126	2.34	202109	Toán cao cấp A2	3		3.8			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
14	11151077	Kiều Diễm Đoan	Thùy	DH11DC	139	2.63	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 5 TC (Min)

0101 . 202116 Toán rời rạc 3

202609 Logic học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

202625 Địa lý tự nhiên 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208109 Kinh tế vi mô 1 3

208110 Kinh tế vĩ mô 1 3

212110 Khoa học môi trường 2

Nhóm TC 02 : 18 TC (Min)

0201 . 209114 Bản đồ chuyên đề 3

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH11DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209115 Kỹ thuật bản đồ số	2										
		209116 Cơ sở dữ liệu nâng cao	2										
		209117 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3										
		209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2										
		209122 Giải đoán và điều vẽ ảnh	2										
		209202 Kinh tế đất đai	2										
		209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2										
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209223 Phân tích và thiết kế HTTTNĐ	3										
		209305 Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3										
		209308 Quy hoạch đô thị	3										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209405 Quản lý hành chính về đất đai	2										
		209406 Đăng ký thống kê đất đai	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209124 Hệ thống thông tin đất đai	3										
		209913 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	10124044	Đỗ Đình Minh	Hải	DH11QL	122	2.42	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
2	11124008	Vũ Trần Tuấn	Dũng	DH11QL	79	1.86	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
2	11124008	Vũ Trần Tuấn	Dũng	DH11QL	79	1.86	209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		1.8			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
3	11124012	Vũ Tiến	Đạt	DH11QL	129	2.71	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
4	11124022	Tạ Đình	Hiển	DH11QL	74	2.11	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3		2.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
4	11124022	Tạ Đình	Hiển	DH11QL	74	2.11	213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
5	11124025	Huỳnh Lê Diễm	Hồng	DH11QL	129	2.69	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
6	11124030	Võ Nguyễn Anh	Khôi	DH11QL	119	2.14	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.9			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.3			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		3.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
7	11124066	Hồ Tấn	Phát	DH11QL	137	2.52	202121	Xác suất thống kê	3		3.8			
8	11124070	Trần Mai	Chi	DH11QL	117	1.97	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
9	11124107	Ngô Thiệu	Quân	DH11QL	128	2.13	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.4			
							202115	Toán cao cấp C2	3		2.5			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
10	11124110	Nguyễn Thị Lệ	Thủy	DH11QL	139	2.68	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
11	11124114	Mai Thùy	Trang	DH11QL	30	1.81	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
11	11124114	Mai Thùy	Trang	DH11QL	30	1.81	202114	Toán cao cấp C1	3		2.2			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		3.5			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209302	Đánh giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
11	11124114	Mai Thùy	Trang	DH11QL	30	1.81	214101	Tin học đại cương	3		3.0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
12	11124116	Tạ Ngọc Bảo	Trân	DH11QL	129	2.35	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.0			
							202121	Xác suất thống kê	3		2.8			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
13	11124121	Nguyễn Toàn	Em	DH11QL	28	1.16	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.2			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		2.2			
							202121	Xác suất thống kê	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
13	11124121	Nguyễn Toàn	Em	DH11QL	28	1.16	209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
14	11124122	Dương Thế	Huy	DH11QL	37	1.62	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.8			
							202622	Pháp luật đại cương	2		2.2			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
14	11124122	Dương Thế	Huy	DH11QL	37	1.62	209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
15	11124127	Võ Thị Thúy	An	DH11QL	138	2.16	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
16	11124166	Từ Phạm Kiều	My	DH11QL	42	1.18	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
16	11124166	Từ Phạm Kiều My	DH11QL	42	1.18	202114	Toán cao cấp C1	3		3.6			
						202115	Toán cao cấp C2	3		3.8			
						209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
						209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
						209107	Viễn thám cơ sở	3					
						209110	Bản đồ học	3		3.5			
						209118	Tin học chuyên ngành	3					
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
						209202	Kinh tế đất đai	2					
						209210	Định giá đất đai	2					
						209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
						209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
						209308	Quy hoạch đô thị	3					
						209401	Luật đất đai	2					
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
						209408	Thanh tra đất đai	2					
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
						213601	Anh văn 1	5					
						213602	Anh văn 2	5					
						214101	Tin học đại cương	3		3.5			
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
16	11124166	Từ Phạm Kiều	My	DH11QL	42	1.18	218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
17	11147900	Lê Duy	Kiệt	DH11QL	73	2.15	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5					
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3					
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1					
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.6			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209302	Đánh giá đất đai	2		3.8			
							209401	Luật đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.5			
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 6 TC (Min)

0101 . 202609 Logic học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		202625 Địa lý tự nhiên	2										
		208102 Địa lý kinh tế	2										
		208211 Kinh tế lượng căn bản	3										
		208231 Nguyên lý thống kê kinh tế	3										
		212110 Khoa học môi trường	2										
Nhóm TC 02 :		18 TC (Min)											
0201 .		204306 Nông học đại cương	2										
		209103 Trắc địa công trình	3										
		209106 Trắc địa ảnh hàng không	3										
		209108 Viễn thám ứng dụng	2										
		209109 Hệ thống định vị toàn cầu	3										
		209112 Bản đồ địa hình	2										
		209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2										
		209203 Thị trường bất động sản	2										
		209211 Định giá bất động sản	2										
		209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2										
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209303 Phân hạng đất	2										
		209304 Quy hoach tổng thể KT-XH	2										
		209310 Quản lý nguồn nước	2										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209314 Hệ thống nông nghiệp	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209315 Quy hoạch	3										

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209911 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	10124325	Trần Quang	Minh	DH11QLGL	120	2.13	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209110	Bản đồ học	3		0.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
2	11124132	Nguyễn Phước	Thịnh	DH11QLGL	140	2.32	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
3	11124135	Nguyễn Văn	Cảnh	DH11QLGL	127	2.39	209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5		3.8			
4	11124143	Nguyễn Thị Thu	Ngọc	DH11QLGL	137	2.52	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		3.5			
5	11124146	Rơ Châm	Phyun	DH11QLGL	138	2.36	209408	Thanh tra đất đai	2		3.5			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
6	11124147	Đặng Thị Hoài	Thu	DH11QLGL	137	2.55	202114	Toán cao cấp C1	3		3.9			
7	11124154		Pyưn	DH11QLGL	110	1.61	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		3.2			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.4			
							202114	Toán cao cấp C1	3		1.8			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
7	11124154		Pyưn	DH11QLGL	110	1.61	209210	Định giá đất đai	2		2.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		3.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
8	11124155	Hà Thị Tuyết	Thương	DH11QLGL	111	1.86	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		3.9			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		2.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		2.5			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.7			
							209210	Định giá đất đai	2		1.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		3.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
9	11124156	Nguyễn Hoàng	Trí	DH11QLGL	140	2.40	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
10	11124157		Ưk	DH11QLGL	140	2.35	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
11	11124169	Hoàng Văn	Lộc	DH11QLGL	84	1.33	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		3.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		3.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		3.5			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		3.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
11	11124169	Hoàng Văn	Lộc	DH11QLGL	84	1.33	209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
12	11124170	Nguyễn Hữu	Tiến	DH11QLGL	137	2.26	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		3.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
13	11124171	Bùi Trọng	Đạt	DH11QLGL	126	2.10	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209107	Viễn thám cơ sở	3		2.0			
							213602	Anh văn 2	5		3.9			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
14	11124174	Trần Thị Thu	Huyền	DH11QLGL	34	0.41	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		2.5			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							200202	Quân sự (thực hành)*	3		0.0			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.4			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
14	11124174	Trần Thị Thu	Huyền	DH11QLGL	34	0.41	209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
15	11124175	Tạ Duy	Khánh	DH11QLGL	135	2.28	213601	Anh văn 1	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
16	11124178	Nguyễn Khắc	Qui	DH11QLGL	128	2.33	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		3.7			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
16	11124178	Nguyễn Khắc	Qui	DH11QLGL	128	2.33	209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
17	11124179	Nguyễn Trung	Nguyên	DH11QLGL	12	0.05	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2.7			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							200202	Quân sự (thực hành)*	3		0.0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		2.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.0			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
17	11124179	Nguyễn Trung	Nguyên	DH11QLGL	12	0.05	209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.0			
							213602	Anh văn 2	5		0.0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
18	11124180	Võ Thế	Phụng	DH11QLGL	133	2.17	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209118	Tin học chuyên ngành	3		2.1			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
19	11124181	Bùi Viết	Tiệm	DH11QLGL	140	2.52	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
20	11124182	Nguyễn Văn	Chiến	DH11QLGL	109	1.66	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		1.8			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
20	11124182	Nguyễn Văn	Chiến	DH11QLGL	109	1.66	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.9			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		3.7			
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.7			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.4			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			
							209210	Định giá đất đai	2		3.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		3.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
21	11124183	Trần Thị Thùy	Trang	DH11QLGL	137	2.48	209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			
22	11124185	Nguyễn Thành	Hải	DH11QLGL	17	0.19	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.2			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							200202	Quân sự (thực hành)*	3		0.0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		1.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.0			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
22	11124185	Nguyễn Thành	Hải	DH11QLGL	17	0.19	209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.0			
							213602	Anh văn 2	5		0.0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
23	11124187	Nguyễn Quỳnh	Phương	DH11QLGL	131	2.36	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		3.9			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		3.5			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
24	11124188	Đoàn Tường	Vy	DH11QLGL	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
24	11124188	Đoàn Tường Vy	DH11QLGL	0	0.00	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
						03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
						200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.0			
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		0.0			
						200202	Quân sự (thực hành)*	3		0.0			
						202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
						202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
						202121	Xác suất thống kê	3		0.0			
						202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.0			
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
						202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
						209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
						209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
						209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
						209110	Bản đồ học	3		0.0			
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
						209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
						209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
						209210	Định giá đất đai	2		0.0			
						209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
						209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
24	11124188	Đoàn Tường	Vy	DH11QLGL	0	0.00	209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5		0.0			
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
25	11124193	Hà Thị Thanh	Tâm	DH11QLGL	137	2.33	209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			
26	11124194	Nguyễn Thị Thu	Thảo	DH11QLGL	128	2.17	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		2.1			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		2.5			
							209210	Định giá đất đai	2		2.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
27	11124195	Võ Thị Kiều	Trinh	DH11QLGL	138	2.26	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
28	11124198	Huỳnh Thị Ngọc	Phương	DH11QLGL	118	1.80	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
28	11124198	Huỳnh Thị Ngọc	Phương	DH11QLGL	118	1.80	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		3.9			
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.4			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			
							209210	Định giá đất đai	2		3.5			
							209408	Thanh tra đất đai	2		3.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
29	11124199	Phạm	Cương	DH11QLGL	133	2.20	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		3.5			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
30	11124202	Lê Nguyễn Mỹ	Duyên	DH11QLGL	130	2.17	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209107	Viễn thám cơ sở	3		2.0			
31	11124203	Võ Thị Thu	Hòa	DH11QLGL	140	2.45	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
32	11124204	Biện Thị Thu	Thủy	DH11QLGL	135	2.39	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		3.1			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
33	11124205	Lê Thị	Loan	DH11QLGL	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3		0.0			
							200202	Quân sự (thực hành)*	3		0.0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
33	11124205	Lê Thị	Loan	DH11QLGL	0	0.00	202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.0			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
33	11124205	Lê Thị	Loan	DH11QLGL	0	0.00	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5		0.0			
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
34	11124221	Hồ Quang	Hữu	DH11QLGL	133	2.21	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		3.5			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 6 TC (Min)

0101 . 202609 Logic học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

202625 Địa lý tự nhiên 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208211 Kinh tế lượng căn bản 3

208231 Nguyên lý thống kê kinh tế 3

212110 Khoa học môi trường 2

Nhóm TC 02 : 18 TC (Min)

0201 . 204306 Nông học đại cương 2

209103 Trắc địa công trình 3

209106 Trắc địa ảnh hàng không 3

209108 Viễn thám ứng dụng 2

209109 Hệ thống định vị toàn cầu 3

209112 Bản đồ địa hình 2

209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH11QLGL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209203 Thị trường bất động sản	2										
		209211 Định giá bất động sản	2										
		209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2										
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209303 Phân hạng đất	2										
		209304 Quy hoach tổng thể KT-XH	2										
		209310 Quản lý nguồn nước	2										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209314 Hệ thống nông nghiệp	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209315 Quy hoạch	3										
		209911 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH11TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
						02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
						200202	Quân sự (thực hành)*	3					
						202114	Toán cao cấp C1	3		3.9			
						202115	Toán cao cấp C2	3		3.1			
						202121	Xác suất thống kê	3					
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		2.7			
						208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0.0			
						208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3					
						209101	Trắc địa đại cương	3					
1	11135003	Lê Ngọc Hà	DH11TB	34	1.24	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
						209118	Tin học chuyên ngành	3					
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
						209203	Thị trường bất động sản	2		0.0			
						209204	Phân tích thị trường BĐS	2					
						209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
						209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3					
						209210	Định giá đất đai	2					
						209211	Định giá bất động sản	2					
						209301	Tài nguyên đất đai	3		3.0			
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
						209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH11TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	11135003	Lê Ngọc	Hà	DH11TB	34	1.24	209401	Luật đất đai	2					
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
2	11135008	Lê Minh	Hiếu	DH11TB	124	2.53	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
3	11135030	Trần Thị ái	Liên	DH11TB	122	2.63	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2		3.3			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
4	11135032	Nguyễn Công	Anh	DH11TB	141	2.55	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
5	11135044	Đỗ Thị	Hạnh	DH11TB	139	3.10	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
6	11135048	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	DH11TB	114	2.25	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.8			
							202121	Xác suất thống kê	3		1.5			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		1.8			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH11TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
6	11135048	Nguyễn Thị Ngọc	Linh	DH11TB	114	2.25	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
7	11135054	Nguyễn Dương	Nhi	DH11TB	135	2.55	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
8	11135061	Võ Quốc	Thịnh	DH11TB	73	2.37	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202622	Pháp luật đại cương	2		2.1			
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2					
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209211	Định giá bất động sản	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209401	Luật đất đai	2					
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH11TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
8	11135061	Võ Quốc	Thịnh	DH11TB	73	2.37	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
9	11162003	Lê Phương	Giang	DH11TB	118	2.48	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.0			
							202121	Xác suất thống kê	3		2.8			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 6 TC (Min)

0101 . 202609 Logic học 2

202616 Tâm lý học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208453 Marketing căn bản 2

212110 Khoa học môi trường 2

Nhóm TC 02 : 28 TC (Min)

0201 . 208345 Tín dụng ngân hàng 3

208425 Thị trường chứng khoán 2

209208 Hạch toán giá thành CTXD 2

209209 Phát triển bất động sản 2

209212 Quản lý dự án đầu tư BĐS 2

209213 Marketing bất động sản 2

209214 Tư vấn đầu tư BĐS 2

209215 Luật xây dựng và luật nhà ở 2

209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng 2

209304 Quy hoach tổng thể KT-XH 2

209306 Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH11TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209309 Nhà ở và kiến trúc	2										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209403 Luật dân sự	2										
		209404 Luật đầu tư	2										
		209409 Quản lý sàn giao dịch BĐS	2										
		209415 Môi giới bất động sản	2										
		209416 Nguyên lý bất động sản	2										
		209417 Quản trị bất động sản	3										
		209509 Phong thủy ứng dụng	3										
		209912 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
		214102 Cơ sở dữ liệu đại cương	2										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH12DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	12124009	Đỗ Phương	Duy	DH12DC	133	2.73	202108	Toán cao cấp A1	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3					
2	12124017	Nguyễn Hạ	Giang	DH12DC	133	3.26	202108	Toán cao cấp A1	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3					
3	12124062	Nguyễn Hoàng	Phú	DH12DC	129	2.91	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202108	Toán cao cấp A1	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3					
4	12124108	Trần Thị Thanh	Xuân	DH12DC	121	2.31	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202108	Toán cao cấp A1	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3					
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		3.6			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		3.0			
5	12124145	Trần Đức	Dinh	DH12DC	135	2.74	202108	Toán cao cấp A1	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
6	12124185	Đặng Thị Thanh	Huyền	DH12DC	110	2.40	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202108	Toán cao cấp A1	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		3.5			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.6			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2					
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1					
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH12DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
7	12124199	Phan Thanh	Kiên	DH12DC	114	2.53	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202108	Toán cao cấp A1	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3					
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
8	12124207	Quách Diệu	Linh	DH12DC	110	1.96	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202108	Toán cao cấp A1	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		2.3			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.0			
							209103	Trắc địa công trình	3		2.5			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2					
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1					
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
9	12124223	Lê Thị Ngọc	Mai	DH12DC	122	2.47	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202108	Toán cao cấp A1	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3					
							209104	Trắc địa cao cấp	2		2.8			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		3.0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1					
10	12124230	Nguyễn Ngọc	Mỹ	DH12DC	114	2.38	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202108	Toán cao cấp A1	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH12DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
10	12124230	Nguyễn Ngọc	Mỹ	DH12DC	114	2.38	202109	Toán cao cấp A2	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.0			
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0.7			
							209119	Lập trình chuyên ngành	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
11	12124259	Dương ánh	Oanh	DH12DC	125	2.62	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202108	Toán cao cấp A1	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3					
							202110	Toán cao cấp A3	3		0.0			
12	12124275	Trần Nguyễn Xuân	Sơn	DH12DC	120	2.23	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202108	Toán cao cấp A1	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3					
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		3.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		3.8			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
13	12124284	Huỳnh Đức	Thành	DH12DC	112	2.13	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202108	Toán cao cấp A1	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3					
							209103	Trắc địa công trình	3		2.5			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		1.7			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		2.8			
							209119	Lập trình chuyên ngành	3					
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
14	12124324	Dương Thị Bích	Trâm	DH12DC	128	2.70	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202108	Toán cao cấp A1	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH12DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
14	12124324	Dương Thị Bích	Trâm	DH12DC	128	2.70	202109	Toán cao cấp A2	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
15	12124328	Nguyễn Thị	Trinh	DH12DC	134	2.65	202108	Toán cao cấp A1	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3					
16	12124360	Trần Thị Hải	Yến	DH12DC	117	2.33	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202108	Toán cao cấp A1	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.6			
							209104	Trắc địa cao cấp	2		1.4			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
17	12124386	Huỳnh Thị	Thùy	DH12DC	133	2.54	202108	Toán cao cấp A1	3					
							202109	Toán cao cấp A2	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 5 TC (Min)

0101 . 202116 Toán rời rạc 3

202609 Logic học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

202625 Địa lý tự nhiên 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208109 Kinh tế vi mô 1 3

208110 Kinh tế vĩ mô 1 3

212110 Khoa học môi trường 2

Nhóm TC 02 : 18 TC (Min)

0201 . 209114 Bản đồ chuyên đề 3

209115 Kỹ thuật bản đồ số 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (DH12DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209116 Cơ sở dữ liệu nâng cao	2										
		209117 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	3										
		209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2										
		209122 Giải đoán và điều vẽ ảnh	2										
		209202 Kinh tế đất đai	2										
		209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2										
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209223 Phân tích và thiết kế HTTTNĐ	3										
		209305 Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3										
		209308 Quy hoạch đô thị	3										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209405 Quản lý hành chính về đất đai	2										
		209406 Đăng ký thống kê đất đai	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209124 Hệ thống thông tin đất đai	3										
		209913 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Địa chính và Quản lý đô thị (DH12QD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **145.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	12124001	Phạm Vũ Hà	An	DH12QD	130	3.56			0					
2	12124005	Bạch Thị	Chi	DH12QD	126	3.34			0					
3	12124006	Lê Thị Kim	Chung	DH12QD	127	3.02			0					
4	12124007	Lê Công	Cường	DH12QD	113	2.60	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
5	12124026	Đặng Minh	Hiếu	DH12QD	96	2.02	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
6	12124029	Lê Hải	Hòa	DH12QD	127	2.91			0					
7	12124030	Võ Thị	Hòa	DH12QD	130	2.80			0					
8	12124033	Đặng Thị Thu	Huyền	DH12QD	130	3.00			0					
9	12124035	Phạm Duy	Hưng	DH12QD	129	2.87			0					
10	12124039	Võ Hà Phương	Khánh	DH12QD	128	2.96			0					
11	12124048	Lê	Lợi	DH12QD	127	3.06			0					
12	12124054	Trần Thị ánh	Ngọc	DH12QD	130	3.00			0					
13	12124066	Nguyễn Thị	Phượng	DH12QD	126	3.06			0					
14	12124072	Nguyễn Xuân	Sướng	DH12QD	130	2.90			0					
15	12124073	Lê Châu	Tâm	DH12QD	120	2.96	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
16	12124075	Nguyễn Thanh	Tân	DH12QD	129	2.79	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
17	12124078	Đoàn Ngọc	Thắng	DH12QD	125	2.86			0					
18	12124085	Nguyễn Minh	Tiến	DH12QD	79	1.99	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
19	12124092	Lê Thành	Trạng	DH12QD	128	2.68			0					
20	12124104	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	DH12QD	125	2.53	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Địa chính và Quản lý đô thị (DH12QD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **145.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
21	12124110	Lê Quốc	Dũng	DH12QD	94	2.01	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
22	12124124	Trần Đăng	Nguyên	DH12QD	130	2.99			0					
23	12124125	Văn Công Tuấn	An	DH12QD	0	0.00	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
24	12124126	Đỗ Thị Quế	Anh	DH12QD	130	2.98			0					
25	12124127	Huỳnh	Anh	DH12QD	130	2.87			0					
26	12124128	Lê Quốc	Anh	DH12QD	130	2.92			0					
27	12124136	Trần Lê Gia	Bảo	DH12QD	126	3.04			0					
28	12124146	Lê Ngọc	Duy	DH12QD	124	2.83	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
29	12124163	Huỳnh Hương	Giang	DH12QD	124	2.53			0					
30	12124178	Phạm Minh	Hoàng	DH12QD	125	2.61	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
31	12124184	Võ Thị Thu	Huyền	DH12QD	22	0.96	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
32	12124196	Phạm Anh	Khoa	DH12QD	130	2.67	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
33	12124197	Trần Đăng	Khoa	DH12QD	44	0.89	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
34	12124198	Phan Thành	Khương	DH12QD	121	2.78	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
35	12124206	Nguyễn Thị Phượng	Linh	DH12QD	130	3.12			0					
36	12124219	Châu Tiến	Lực	DH12QD	129	2.78			0					
37	12124224	Nguyễn Thị ánh	Mai	DH12QD	129	3.09			0					
38	12124227	Huỳnh Quốc	Minh	DH12QD	127	2.46			0					
39	12124234	Lê Thị Hoàng	Nga	DH12QD	127	2.60	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
40	12124243	Lý Thái	Nguyên	DH12QD	108	2.34	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
41	12124252	Phan Thị Hồng	Nhung	DH12QD	129	3.03			0					
42	12124262	Đặng Nguyễn Ngọc	Phúc	DH12QD	126	2.55			0					
43	12124263	Nguyễn Thị Mỹ	Phụng	DH12QD	129	3.27			0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Địa chính và Quản lý đô thị (DH12QD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **145.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
44	12124270	Nguyễn Phương	Quyên	DH12QD	127	2.66	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
45	12124289	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	DH12QD	130	2.92			0					
46	12124292	Phan Duy	Thái	DH12QD	130	2.67			0					
47	12124296	Tăng Thị Thanh	Thi	DH12QD	124	2.88	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
48	12124300	Huỳnh Thị Mộng	Thu	DH12QD	130	2.93	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
49	12124323	Nguyễn Trần Thanh	Trang	DH12QD	127	3.04			0					
50	12124326	Lưu Ngọc Huyền	Trân	DH12QD	104	2.89	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
51	12124330	Phạm Đăng	Trình	DH12QD	17	0.59	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
52	12124331	Đỗ Minh	Trí	DH12QD	117	2.76	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
53	12124341	Phạm Văn	Tùng	DH12QD	11	0.85	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
54	12124349	Nguyễn Trần Thị Mẫ	Vinh	DH12QD	121	2.79	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
55	12124361	Võ Thị	Yến	DH12QD	130	2.92	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
56	12124374	Vũ Nguyễn Thùy	Hương	DH12QD	126	3.00			0					
57	12124378	Mạc Thị	Mơ	DH12QD	129	3.42			0					
58	12124385	`nguyễn Phương	Thùy	DH12QD	130	2.93	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
59	12124393	Nguyễn Thị	Tâm	DH12QD	127	2.83			0					
60	12124900	Trần Xuân	Tú	DH12QD	13	1.52	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

, ngày..... tháng..... năm.....

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Người lập biểu

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
						02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
						03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
						200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5					
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
						200202	Quân sự (thực hành)*	3					
						202114	Toán cao cấp C1	3					
						202501	Giáo dục thể chất 1*	1					
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
						209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
1	10134901	Nguyễn Thị Thu Hà	DH12QL	26	1.35	209102	Trắc địa địa chính	3					
						209107	Viễn thám cơ sở	3					
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
						209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
						209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
						209210	Định giá đất đai	2					
						209301	Tài nguyên đất đai	3					
						209302	Đánh giá đất đai	2					
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	10134901	Nguyễn Thị Thu	Hà	DH12QL	26	1.35	209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
2	10134902	Bùi Hữu	Hanh	DH12QL	132	2.55	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209302	Đánh giá đất đai	2		3.8			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
3	12122172	Trần Minh	Luân	DH12QL	133	2.69	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
4	12124002	Đỗ Thế	Anh	DH12QL	134	2.47	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
5	12124004	Lê Văn	Bình	DH12QL	134	2.81	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
6	12124008	Nguyễn Thanh	Danh	DH12QL	117	2.44	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							213601	Anh văn 1	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
6	12124008	Nguyễn Thanh	Danh	DH12QL	117	2.44	213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
7	12124010	Phạm Tiến	Duy	DH12QL	134	2.74	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
8	12124014	Nguyễn Quốc Thành	Đạt	DH12QL	122	2.39	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		2.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
9	12124016	Mai Văn	Em	DH12QL	135	2.74	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
10	12124018	Dương Minh	Hải	DH12QL	32	0.99	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		3.8			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		2.3			
							202115	Toán cao cấp C2	3		2.8			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		3.7			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209110	Bản đồ học	3		0.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
10	12124018	Dương Minh	Hải	DH12QL	32	0.99	209301	Tài nguyên đất đai	3		3.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
11	12124021	Trần Thị Kim	Hạnh	DH12QL	121	2.78	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
12	12124022	Lâm Thoại	Hằng	DH12QL	119	2.58	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
12	12124022	Lâm Thoại	Hằng	DH12QL	119	2.58	209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
13	12124028	Nguyễn Văn	Hoàng	DH12QL	117	2.14	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.2			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.2			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
14	12124031	Vương Đình	Huy	DH12QL	131	2.70	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
15	12124034	Trần Thị	Huyền	DH12QL	132	2.99	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
16	12124037	Nguyễn Công	Khanh	DH12QL	1	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
							202121	Xác suất thống kê	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
16	12124037	Nguyễn Công	Khanh	DH12QL	1	0.00	202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
16	12124037	Nguyễn Công	Khanh	DH12QL	1	0.00	213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
17	12124038	Nguyễn Hoàng	Khải	DH12QL	135	2.70	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
18	12124040	Đoàn Thị	Lan	DH12QL	132	2.74	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		3.8			
19	12124041	Nguyễn Thị	Liên	DH12QL	135	2.96	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
20	12124042	Lê Thị Thùy	Linh	DH12QL	135	2.71	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
21	12124043	Ngô Thị Thùy	Linh	DH12QL	135	2.74	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
22	12124044	Phan Thị Hoàng	Linh	DH12QL	129	2.96	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							214101	Tin học đại cương	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
23	12124045	Trần Chí	Linh	DH12QL	124	2.56	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
24	12124047	Phạm Đình	Lộc	DH12QL	124	2.57	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
25	12124052	Lý Ngọc	Mỹ	DH12QL	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
25	12124052	Lý Ngọc Mỹ	DH12QL	0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.0			
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
						200202	Quân sự (thực hành)*	3					
						202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
						202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
						202121	Xác suất thống kê	3					
						202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.0			
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
						202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
						208109	Kinh tế vi mô 1	3					
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
						209101	Trắc địa đại cương	3					
						209102	Trắc địa địa chính	3					
						209107	Viễn thám cơ sở	3					
						209110	Bản đồ học	3					
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
						209118	Tin học chuyên ngành	3					
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
						209202	Kinh tế đất đai	2					
						209210	Định giá đất đai	2					
						209301	Tài nguyên đất đai	3					
						209302	Đánh giá đất đai	2					
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
						209308	Quy hoạch đô thị	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
25	12124052	Lý Ngọc	Mỹ	DH12QL	0	0.00	209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
26	12124055	Phạm Phước	Nhân	DH12QL	134	2.80	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
27	12124056	Nguyễn Nguyên Hạnh	Nhân	DH12QL	125	2.46	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
28	12124060	Nguyễn Lê	Phong	DH12QL	135	2.92	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
29	12124063	Nguyễn Văn	Phú	DH12QL	129	2.53	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209302	Đánh giá đất đai	2		3.9			
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
30	12124064	Phạm Vũ Hồng	Phúc	DH12QL	132	3.33	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
31	12124065	Tạ Thị Thu	Phương	DH12QL	130	2.92	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
32	12124067	Lê Văn	Quân	DH12QL	132	2.37	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
33	12124068	Ngô Phú	Quí	DH12QL	119	2.30	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
34	12124069	Bùi Duy	Quyết	DH12QL	135	2.96	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
35	12124077	Nguyễn Trung	Thành	DH12QL	134	2.73	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
36	12124079	Phan Chí	Thắng	DH12QL	123	2.90	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
37	12124080	Nguyễn Xuân	Thịnh	DH12QL	132	2.57	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
38	12124081	Hồ Thị Kim	Thoa	DH12QL	125	2.41	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
39	12124082	Trần Thị Hoài	Thu	DH12QL	132	2.66	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
40	12124084	Đỗ Phát	Tiến	DH12QL	112	2.41	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		3.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
40	12124084	Đỗ Phát	Tiến	DH12QL	112	2.41	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
41	12124087	Nguyễn Thị Thu	Trang	DH12QL	139	2.65	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
42	12124090	Trần Ngọc Thiên	Trang	DH12QL	126	2.41	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		3.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
43	12124091	Trương Thị Thùy	Trang	DH12QL	135	3.24	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
44	12124093	Hà Nguyễn Bích	Trâm	DH12QL	134	2.85	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
45	12124097	Nguyễn Văn	Trọng	DH12QL	113	2.19	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
46	12124098	Nguyễn Hữu	Trung	DH12QL	47	1.04	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2.4			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.7			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
46	12124098	Nguyễn Hữu	Trung	DH12QL	47	1.04	209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		3.3			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.7			
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
47	12124100	Đỗ Hoàng Anh	Tuấn	DH12QL	72	1.51	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		3.6			
							202114	Toán cao cấp C1	3		2.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		2.8			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
47	12124100	Đỗ Hoàng Anh	Tuấn	DH12QL	72	1.51	209101	Trắc địa đại cương	3		3.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.4			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
48	12124101	Nguyễn Thanh	Tuấn	DH12QL	128	2.48	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
49	12124102	Huỳnh Tấn	Tú	DH12QL	117	2.58	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209302	Đánh giá đất đai	2		3.8			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		3.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
50	12124103	Nguyễn Huỳnh Cẩm	Tú	DH12QL	132	3.24	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
51	12124105	Cao Tường	Vi	DH12QL	114	2.02	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		2.9			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.4			
							209302	Đánh giá đất đai	2		3.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
52	12124106	Nguyễn Trần Thụy á	Vi	DH12QL	1	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
52	12124106	Nguyễn Trần Thụy á	Vi	DH12QL	1	0.00	209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209302	Đánh giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
53	12124111	Lê Ngọc	Đức	DH12QL	124	2.59	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
53	12124111	Lê Ngọc	Đức	DH12QL	124	2.59	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
54	12124113	Huỳnh Phương	Thùy	DH12QL	124	2.91	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
55	12124114	Nguyễn Thị Phương	Dung	DH12QL	132	2.59	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
56	12124116	Nguyễn Thị Thúy	Linh	DH12QL	132	2.64	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
57	12124117	Lê Hương	Lý	DH12QL	130	3.49	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
58	12124119	Trương Thị Mỹ	Sang	DH12QL	122	2.85	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
59	12124121	Đặng Thị Thu	Tài	DH12QL	134	2.99	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
60	12124130	Lê Thị Vân	Anh	DH12QL	62	1.32	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.6			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.5			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
60	12124130	Lê Thị Vân	Anh	DH12QL	62	1.32	209302	Đánh giá đất đai	2		2.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209408	Thanh tra đất đai	2		R			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		2.8			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
61	12124133	Thái Thị Vân	Anh	DH12QL	135	2.69	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
62	12124139	Y Bang	Cil	DH12QL	140	2.76	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
63	12124140	Nguyễn Thành	Công	DH12QL	128	2.44	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.8			
							209110	Bản đồ học	3		3.8			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
64	12124142	Trần Quốc	Cường	DH12QL	30	0.83	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		2.2			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.7			
							202121	Xác suất thống kê	3		2.2			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
64	12124142	Trần Quốc Cường	DH12QL	30	0.83	202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.0			
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		1.0			
						209102	Trắc địa địa chính	3		2.4			
						209107	Viễn thám cơ sở	3					
						209110	Bản đồ học	3		0.0			
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
						209118	Tin học chuyên ngành	3					
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
						209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
						209210	Định giá đất đai	2					
						209302	Đánh giá đất đai	2					
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
						209308	Quy hoạch đô thị	3					
						209401	Luật đất đai	2		0.0			
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
						213601	Anh văn 1	5					
						213602	Anh văn 2	5					
						214101	Tin học đại cương	3					
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
64	12124142	Trần Quốc	Cường	DH12QL	30	0.83	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
65	12124147	Phạm Anh	Duy	DH12QL	123	2.40	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		2.4			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
66	12124149	Nguyễn Mỹ	Duyên	DH12QL	113	2.51	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202121	Xác suất thống kê	3		3.6			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
67	12124151	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	DH12QL	130	2.83	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
68	12124153	Huỳnh Tuấn	Dũng	DH12QL	129	3.00	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
69	12124157	Trần Thị Hoa	Đào	DH12QL	134	2.78	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
70	12124159	Trần Văn	Đạo	DH12QL	134	2.91	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
71	12124160	Nguyễn Ngọc	Đức	DH12QL	115	2.22	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							214101	Tin học đại cương	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
72	12124164	Trương Thị Cẩm	Giang	DH12QL	129	3.41	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
73	12124165	Lô Thịminh	Hà	DH12QL	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
73	12124165	Lô Thịminh Hà	DH12QL	0	0.00	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
						03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
						200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.0			
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
						200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
						200202	Quân sự (thực hành)*	3					
						202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
						202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
						202121	Xác suất thống kê	3					
						202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.0			
						202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
						202622	Pháp luật đại cương	2					
						208109	Kinh tế vi mô 1	3					
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
						209101	Trắc địa đại cương	3					
						209102	Trắc địa địa chính	3					
						209107	Viễn thám cơ sở	3					
						209110	Bản đồ học	3					
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
						209118	Tin học chuyên ngành	3					
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
						209202	Kinh tế đất đai	2					
						209210	Định giá đất đai	2					
						209301	Tài nguyên đất đai	3					
						209302	Đánh giá đất đai	2					
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
73	12124165	Lô Thịminh	Hà	DH12QL	0	0.00	209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
74	12124166	Phùng Phạm Mỹ	Hà	DH12QL	80	1.69	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.8			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.7			
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209110	Bản đồ học	3		3.4			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		2.4			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		3.8			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
74	12124166	Phùng Phạm Mỹ	Hà	DH12QL	80	1.69	209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		2.8			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
75	12124168	Phạm Thị Hồng	Hạnh	DH12QL	135	2.96	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
76	12124174	Ngô Thành	Hiệp	DH12QL	132	2.76	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
77	12124176	Trần Thị Phương	Hoa	DH12QL	11	0.83	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202115	Toán cao cấp C2	3		2.9			
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209110	Bản đồ học	3		0.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
77	12124176	Trần Thị Phương	Hoa	DH12QL	11	0.83	209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
78	12124177	Lục Huy	Hoàng	DH12QL	125	2.59	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
78	12124177	Lục Huy	Hoàng	DH12QL	125	2.59	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
79	12124179	Lê Minh	Huy	DH12QL	125	2.29	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
80	12124180	Lê Sỹ	Huy	DH12QL	123	2.82	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
81	12124183	Võ Dương Mộng	Huyền	DH12QL	135	2.86	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
82	12124187	Đặng Khánh	Hưng	DH12QL	128	2.44	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202121	Xác suất thống kê	3		2.5			
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
83	12124189	Nguyễn Thị Diễm	Hương	DH12QL	132	2.84	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
84	12124190	Phạm Thanh	Hương	DH12QL	132	2.79	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
85	12124201	Triệu Quốc	Liêm	DH12QL	134	2.85	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
86	12124202	Đỗ Thị	Linh	DH12QL	134	3.03	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
87	12124209	Trần Thụy Thùy	Linh	DH12QL	121	2.38	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202121	Xác suất thống kê	3		3.6			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		3.3			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.5			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
87	12124209	Trần Thụy Thùy	Linh	DH12QL	121	2.38	209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
88	12124211	Mai Ngọc	Loan	DH12QL	134	3.15	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
89	12124212	Nguyễn Thị	Loan	DH12QL	127	3.04	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
90	12124214	Huỳnh Minh Hoàng	Long	DH12QL	134	2.63	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
91	12124215	Phạm Ngọc	Lộc	DH12QL	133	2.53	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
92	12124217	Hà Thị	Luyến	DH12QL	134	2.69	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
93	12124218	Võ Thị Ngọc	Luyến	DH12QL	134	2.75	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
94	12124222	Đoàn Thị Tuyết	Mai	DH12QL	134	2.95	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
95	12124226	Trần Thị Trà	Mi	DH12QL	114	2.24	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
96	12124228	Bùi Thụy	My	DH12QL	132	2.76	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
97	12124229	Nguyễn Thị Diễm	My	DH12QL	130	3.00	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
98	12124232	Đỗ Thị	Nga	DH12QL	111	2.15	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		2.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
98	12124232	Đỗ Thị	Nga	DH12QL	111	2.15	202622	Pháp luật đại cương	2		3.4			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		2.1			
							209401	Luật đất đai	2		3.5			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
99	12124236	Trương Thị Thảo	Ngân	DH12QL	109	1.88	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202121	Xác suất thống kê	3		2.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		3.6			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
100	12124238	Nguyễn Phương	Nghi	DH12QL	91	1.66	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202121	Xác suất thống kê	3		2.1			
							209102	Trắc địa địa chính	3		2.5			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		3.5			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		2.5			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
100	12124238	Nguyễn Phương	Nghi	DH12QL	91	1.66	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
101	12124239	Đặng Thụy Bạch	Ngọc	DH12QL	134	3.01	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
102	12124240	Huỳnh Như	Ngọc	DH12QL	129	2.83	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.9			
103	12124245	Nguyễn Thị ánh	Nguyệt	DH12QL	135	2.90	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
104	12124246	Nguyễn Hữu	Nhân	DH12QL	132	2.44	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
105	12124250	Nguyễn Thị	Nhinh	DH12QL	131	3.15	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
106	12124251	Ngô Thị Hồng	Nhung	DH12QL	9	0.54	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0.0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		1.4			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202121	Xác suất thống kê	3		0.0			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
106	12124251	Ngô Thị Hồng	Nhung	DH12QL	9	0.54	209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209302	Đánh giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
107	12124253	Trần Thị Mỹ	Nhung	DH12QL	134	2.57	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
108	12124257	Nguyễn Minh	Nhựt	DH12QL	130	2.57	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		3.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
108	12124257	Nguyễn Minh	Nhựt	DH12QL	130	2.57	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
109	12124260	Cao Thị	Oánh	DH12QL	119	2.87	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
110	12124265	Nguyễn Thị Hồng	Phương	DH12QL	131	2.60	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202121	Xác suất thống kê	3		3.1			
111	12124266	Nguyễn Thị Bích	Phượng	DH12QL	53	1.05	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		2.3			
							202121	Xác suất thống kê	3		2.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0.0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3.5			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
111	12124266	Nguyễn Thị Bích	Phượng	DH12QL	53	1.05	209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		3.3			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
112	12124269	Lê Võ Hoàng Tuấn	Quân	DH12QL	130	2.57	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
113	12124271	Phan Thị	Sỉnh	DH12QL	131	2.81	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
114	12124272	Nguyễn Hoàng	Sơn	DH12QL	127	2.20	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.5			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.2			
							209408	Thanh tra đất đai	2					
115	12124273	Phan Hồng	Sơn	DH12QL	135	2.34	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
116	12124276	Nguyễn Hữu	Tài	DH12QL	130	3.01	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
117	12124278	Phan Minh	Tân	DH12QL	134	2.84	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
118	12124279	Thái Duy	Tân	DH12QL	49	1.37	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.4			
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.7			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
118	12124279	Thái Duy	Tân	DH12QL	49	1.37	209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209110	Bản đồ học	3		0.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
119	12124281	Nguyễn Thiên	Thanh	DH12QL	122	2.39	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
120	12124282	Nguyễn Vũ Giang	Thanh	DH12QL	131	2.64	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
120	12124282	Nguyễn Vũ Giang	Thanh	DH12QL	131	2.64	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
121	12124283	Vương Lý Phương	Thanh	DH12QL	131	2.70	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
122	12124285	Lê Tiến	Thành	DH12QL	129	2.96	213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
123	12124286	Nguyễn Thị	Thảo	DH12QL	1	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
123	12124286	Nguyễn Thị	Thảo	DH12QL	1	0.00	209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209302	Đánh giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
124	12124287	Nguyễn Thị Bích	Thảo	DH12QL	132	2.72	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
125	12124288	Nguyễn Thị Phương	Thảo	DH12QL	134	2.60	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
126	12124291	Nguyễn Vũ Thanh	Thảo	DH12QL	131	3.23	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
127	12124295	Nguyễn Thị	Thê	DH12QL	75	1.54	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.1			
							202121	Xác suất thống kê	3		2.6			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209302	Đánh giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2		3.5			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0.0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0.0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
128	12124297	Lâm Quang	Thịnh	DH12QL	118	1.92	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.3			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.5			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.6			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
128	12124297	Lâm Quang	Thịnh	DH12QL	118	1.92	209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
129	12124299	Nguyễn Hoàng	Thơ	DH12QL	124	2.63	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
130	12124301	Lê Trí	Thuận	DH12QL	134	2.64	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
131	12124302	Lưu Thị Mộng	Thùy	DH12QL	131	3.01	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
132	12124305	Huỳnh Thị Minh	Thư	DH12QL	134	2.95	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
133	12124306	Nguyễn Thị Anh	Thư	DH12QL	98	2.15	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		2.5			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
134	12124307	Đỗ Hồng	Thương	DH12QL	96	1.65	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3.4			
							202121	Xác suất thống kê	3		2.3			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
134	12124307	Đỗ Hồng	Thương	DH12QL	96	1.65	209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		3.4			
							209202	Kinh tế đất đai	2		3.8			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209302	Đánh giá đất đai	2		3.3			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
135	12124312	Tống Thị Thủy	Tiên	DH12QL	130	3.03	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
136	12124313	Võ Thị Cẩm	Tiên	DH12QL	134	3.29	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
137	12124314	Phạm Chí	Tính	DH12QL	129	2.43	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
138	12124315	Ngọ Ngọc	Toàn	DH12QL	133	2.77	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
139	12124317	Đinh Thị Quyền	Trang	DH12QL	127	2.27	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209102	Trắc địa địa chính	3		3.4			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		1.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
140	12124318	Lê Thị Diệu	Trang	DH12QL	125	2.57	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		2.0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
141	12124319	Long Thị	Trang	DH12QL	128	2.61	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
141	12124319	Long Thị	Trang	DH12QL	128	2.61	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
142	12124322	Nguyễn Thị Thùy	Trang	DH12QL	134	2.97	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
143	12124325	Lê Thị Huyền	Trân	DH12QL	132	2.83	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
144	12124327	Nguyễn Thị Diễm	Trân	DH12QL	128	2.45	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.8			
145	12124332	Huỳnh Nhựt	Trí	DH12QL	134	2.81	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
146	12124333	Nguyễn Đức	Trung	DH12QL	26	0.64	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		1.2			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		2.9			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.8			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.7			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		2.4			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
146	12124333	Nguyễn Đức	Trung	DH12QL	26	0.64	209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2		3.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0.0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0.0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		2.4			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
147	12124335	Nguyễn Thị	Trúc	DH12QL	134	2.90	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
148	12124337	Lê Thị	Tuyền	DH12QL	131	2.56	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		2.6			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
149	12124344	Nguyễn Thị Thảo	Uyên	DH12QL	129	3.03	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
150	12124345	Trần Lê Hoàng	Văn	DH12QL	95	1.99	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
150	12124345	Trần Lê Hoàng	Văn	DH12QL	95	1.99	209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		3.6			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		3.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		2.4			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
151	12124346	Nguyễn Thị Bích	Vân	DH12QL	134	2.91	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
152	12124347	Trần Thanh	Vân	DH12QL	118	2.56	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		2.6			
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.5			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							214101	Tin học đại cương	3					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
153	12124351	Nguyễn Thị	Vui	DH12QL	129	2.84	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
154	12124353	Võ Anh	Vũ	DH12QL	123	2.30	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		3.9			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
155	12124356	Phạm Hoàng Phương	Vy	DH12QL	134	2.65	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
156	12124363	Hà Thúy	Duy	DH12QL	134	2.94	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
157	12124367	Nguyễn Thành	Tạo	DH12QL	1	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3					
157	12124367	Nguyễn Thành	Tạo	DH12QL	1	0.00	208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209302	Đánh giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
157	12124367	Nguyễn Thành	Tạo	DH12QL	1	0.00	209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
158	12124368	Trương Tấn	Thanh	DH12QL	132	2.32	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
159	12124375	Ngô Thị	Liên	DH12QL	11	0.63	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.8			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
159	12124375	Ngô Thị	Liên	DH12QL	11	0.63	202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209302	Đánh giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
159	12124375	Ngô Thị	Liên	DH12QL	11	0.63	214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
160	12124380	Đỗ Quỳnh	Như	DH12QL	134	2.42	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
161	12124381	Lê Quỳnh	Như	DH12QL	134	2.66	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
162	12124383	Lê Thị Ngọc	Thảo	DH12QL	131	2.67	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
163	12124384	Phan Thị Minh	Thoa	DH12QL	130	2.92	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
164	12124387	Lê Thị Quyền	Thư	DH12QL	134	2.43	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
165	12124388	Nguyễn Thị Mỹ	Thương	DH12QL	113	2.53	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		3.8			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
166	12124389	Nguyễn Châu Quỳnh	Trọng	DH12QL	109	2.19	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		2.9			
							202121	Xác suất thống kê	3		3.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
166	12124389	Nguyễn Châu Quỳnh	Trọng	DH12QL	109	2.19	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
167	12124394	Nguyễn Thị	Tâm	DH12QL	129	2.69	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
168	12124395	Nguyễn Thị	Trinh	DH12QL	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3					
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.0			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209102	Trắc địa địa chính	3					
							209107	Viễn thám cơ sở	3					
							209110	Bản đồ học	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
168	12124395	Nguyễn Thị	Trinh	DH12QL	0	0.00	209210	Định giá đất đai	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209302	Đánh giá đất đai	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1					
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2					
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
169	12124406	La Thị	Linh	DH12QL	117	2.31	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
170	12124408	Thi Văn	Quỳnh	DH12QL	114	2.24	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 6 TC (Min)

0101 . 202609 Logic học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

202625 Địa lý tự nhiên 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208211 Kinh tế lượng căn bản 3

208231 Nguyên lý thống kê kinh tế 3

212110 Khoa học môi trường 2

Nhóm TC 02 : 18 TC (Min)

0201 . 204306 Nông học đại cương 2

209103 Trắc địa công trình 3

209106 Trắc địa ảnh hàng không 3

209108 Viễn thám ứng dụng 2

209109 Hệ thống định vị toàn cầu 3

209112 Bản đồ địa hình 2

209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính 2

209203 Thị trường bất động sản 2

209211 Định giá bất động sản 2

209215 Luật xây dựng và luật nhà ở 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (DH12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209303 Phân hạng đất	2										
		209304 Quy hoach tổng thể KT-XH	2										
		209310 Quản lý nguồn nước	2										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209314 Hệ thống nông nghiệp	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209315 Quy hoạch	3										
		209911 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH12TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	12124046	Đoàn Văn	Lộc	DH12TB	139	2.80	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
2	12124058	Phạm Thị Trúc	Oanh	DH12TB	129	2.68	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		3.0			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
3	12124074	Lê Thị Kiều	Tâm	DH12TB	127	2.67	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
4	12124109	Trần Nguyễn Ngân	Bình	DH12TB	101	2.03	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.2			
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		3.7			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		3.6			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209211	Định giá bất động sản	2					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
5	12124120	Đoàn Thị Cẩm	Sen	DH12TB	128	2.93	209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							213601	Anh văn 1	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH12TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
5	12124120	Đoàn Thị Cẩm	Sen	DH12TB	128	2.93	213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
6	12124131	Phạm Kiều	Anh	DH12TB	115	2.50	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		3.6			
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
7	12124134	Nguyễn Thụy Ngọc	ánh	DH12TB	139	3.24	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
8	12124148	Lê Đặng Thị Mỹ	Duyên	DH12TB	131	3.31	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
9	12124152	Võ Cao Kỳ	Duyên	DH12TB	112	2.53	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
							209308	Quy hoạch đô thị	3		3.6			
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							213601	Anh văn 1	5		0.0			
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
10	12124161	Vũ Trần Minh	Đức	DH12TB	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		1.8			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		2.0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH12TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
10	12124161	Vũ Trần Minh	Đức	DH12TB	0	0.00	202115	Toán cao cấp C2	3		2.5			
							202121	Xác suất thống kê	3		0.0			
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.0			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		2.6			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3					
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209201	Kinh tế đô thị và vùng	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209203	Thị trường bất động sản	2					
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2					
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
							209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209211	Định giá bất động sản	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH12TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
10	12124161	Vũ Trần Minh	Đức	DH12TB	0	0.00	209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
11	12124162	Đoàn Thị Trà	Giang	DH12TB	137	3.29	209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
12	12124169	Lê Nữ Mỹ	Hằng	DH12TB	117	2.37	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2		0.0			
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1		0.0			
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
13	12124171	Lê Thị Thu	Hằng	DH12TB	133	3.12	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
14	12124173	Trần Thị Thu	Hiền	DH12TB	139	2.74	209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
15	12124181	Nguyễn Quốc	Huy	DH12TB	116	3.24	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2					
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							213601	Anh văn 1	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH12TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
15	12124181	Nguyễn Quốc	Huy	DH12TB	116	3.24	213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
16	12124186	Châu Thanh	Hùng	DH12TB	110	2.37	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		3.0			
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
17	12124200	Lê Thanh	Liêm	DH12TB	127	2.53	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.2			
							209401	Luật đất đai	2		3.5			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
18	12124203	Lê Thị Cẩm	Linh	DH12TB	116	3.02	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
19	12124208	Tống Mỹ	Linh	DH12TB	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0.0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2					
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH12TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
19	12124208	Tống Mỹ	Linh	DH12TB	0	0.00	202114	Toán cao cấp C1	3		0.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0.0			
							202121	Xác suất thống kê	3					
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.0			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1					
							202622	Pháp luật đại cương	2		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3					
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3					
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3					
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3					
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209201	Kinh tế đô thị và vùng	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209203	Thị trường bất động sản	2					
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2					
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
							209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209211	Định giá bất động sản	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209401	Luật đất đai	2					
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH12TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
19	12124208	Tống Mỹ	Linh	DH12TB	0	0.00	209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
20	12124210	Từ Thị Ngọc	Linh	DH12TB	136	2.99	209101	Trắc địa đại cương	3		3.0			
21	12124216	Nguyễn Thành	Luân	DH12TB	25	1.13	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		2.9			
							202115	Toán cao cấp C2	3		2.2			
							202121	Xác suất thống kê	3		2.0			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		3.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		1.5			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0.0			
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3					
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3					
							209101	Trắc địa đại cương	3					
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3					
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209201	Kinh tế đô thị và vùng	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2					
							209203	Thị trường bất động sản	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH12TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
21	12124216	Nguyễn Thành	Luân	DH12TB	25	1.13	209204	Phân tích thị trường BĐS	2					
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
							209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3					
							209210	Định giá đất đai	2					
							209211	Định giá bất động sản	2					
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3					
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.0			
							209401	Luật đất đai	2					
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2					
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							214101	Tin học đại cương	3		0.0			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
22	12124221	Đặng Thị Thanh	Mai	DH12TB	138	2.87	209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
23	12124233	Đỗ Thị Thu	Nga	DH12TB	123	2.34	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.5			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3.5			
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH12TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
24	12124247	Nguyễn Thành	Nhân	DH12TB	85	1.60	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0.0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3.8			
							202502	Giáo dục thể chất 2*	1		0.0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
							209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3		0.0			
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0.0			
							209401	Luật đất đai	2		2.0			
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0.0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.0			
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
25	12124249	Võ Lê Tuyết	Nhi	DH12TB	134	3.05	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
26	12124258	Nguyễn Thị	Nữ	DH12TB	139	3.04	209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
27	12124264	Bùi Mai	Phương	DH12TB	112	2.59	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209211	Định giá bất động sản	2					
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2					
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH12TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
27	12124264	Bùi Mai	Phương	DH12TB	112	2.59	213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
28	12124280	Châu Minh	Thanh	DH12TB	132	2.36	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
29	12124294	Trần Sách	Thắng	DH12TB	120	2.22	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202622	Pháp luật đại cương	2		3.7			
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
30	12124321	Nguyễn Thị Thu	Trang	DH12TB	133	2.90	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
31	12124336	Đặng Thị Kim	Tuyền	DH12TB	133	3.33	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
32	12124342	Hồ Huỳnh Cẩm	Tú	DH12TB	111	2.68	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH12TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
33	12124343	Lê Thị	Tú	DH12TB	138	2.98	209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
34	12124355	Nguyễn Thị Ngọc	Vy	DH12TB	133	2.89	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
35	12124357	Trần Lê Hoài	Xuân	DH12TB	98	2.09	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202121	Xác suất thống kê	3		2.5			
							209101	Trắc địa đại cương	3		2.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209401	Luật đất đai	2		3.2			
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							213601	Anh văn 1	5					
							213602	Anh văn 2	5					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
36	12124370	Lâm Ngọc	Trầm	DH12TB	131	2.51	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
37	12124371	Nguyễn Việt	Cường	DH12TB	126	2.60	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
38	12124376	Đoàn Thị	Linh	DH12TB	138	2.87	209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
39	12124377	Lê Thiện	Lộc	DH12TB	123	2.47	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3					
							209211	Định giá bất động sản	2					
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH12TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
39	12124377	Lê Thiện	Lộc	DH12TB	123	2.47	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
40	12124379	Dương Văn	Năm	DH12TB	135	3.39	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
41	12124487	Damdinpurev	Aminaa	DH12TB	47	1.02	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3					
							200202	Quân sự (thực hành)*	3					
							202114	Toán cao cấp C1	3		3.1			
							202121	Xác suất thống kê	3		2.4			
							202501	Giáo dục thể chất 1*	1		0.0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0.0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0.0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0.0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2					
							209201	Kinh tế đô thị và vùng	2					
							209202	Kinh tế đất đai	2		0.0			
							209203	Thị trường bất động sản	2		1.2			
							209204	Phân tích thị trường BĐS	2					
							209205	Tài chính và đầu tư BĐS	3					
							209207	Lập dự án đầu tư BĐS	3					
							209210	Định giá đất đai	2		0.0			
							209211	Định giá bất động sản	2					
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		3.0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		1.4			
							209401	Luật đất đai	2		0.0			
							209402	Luật Kinh doanh BĐS	2					
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2					
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209904	Rèn nghề 1- TT & lưu trữ TTĐĐ	1					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH12TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
41	12124487	Damdinpurev	Aminaa	DH12TB	47	1.02	209905	Rèn nghề 2-Định giá đ.đai BĐS	1					
							209906	Rèn nghề 3- PT thị trường BĐS	1					
							214101	Tin học đại cương	3		0.9			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 6 TC (Min)

0101 . 202609 Logic học 2

202616 Tâm lý học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208453 Marketing căn bản 2

212110 Khoa học môi trường 2

Nhóm TC 02 : 28 TC (Min)

0201 . 208345 Tín dụng ngân hàng 3

208425 Thị trường chứng khoán 2

209208 Hạch toán giá thành CTXD 2

209209 Phát triển bất động sản 2

209212 Quản lý dự án đầu tư BĐS 2

209213 Marketing bất động sản 2

209214 Tư vấn đầu tư BĐS 2

209215 Luật xây dựng và luật nhà ở 2

209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng 2

209304 Quy hoach tổng thể KT-XH 2

209306 Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD 2

209309 Nhà ở và kiến trúc 2

209311 Lập luận chứng KT-KT 2

209312 QH xây dựng nông thôn mới 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành QL Thị trường Bất động sản (DH12TB)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **139.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
			209313	Mô hình Toán kinh tế trong QH	2								
			209403	Luật dân sự	2								
			209404	Luật đầu tư	2								
			209409	Quản lý sàn giao dịch BĐS	2								
			209415	Môi giới bất động sản	2								
			209416	Nguyên lý bất động sản	2								
			209417	Quản trị bất động sản	3								
			209509	Phong thủy ứng dụng	3								
			209912	Khóa luận tốt nghiệp	10								
			209914	Tiểu luận tốt nghiệp	5								
			212507	Đánh giá tác động môi trường	2								
			214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2								

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	11424001	Phan Văn	Định	LT11QL	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0.00			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.00			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3					
							209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		0.00			
							209203	Thị trường bất động sản	2		0.00			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.00			
							209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0.00			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.00			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.00			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.00			
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0.00			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.00			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
2	11424007	Nguyễn Văn	Công	LT11QL	54	2.57	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
3	11424016	Trần Nguyễn Quốc Vũ	Thư	LT11QL	54	2.04	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
4	11424018	Trương Thị Thúy	Hằng	LT11QL	51	2.35	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
5	11424020	Ngô Thị	Hải	LT11QL	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0.00			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.00			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3					
							209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		0.00			
							209203	Thị trường bất động sản	2		0.00			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.00			
							209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0.00			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.00			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.00			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.00			
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0.00			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.00			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
6	11424023	Dương Hoài	Hận	LT11QL	51	2.00	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
7	11424032	Tấn Thanh	Huyền	LT11QL	2	0.04	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0.00			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.00			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3					
							209203	Thị trường bất động sản	2		0.00			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
7	11424032	Tấn Thanh	Huyền	LT11QL	2	0.04	209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0.00			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.00			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.00			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.00			
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0.00			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.00			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.00			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
8	11424038	Dương Thị	Liêm	LT11QL	54	2.63	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
9	11424042	Bùi Thị	Linh	LT11QL	54	2.18	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
10	11424044	Trịnh Thị	Mai	LT11QL	54	2.22	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
11	11424045	Nguyễn Hữu	Minh	LT11QL	51	2.00	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		3.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
12	11424054	Đặng Thị Hồng	Phượng	LT11QL	51	2.45	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
13	11424072	Lê Hữu	Trọng	LT11QL	16	0.53	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		2.00			
							209203	Thị trường bất động sản	2		2.00			
							209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0.00			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.00			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.00			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.00			
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0.00			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.00			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
13	11424072	Lê Hữu	Trọng	LT11QL	16	0.53	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
14	11424074	Ngô Văn	Trung	LT11QL	23	1.10	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0.00			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.00			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.00			
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0.00			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.00			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
15	11424075	Nguyễn Hữu	Trung	LT11QL	41	2.08	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
16	11424079	Nguyễn Hồng	Vân	LT11QL	2	0.04	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0.00			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.00			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0.00			
							209203	Thị trường bất động sản	2		0.00			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.00			
							209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0.00			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.00			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.00			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.00			
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0.00			
							209408	Thanh tra đất đai	2		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
16	11424079	Nguyễn Hồng	Vân	LT11QL	2	0.04	209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.00			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT11QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú

, ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	
0101 .	202609 Logic học	2
	202621 Xã hội học đại cương	2
	202625 Địa lý tự nhiên	2
	208102 Địa lý kinh tế	2
	208211 Kinh tế lượng căn bản	3
	208231 Nguyên lý thống kê kinh tế	3
	212110 Khoa học môi trường	2
Nhóm TC 02 :	6 TC (Min)	
0201 .	204306 Nông học đại cương	2
	209103 Trắc địa công trình	3
	209108 Viễn thám ứng dụng	2
	209112 Bản đồ địa hình	2
	209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2
	209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
	209303 Phân hạng đất	2
	209310 Quản lý nguồn nước	2
	209312 QH xây dựng nông thôn mới	2
	209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2
	212507 Đánh giá tác động môi trường	2
Nhóm TC 03 :	10 TC (Min)	
0301 .	209123 Trắc địa - Bản đồ	2
	209315 Quy hoạch	3
	209911 Khóa luận tốt nghiệp	10
	209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	12424001	Nguyễn Quang	ánh	LT12QL	54	2.80	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
2	12424007	Nguyễn Thị Quỳnh	Anh	LT12QL	51	2.66	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
3	12424009	Lê Khắc	Bình	LT12QL	54	2.86	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
4	12424010	Nguyễn Văn	Bảo	LT12QL	48	2.42	209107	Viễn thám cơ sở	3		2.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
5	12424013	Ngô Phạm	Công	LT12QL	19	1.30	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0.00			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		1.00			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		1.80			
							209203	Thị trường bất động sản	2		3.40			
							209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0.00			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		1.00			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		3.00			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
6	12424014	Nguyễn Thế	Cường	LT12QL	53	2.45	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.00			
7	12424015	Hồ Thị	Cúc	LT12QL	23	1.50	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
7	12424015	Hồ Thị	Cúc	LT12QL	23	1.50	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0.00			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.00			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.00			
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0.00			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.00			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
8	12424016	Nguyễn Đức	Danh	LT12QL	41	2.17	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
9	12424021	Lê Vũ	Hải	LT12QL	8	0.44	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0.00			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		2.00			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0.00			
							209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		0.00			
							209203	Thị trường bất động sản	2		0.00			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.00			
							209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0.00			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.00			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.00			
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0.00			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.00			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
10	12424028	Huỳnh Thị Hoa	Hiếu	LT12QL	48	2.18	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		3.50			
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
11	12424032	Nguyễn	Huỳnh	LT12QL	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0.00			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.00			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0.00			
							209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		0.00			
							209203	Thị trường bất động sản	2		0.00			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.00			
							209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0.00			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.00			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.00			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.00			
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0.00			
							209408	Thanh tra đất đai	2		1.20			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.00			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
12	12424039	Nguyễn Thị Thúy	Linh	LT12QL	18	0.85	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		1.00			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3.00			
							209203	Thị trường bất động sản	2		3.20			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
12	12424039	Nguyễn Thị Thúy	Linh	LT12QL	18	0.85	209308	Quy hoạch đô thị	3		0.00			
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0.00			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
13	12424043	Trương Thị Hồng	Loan	LT12QL	52	2.44	209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		3.50			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
14	12424048	Nguyễn Hoàng	Mộng	LT12QL	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0.00			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.00			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0.00			
							209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		0.00			
							209203	Thị trường bất động sản	2		0.00			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.00			
							209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0.00			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.00			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.00			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.00			
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0.00			
							209408	Thanh tra đất đai	2		1.20			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.00			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
15	12424050	Nguyễn Thị Ny	Na	LT12QL	54	3.03	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
16	12424056	Nguyễn Thị Thu	Ngọc	LT12QL	51	2.54	NN	Chuẩn đầu ra B1	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
16	12424056	Nguyễn Thị Thu	Ngọc	LT12QL	51	2.54	TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
17	12424059	Lâm Trung	Nghĩa	LT12QL	49	2.47	209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
18	12424072	Dương Thị Huyền	Thơ	LT12QL	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0.00			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.00			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0.00			
							209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		0.00			
							209203	Thị trường bất động sản	2		0.00			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.00			
							209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0.00			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.00			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.00			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0.00			
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0.00			
							209408	Thanh tra đất đai	2		1.20			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0.00			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
19	12424079	Trần Đình	Thiệt	LT12QL	31	1.95	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209107	Viễn thám cơ sở	3		2.00			
							209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0.00			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0.00			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
19	12424079	Trần Đình	Thiệt	LT12QL	31	1.95	209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0.00			
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					
20	12424090	Đoàn Minh	Tuấn	LT12QL	51	2.02	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT12QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú

, ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	
0101 .	202609 Logic học	2
	202621 Xã hội học đại cương	2
	202625 Địa lý tự nhiên	2
	208102 Địa lý kinh tế	2
	208211 Kinh tế lượng căn bản	3
	208231 Nguyên lý thống kê kinh tế	3
	212110 Khoa học môi trường	2
Nhóm TC 02 :	6 TC (Min)	
0201 .	204306 Nông học đại cương	2
	209103 Trắc địa công trình	3
	209108 Viễn thám ứng dụng	2
	209112 Bản đồ địa hình	2
	209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2
	209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
	209303 Phân hạng đất	2
	209310 Quản lý nguồn nước	2
	209312 QH xây dựng nông thôn mới	2
	209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2
	212507 Đánh giá tác động môi trường	2
Nhóm TC 03 :	10 TC (Min)	
0301 .	209123 Trắc địa - Bản đồ	2
	209315 Quy hoạch	3
	209911 Khóa luận tốt nghiệp	10
	209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT13QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	12424095	Trần Thị Kim	Yến	LT13QL	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0.00			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0.00			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0.00			
							209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		0.00			
							209203	Thị trường bất động sản	2		0.00			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0.00			
							209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2					
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2					
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0.00			
							209308	Quy hoạch đô thị	3					
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2					
							209408	Thanh tra đất đai	2		1.80			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2					
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1					
							NN	Chuẩn đầu ra B1	0					
							TH	Chuẩn đầu ra Tin học	0					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT13QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú

, ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	
0101 .	202609 Logic học	2
	202621 Xã hội học đại cương	2
	202625 Địa lý tự nhiên	2
	208102 Địa lý kinh tế	2
	208211 Kinh tế lượng căn bản	3
	208231 Nguyên lý thống kê kinh tế	3
	212110 Khoa học môi trường	2
Nhóm TC 02 :	6 TC (Min)	
0201 .	204306 Nông học đại cương	2
	209103 Trắc địa công trình	3
	209108 Viễn thám ứng dụng	2
	209112 Bản đồ địa hình	2
	209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2
	209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
	209303 Phân hạng đất	2
	209310 Quản lý nguồn nước	2
	209312 QH xây dựng nông thôn mới	2
	209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2
	212507 Đánh giá tác động môi trường	2
Nhóm TC 03 :	10 TC (Min)	
0301 .	209123 Trắc địa - Bản đồ	2
	209315 Quy hoạch	3
	209911 Khóa luận tốt nghiệp	10
	209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT14QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	14424004	Lê Nguyễn Thanh	Bình	LT14QLBD	41	6.24	209911	Khóa luận tốt nghiệp	10					
2	14424006	Nguyễn Thị Minh	Châu	LT14QLBD	24	4.12	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		2	0		
							209203	Thị trường bất động sản	2		5	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0	0		
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							209911	Khóa luận tốt nghiệp	10					
3	14424008	Đăng Bá	Din	LT14QLBD	39	6.05	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209911	Khóa luận tốt nghiệp	10					
4	14424010	Phan Tấn	Hải	LT14QLBD	41	5.92	209911	Khóa luận tốt nghiệp	10		4			
5	14424016	Lê Hoàng	Long	LT14QLBD	36	4.35	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209308	Quy hoạch đô thị	3		4	0		
							209911	Khóa luận tốt nghiệp	10		0			
6	14424018	Trần Văn	Minh	LT14QLBD	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		0			
							209203	Thị trường bất động sản	2		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT14QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
6	14424018	Trần Văn	Minh	LT14QLBD	0	0.00	209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							209911	Khóa luận tốt nghiệp	10					
7	14424019	Nguyễn Hoàng	Nam	LT14QLBD	41	5.73	209911	Khóa luận tốt nghiệp	10		0			
8	14424020	Dương Thành	Nhân	LT14QLBD	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209121	Lưu trữ hồ sơ địa chính	2		0			
							209203	Thị trường bất động sản	2		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0			
							209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							209911	Khóa luận tốt nghiệp	10					
9	14424032	Dương Minh	Thái	LT14QLBD	11	1.93	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT14QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
9	14424032	Dương Minh	Thái	LT14QLBD	11	1.93	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209203	Thị trường bất động sản	2		2	0		
							209304	Quy hoach tổng thể KT-XH	2		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							209911	Khóa luận tốt nghiệp	10					
10	14424035	Trần Thị	Thông	LT14QLBD	49	6.41	209311	Lập luận chứng KT-KT	2		0	3		
11	14424043	Nguyễn Tuấn	Tú	LT14QLBD	41	6.68	209911	Khóa luận tốt nghiệp	10					
12	14424044	Võ Thế	Trọng	LT14QLBD	39	6.07	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209911	Khóa luận tốt nghiệp	10					
13	14424052	Phan Tạ Phước	Vinh	LT14QLBD	38	6.56	209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		2			
							209911	Khóa luận tốt nghiệp	10					
14	14424055	Phạm Văn	Ân	LT14QLBD	46	6.02	209107	Viễn thám cơ sở	3		6	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2					

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ liên thông) (LT14QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **51**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **2**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú

, ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	4 TC (Min)	
0101 .	202609 Logic học	2
	202621 Xã hội học đại cương	2
	202625 Địa lý tự nhiên	2
	208102 Địa lý kinh tế	2
	208211 Kinh tế lượng căn bản	3
	208231 Nguyên lý thống kê kinh tế	3
	212110 Khoa học môi trường	2
Nhóm TC 02 :	6 TC (Min)	
0201 .	204306 Nông học đại cương	2
	209103 Trắc địa công trình	3
	209108 Viễn thám ứng dụng	2
	209112 Bản đồ địa hình	2
	209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2
	209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2
	209303 Phân hạng đất	2
	209310 Quản lý nguồn nước	2
	209312 QH xây dựng nông thôn mới	2
	209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2
	212507 Đánh giá tác động môi trường	2

Mẫu in: Q5401D0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Tiêu chuẩn xét tốt nghiệp lớp TC06QLQ9 (TC06QLQ9)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **203.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	06224114	Phan Quốc	Việt	TC06QLQ9	194	5.73	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

, ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	3 TC (Min)	
0101 .	909102 Bản đồ địa chính	3
	909302 Bản đồ địa chính	4
Nhóm TC 02 :	3 TC (Min)	
0201 .	909305 Quản lý thông tin đất	4
	909311 Hệ thống thông tin nhà đất	3
Nhóm TC 03 :	10 TC (Min)	
0301 .	909907 Khóa luận tốt nghiệp	10
	909918 Khối kiến thức tốt nghiệp	10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Tiêu chuẩn thi tốt nghiệp lớp TC07QL (TC07QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **203.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	06224001	Nguyễn Tuấn	Anh	TC07QL	155	5.19	902114	Toán cao cấp C1	5		4			
							902115	Toán cao cấp C2	3					
							902208	Vật lý QLĐĐ	3					
							902603	Dân số học	2					
							902621	Xã hội học	3					
							908109	Kinh tế vi mô 1	4					
							908110	Kinh tế vĩ mô 1	4		3	2		
							909142	Ngoại ngữ chuyên ngành QL	2		0	0		
							909301	Bản đồ học	4		0	0		
							909401	Pháp luật đất đai	3		0	0		
							909507	Quản lý nguồn nước	3		0	0		
							909510	Đánh giá tác động môi trường	3		0	0		
							909701	Khoa học đất cơ bản	4		0	0		
							909706	Nông học đại cương Q	3		0	0		
							909708	Hệ thống nông nghiệp	3		4	0		
2	07223204	Nguyễn Anh	Tài	TC07QL	93	3.01	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							900107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		0	0		
							902115	Toán cao cấp C2	3		2	3		
							908110	Kinh tế vĩ mô 1	4		3	2		
							909130	Trắc địa đại cương	9		0	0		
							909132	PP nguyên cứu khoa học	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Tiêu chuẩn thi tốt nghiệp lớp TC07QL (TC07QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **203.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
2	07223204	Nguyễn Anh	Tài	TC07QL	93	3.01	909142	Ngoại ngữ chuyên ngành QL	2		0	0		
							909203	Trắc địa ảnh viễn thám	4		0	0		
							909301	Bản đồ học	4		0	0		
							909307	Cơ sở dữ liệu	3		0	0		
							909308	Tin học ứng dụng	4					
							909401	Pháp luật đất đai	3		0	0		
							909403	Thanh tra địa chính	2					
							909404	QL hành chánh về đất đai	3					
							909406	Đăng ký thống kê	3					
							909501	Quy hoạch tổng thể KTXH	3		0	0		
							909502	QH sử dụng đất	6		0	0		
							909504	QH phát triển nông thôn	3		0	0		
							909505	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							909507	Quản lý nguồn nước	3		0	0		
							909510	Đánh giá tác động môi trường	3		3	0		
							909603	Thị trường bất động sản	4		0	0		
							909701	Khoa học đất cơ bản	4		0	0		
							909702	Khoa học đất ứng dụng	3		0	0		
							909704	Định giá đất đai	3		0	0		
							909705	Đánh giá đất đai	3		0	0		
							909706	Nông học đại cương Q	3		0	0		
							909708	Hệ thống nông nghiệp	3		3	0		
							909902	Rèn nghề II	2		0			
							909903	Rèn nghề III	2		0			
3	07224240	Nguyễn Văn	Nhân	TC07QL	132	5.14	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							900111	Kinh tế chính trị 1	4		3	4		
							902114	Toán cao cấp C1	5		0	3		
							902115	Toán cao cấp C2	3		4			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Tiêu chuẩn thi tốt nghiệp lớp TC07QL (TC07QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **203.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
3	07224240	Nguyễn Văn	Nhân	TC07QL	132	5.14	902117	Xác suất thống kê A	4		4	0		
							902208	Vật lý QLĐĐ	3		3	4		
							902307	Hoá học QLĐĐ	3		2	0		
							902401	Môi trường và con người	3		4	4		
							908109	Kinh tế vi mô 1	4		4	4		
							909132	PP nguyên cứu khoa học	2		2			
							909203	Trắc địa ảnh viễn thám	4					
							909308	Tin học ứng dụng	4					
							909502	QH sử dụng đất	6					
							909504	QH phát triển nông thôn	3					
							909510	Đánh giá tác động môi trường	3		3	3		
							909603	Thị trường bất động sản	4					
							909702	Khoa học đất ứng dụng	3					
							909705	Đánh giá đất đai	3		0	3		
							909902	Rèn nghề II	2					
							909903	Rèn nghề III	2					
4	07224247	Trần Minh	Quang	TC07QL	191	5.38	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							909132	PP nguyên cứu khoa học	2		3	2		
							909603	Thị trường bất động sản	4		2	1		
5	07224248	Trịnh Thanh	Sinh	TC07QL	196	5.86	902401	Môi trường và con người	3		3	4		
							909132	PP nguyên cứu khoa học	2		3	2		
							909702	Khoa học đất ứng dụng	3		3	2		
							909708	Hệ thống nông nghiệp	3		3	0		
6	07224276	Bùi Tấn	Quang	TC07QL	197	5.37	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Tiêu chuẩn thi tốt nghiệp lớp TC07QL (TC07QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **203.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú

, ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	3 TC (Min)	
0101 .	909102 Bản đồ địa chính	3
	909302 Bản đồ địa chính	4
Nhóm TC 02 :	3 TC (Min)	
0201 .	909305 Quản lý thông tin đất	4
	909311 Hệ thống thông tin nhà đất	3
Nhóm TC 03 :	10 TC (Min)	
0301 .	909907 Khóa luận tốt nghiệp	10
	909918 Khối kiến thức tốt nghiệp	10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Tiêu chuẩn thi tốt nghiệp lớp TC07QLBN (TC07QLBN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **203.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	07224031	Võ Duy	Hoàng	TC07QLBN	169	5.26	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							902621	Xã hội học	3		0			
							909132	PP nguyên cứu khoa học	2		0	0		
							909502	QH sử dụng đất	6		0	0		
							909603	Thị trường bất động sản	4		0	0		
							909704	Định giá đất đai	3		0			
							909902	Rèn nghề II	2		0			
							909903	Rèn nghề III	2		0			
2	07224061	Nguyễn Văn	Phương	TC07QLBN	183	5.36	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							902621	Xã hội học	3		0			
							909510	Đánh giá tác động môi trường	3		4	3		
							909704	Định giá đất đai	3		0			
							909903	Rèn nghề III	2		0			
3	07224077	Nguyễn Minh	Tiến	TC07QLBN	190	5.78	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							909308	Tin học ứng dụng	4		2	3		
4	07224127	Trần Lương Nam	Hải	TC07QLBN	177	5.09	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							902609	Logic học	3		0			
							902622	Pháp luật đại cương	3		0			
							908101	Địa lý kinh tế	4		0			
							909308	Tin học ứng dụng	4		2	2		
							909510	Đánh giá tác động môi trường	3		0	3		
5	07224135	Nguyễn Hoài	Khanh	TC07QLBN	85	3.08	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Tiêu chuẩn thi tốt nghiệp lớp TC07QLBN (TC07QLBN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **203.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							900107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		0	0		
							902115	Toán cao cấp C2	3		3	4		
							902208	Vật lý QLĐĐ	3		1	4		
							902609	Logic học	3		0			
							902622	Pháp luật đại cương	3		0			
							908118	Thống kê Kinh tế QL	2		0	3		
							909130	Trắc địa đại cương	9		0	0		
							909132	PP nguyên cứu khoa học	2		0	0		
							909142	Ngoại ngữ chuyên ngành QL	2		0	0		
							909203	Trắc địa ảnh viễn thám	4		0			
							909304	Hệ thống thông tin địa lý	4		0			
5	07224135	Nguyễn Hoài	Khanh	TC07QLBN	85	3.08	909307	Cơ sở dữ liệu	3		0	0		
							909308	Tin học ứng dụng	4		0	0		
							909401	Pháp luật đất đai	3		0			
							909403	Thanh tra địa chính	2					
							909404	QL hành chánh về đất đai	3		0			
							909406	Đăng ký thống kê	3		0			
							909501	Quy hoạch tổng thể KTXH	3		0			
							909502	QH sử dụng đất	6		0	0		
							909504	QH phát triển nông thôn	3		0	0		
							909505	Quy hoạch đô thị	3		0			
							909510	Đánh giá tác động môi trường	3		4	0		
							909603	Thị trường bất động sản	4		0	0		
							909604	Kinh tế đất	3		4	0		
							909701	Khoa học đất cơ bản	4		0			
							909702	Khoa học đất ứng dụng	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Tiêu chuẩn thi tốt nghiệp lớp TC07QLBN (TC07QLBN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **203.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
5	07224135	Nguyễn Hoài	Khanh	TC07QLBN	85	3.08	909703	Phân hạng đất	2		0	0		
							909704	Định giá đất đai	3		0			
							909705	Đánh giá đất đai	3		0			
							909901	Rèn nghề I	2		0			
							909902	Rèn nghề II	2		0			
							909903	Rèn nghề III	2		0			
6	07224145	Nguyễn Duy	Nghi	TC07QLBN	188	5.72	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							900104	Lịch sử Đảng CSVN	4		0			
							909901	Rèn nghề I	2		0			
7	07224173	Đỗ Phúc	Thịnh	TC07QLBN	171	5.25	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							902114	Toán cao cấp C1	5		0	4		
							902609	Logic học	3		0			
							902622	Pháp luật đại cương	3		0			
							908101	Địa lý kinh tế	4		0			
							908118	Thống kê Kinh tế QL	2		0	3		
							909142	Ngoại ngữ chuyên ngành QL	2		3	0		
							909308	Tin học ứng dụng	4		0	0		
8	07224178	Bùi Tấn	Thương	TC07QLBN	110	3.67	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							900107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	3		0	0		
							902603	Dân số học	2		0	2		
							902609	Logic học	3		0			
							902622	Pháp luật đại cương	3		0			
							908118	Thống kê Kinh tế QL	2		0	2		
							909130	Trắc địa đại cương	9		0	0		
							909132	PP nguyên cứu khoa học	2		0	0		
							909142	Ngoại ngữ chuyên ngành QL	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Tiêu chuẩn thi tốt nghiệp lớp TC07QLBN (TC07QLBN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **203.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
8	07224178	Bùi Tấn	Thương	TC07QLBN	110	3.67	909203	Trắc địa ảnh viễn thám	4		0			
							909307	Cơ sở dữ liệu	3		3	0		
							909308	Tin học ứng dụng	4		4	0		
							909403	Thanh tra địa chính	2					
							909404	QL hành chánh về đất đai	3		0			
							909406	Đăng ký thống kê	3		0			
							909501	Quy hoạch tổng thể KTXH	3		0			
							909502	QH sử dụng đất	6		0	0		
							909504	QH phát triển nông thôn	3		0	0		
							909505	Quy hoạch đô thị	3		0			
							909507	Quản lý nguồn nước	3		0			
							909603	Thị trường bất động sản	4		0	0		
							909704	Định giá đất đai	3		0			
							909705	Đánh giá đất đai	3		0	0		
							909902	Rèn nghề II	2		0			
							909903	Rèn nghề III	2		0			
9	07224185	Trần Hữu	Vinh	TC07QLBN	192	5.83	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							909903	Rèn nghề III	2		4			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Tiêu chuẩn thi tốt nghiệp lớp TC07QLBN (TC07QLBN)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **203.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú

, ngày..... tháng..... năm.....

Người lập biểu

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 :	3 TC (Min)	
0101 .	909102 Bản đồ địa chính	3
	909302 Bản đồ địa chính	4
Nhóm TC 02 :	3 TC (Min)	
0201 .	909305 Quản lý thông tin đất	4
	909311 Hệ thống thông tin nhà đất	3
Nhóm TC 03 :	10 TC (Min)	
0301 .	909907 Khóa luận tốt nghiệp	10
	909918 Khối kiến thức tốt nghiệp	10

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
1	08221001	Nguyễn Đỗ Quế	Anh	TC08PTBR	30	0.99	208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	08221001	Nguyễn Đỗ Quế	Anh	TC08PTBR	30	0.99	208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
2	08221002	Nguyễn Hòa	Bình	TC08PTBR	5	0.27	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		3	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		4	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
2	08221002	Nguyễn Hòa	Bình	TC08PTBR	5	0.27	208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
3	08221003	Nguyễn Xuân	Bình	TC08PTBR	10	0.31	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		2	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		3	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
3	08221003	Nguyễn Xuân	Bình	TC08PTBR	10	0.31	208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
4	08221005	Trương Nhật	Cường	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
4	08221005	Trương Nhật	Cường	TC08PTBR	0	0.00	208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
5	08221007	Nguyễn Quốc	Dũng	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
5	08221007	Nguyễn Quốc	Dũng	TC08PTBR	0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
5	08221007	Nguyễn Quốc	Dũng	TC08PTBR	0	0.00	208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
6	08221008	Trần	Đức	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
6	08221008	Trần	Đức	TC08PTBR	0	0.00	208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
7	08221009	Phan Văn	Hảo	TC08PTBR	5	0.25	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
7	08221009	Phan Văn	Hảo	TC08PTBR	5	0.25	208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
8	08221012	Đinh Công	Hiệp	TC08PTBR	10	0.42	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		3	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
8	08221012	Đinh Công	Hiệp	TC08PTBR	10	0.42	202622	Pháp luật đại cương	2		3	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
9	08221015	Nguyễn Hữu	Học	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
9	08221015	Nguyễn Hữu Học	TC08PTBR	0	0.00	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
						200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
						202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
						202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
						202121	Xác suất thống kê	3		0			
						202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
						208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
						208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
						208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
						208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
						208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
						208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
						208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
						208501	Dự án phát triển	3		0			
						208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
						208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
						208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
						208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
						208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
						208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
						208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
						208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
						208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
						208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
9	08221015	Nguyễn Hữu	Học	TC08PTBR	0	0.00	208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
10	08221019	Trần Thị Bích	Huyền	TC08PTBR	30	1.07	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
10	08221019	Trần Thị Bích	Huyền	TC08PTBR	30	1.07	208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
11	08221021	Nguyễn Thành	Lâm	TC08PTBR	0	0.00	208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
11	08221021	Nguyễn Thành	Lâm	TC08PTBR	0	0.00	208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
12	08221022	Lê Thị Kim	Lan	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
12	08221022	Lê Thị Kim	Lan	TC08PTBR	0	0.00	208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
13	08221024	Nguyễn Thị Tuyết	Liễu	TC08PTBR	87	4.37	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
13	08221024	Nguyễn Thị Tuyết	Liễu	TC08PTBR	87	4.37	208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
14	08221027	Nguyễn Thị Hoài	Linh	TC08PTBR	30	1.03	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
14	08221027	Nguyễn Thị Hoài	Linh	TC08PTBR	30	1.03	208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
15	08221028	Nguyễn Tuấn	Linh	TC08PTBR	46	1.99	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		4	4		
16	08221029	Hồ Tấn	Lộc	TC08PTBR	64	3.08	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
16	08221029	Hồ Tấn	Lộc	TC08PTBR	64	3.08	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		4	0		
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							213602	Anh văn 2	5		3	0		
17	08221030	Châu Văn	Măng	TC08PTBR	10	0.41	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		3	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		2	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
17	08221030	Châu Văn	Măng	TC08PTBR	10	0.41	208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
18	08221031	Đỗ Duy	Mỹ	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
18	08221031	Đỗ Duy Mỹ	TC08PTBR	0	0.00	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
						202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
						202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
						202121	Xác suất thống kê	3		0			
						202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
						208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
						208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
						208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
						208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
						208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
						208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
						208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
						208501	Dự án phát triển	3		0			
						208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
						208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
						208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
						208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
						208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
						208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
						208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
						208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
						208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
						208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
						208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
						208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
						208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
18	08221031	Đỗ Duy	Mỹ	TC08PTBR	0	0.00	212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
19	08221032	Bùi Hồng	Nam	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
19	08221032	Bùi Hồng	Nam	TC08PTBR	0	0.00	208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
20	08221033	Phạm Ngọc	Ninh	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
20	08221033	Phạm Ngọc	Ninh	TC08PTBR	0	0.00	208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
21	08221039	Nguyễn Thanh	Sang	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
21	08221039	Nguyễn Thanh	Sang	TC08PTBR	0	0.00	208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
22	08221040	Hồ Phạm Trường	Sơn	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
22	08221040	Hồ Phạm Trường Sơn	TC08PTBR	0	0.00	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
						03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
						200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
						202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
						202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
						202121	Xác suất thống kê	3		0			
						202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
						208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
						208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
						208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0			
						208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
						208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
						208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
						208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
						208501	Dự án phát triển	3		0			
						208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
						208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
						208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
						208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
						208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
						208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
						208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
						208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
						208523	Quy hoạch PTNT	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
22	08221040	Hồ Phạm Trường	Sơn	TC08PTBR	0	0.00	208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
23	08221042	Mai Quốc	Thái	TC08PTBR	28	0.87	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
23	08221042	Mai Quốc	Thái	TC08PTBR	28	0.87	208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		4	4		
24	08221044	Đào Trần Đạt	Thắng	TC08PTBR	45	1.82	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		4	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
24	08221044	Đào Trần Đạt	Thắng	TC08PTBR	45	1.82	208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
25	08221046	Cao Bá	Tho	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
25	08221046	Cao Bá	Tho	TC08PTBR	0	0.00	208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
26	08221047	Nguyễn Văn	Thơm	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
26	08221047	Nguyễn Văn	Thơm	TC08PTBR	0	0.00	208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
27	08221048	Hoàng Minh	Thu	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
27	08221048	Hoàng Minh	Thu	TC08PTBR	0	0.00	208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
28	08221052	Trần Anh	Vũ	TC08PTBR	48	2.02	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
28	08221052	Trần Anh	Vũ	TC08PTBR	48	2.02	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
29	08221054	Tạ Văn	Bình	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
29	08221054	Tạ Văn Bình	TC08PTBR	0	0.00	202121	Xác suất thống kê	3		0			
						202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
						208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
						208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
						208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
						208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
						208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
						208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
						208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
						208501	Dự án phát triển	3		0			
						208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
						208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
						208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
						208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
						208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
						208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
						208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
						208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
						208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
						208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
						208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
						208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
						208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
						212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
						213601	Anh văn 1	5		0	0		
						213602	Anh văn 2	5		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
30	08221057	Nguyễn Chí	Hiếu	TC08PTBR	40	1.68	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		2	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
31	08221059	Đoàn Thị Thanh	Hương	TC08PTBR	128	7.03	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
32	08221060	Ung Đặng Hoàng	Kiệt	TC08PTBR	15	0.54	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
32	08221060	Ung Đặng Hoàng	Kiệt	TC08PTBR	15	0.54	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
32	08221060	Ung Đặng Hoàng	Kiệt	TC08PTBR	15	0.54	212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
33	08221061	Nguyễn Thị Bích	Loan	TC08PTBR	31	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
33	08221061	Nguyễn Thị Bích	Loan	TC08PTBR	31	0.00	213602	Anh văn 2	5		0	0		
34	08221064	Nguyễn Thanh	Phong	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
34	08221064	Nguyễn Thanh	Phong	TC08PTBR	0	0.00	208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
35	08221065	Nguyễn Công	Sơn	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
35	08221065	Nguyễn Công	Sơn	TC08PTBR	0	0.00	208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
36	08221068	Thiềm Ngọc	Thanh	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
36	08221068	Thiềm Ngọc	Thanh	TC08PTBR	0	0.00	208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
37	08221069	Phan Minh	Thông	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
37	08221069	Phan Minh	Thông	TC08PTBR	0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
37	08221069	Phan Minh	Thông	TC08PTBR	0	0.00	208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
38	08221071	Nguyễn Văn	Tình	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
38	08221071	Nguyễn Văn	Tình	TC08PTBR	0	0.00	208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
39	08221072	Nguyễn Minh	Trí	TC08PTBR	43	1.71	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	3		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		4	0		
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
39	08221072	Nguyễn Minh	Trí	TC08PTBR	43	1.71	208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
40	08221073	Lê Văn	Trương	TC08PTBR	64	3.03	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		4	0		
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
							208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
41	08221074	Nguyễn Thanh	Tú	TC08PTBR	15	0.51	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
41	08221074	Nguyễn Thanh	Tú	TC08PTBR	15	0.51	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
							208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
							208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
							208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
							208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
							208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
							208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
							208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
41	08221074	Nguyễn Thanh	Tú	TC08PTBR	15	0.51	208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
							212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
42	08221076	Nguyễn Quang	Vũ	TC08PTBR	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0			
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0	0		
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0	0		
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			
							208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
							208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
							208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
							208508	Phân tích chính sách NN	3		0			
							208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
42	08221076	Nguyễn Quang Vũ	TC08PTBR	0	0.00	208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0	0		
						208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
						208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
						208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
						208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0	0		
						208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
						208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
						208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
						212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
						213601	Anh văn 1	5		0	0		
						213602	Anh văn 2	5		0	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 10 TC (Min)

0101 . 202620 Kỹ năng giao tiếp 2

203608 Nông học đại cương 2

203703 Chăn nuôi đại cương 2

205101 Bảo vệ môi trường 2

205108 Lâm nghiệp đại cương 2

206109 Thuỷ sản đại cương 2

209509 Phong thủy ứng dụng 3

Nhóm TC 02 : 16 TC (Min)

0201 . 204502 Hệ thống canh tác 2

205221 Kinh tế tài nguyên môi trường 3

208120 Kinh tế vĩ mô 2 2

208122 Kinh tế vi mô 2 2

208128 Kinh tế nguồn nhân lực 3

208223 Kinh tế lượng ứng dụng 2

208414 Quản trị trang trại 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC08PTBR)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		208416 Quản trị học	2										
		208504 Quản trị dự án lâm nghiệp	2										
		208602 Phân tích lợi ích chi phí	3										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		208533 Tiểu luận tốt nghiệp	4										
		208534 Phân tích chính sách NN 2	2										
		208535 Xây dựng mô hình khuyến nông	2										
		208536 Phát triển nông thôn ứng dụng	2										
		208537 XD đề cương nghiên cứu PTNT	2										
		208538 Phát triển CĐ nông thôn 2	2										
		208902 Khóa luận tốt nghiệp	10										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
1	08224001	Phạm Văn	An	TC08QL	6	0.37	209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	08224001	Phạm Văn	An	TC08QL	6	0.37	209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		4	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
2	08224007	Hồ Văn	Cường	TC08QL	126	5.71	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							213601	Anh văn 1	5		3			
3	08224008	Lê Bảo	Châu	TC08QL	43	2.43	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2	4		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		2	3		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		3	3		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	3		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
3	08224008	Lê Bảo	Châu	TC08QL	43	2.43	209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		4	4		
							213602	Anh văn 2	5		4	3		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
4	08224009	Phạm Thị Thùy	Châu	TC08QL	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
4	08224009	Phạm Thị Thùy	Châu	TC08QL	0	0.00	209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
5	08224012	Lê Quốc	Dương	TC08QL	114	5.12	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		4	1		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	2		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		2	2		
6	08224013	Lê Thanh	Danh	TC08QL	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
6	08224013	Lê Thanh	Danh	TC08QL	0	0.00	209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
7	08224014	Phạm Công	Dũng	TC08QL	127	5.79	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		4			
8	08224016	Lương Thị Thanh	Dung	TC08QL	8	0.42	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
8	08224016	Lương Thị Thanh	Dung	TC08QL	8	0.42	202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	2		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		3	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
8	08224016	Lương Thị Thanh	Dung	TC08QL	8	0.42	214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
9	08224018	Nguyễn Xuân	Điền	TC08QL	130	5.94	202114	Toán cao cấp C1	3		4			
10	08224021	Nguyễn Văn	Hội	TC08QL	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
10	08224021	Nguyễn Văn	Hội	TC08QL	0	0.00	209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
11	08224031	Lê Tấn	Lộc	TC08QL	109	5.16	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		1	2		
							202622	Pháp luật đại cương	2		4			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		3	2		
							209302	Đánh giá đất đai	2		4	3		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		4	0		
							213602	Anh văn 2	5		4	4		
12	08224034	Dương Thanh	Mẫn	TC08QL	84	3.91	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		3	3		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
12	08224034	Dương Thanh	Mẫn	TC08QL	84	3.91	209110	Bản đồ học	3		4	1		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		4			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		4	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		2	2		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		3	0		
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
13	08224037	Dương Bảo	Ngọc	TC08QL	34	1.75	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2	2		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		3	3		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	2		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		4	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		4	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
13	08224037	Dương Bảo	Ngọc	TC08QL	34	1.75	209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		3	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		4	2		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
14	08224039	Phạm Trung	Nhân	TC08QL	110	5.50	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202114	Toán cao cấp C1	3		4	4		
							202115	Toán cao cấp C2	3		4	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		2	3		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		3	0		
							213601	Anh văn 1	5		4	4		
15	08224042	Hoàng Đỗ Thế	Phương	TC08QL	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
15	08224042	Hoàng Đỗ Thế	Phương	TC08QL	0	0.00	202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
15	08224042	Hoàng Đỗ Thế	Phương	TC08QL	0	0.00	214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
16	08224043	Nguyễn Thành	Phú	TC08QL	47	2.49	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2	2		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		4	2		
							202114	Toán cao cấp C1	3		2	2		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		3	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		4	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		3	4		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
16	08224043	Nguyễn Thành	Phú	TC08QL	47	2.49	214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
17	08224049	Phan Đình	Thân	TC08QL	0	0.00	209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
17	08224049	Phan Đình	Thân	TC08QL	0	0.00	209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
18	08224052	Trần Thị Hồng	Thắm	TC08QL	15	0.59	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		1	2		
							202115	Toán cao cấp C2	3		3	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		3	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
18	08224052	Trần Thị Hồng	Thắm	TC08QL	15	0.59	209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
19	08224056	Hoàng Văn	Thịnh	TC08QL	121	5.43	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202622	Pháp luật đại cương	2		4			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		4	3		
20	08224059	Trần Nguyễn	Trung	TC08QL	49	2.79	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
20	08224059	Trần Nguyễn	Trung	TC08QL	49	2.79	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		4	3		
							202115	Toán cao cấp C2	3		1	1		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		3	3		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		1	4		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		4	1		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		3	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		4	2		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		4	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		3	3		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
21	08224069	Nguyễn Văn	Xinh	TC08QL	120	5.45	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		2	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		4	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
21	08224069	Nguyễn Văn	Xinh	TC08QL	120	5.45	209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
22	08224072	Nguyễn Văn	Hồng	TC08QL	0	0.00	209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
22	08224072	Nguyễn Văn	Hồng	TC08QL	0	0.00	209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
23	08224073	Đặng Thành	Danh	TC08QL	45	2.25	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2	4		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		4			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		4	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
23	08224073	Đặng Thành	Danh	TC08QL	45	2.25	209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
24	08224075	Lưu Quốc	Việt	TC08QL	54	2.31	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		4	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
24	08224075	Lưu Quốc	Việt	TC08QL	54	2.31	209401	Luật đất đai	2		3	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
25	08224076	Ngô Thanh	Trường	TC08QL	10	0.24	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
25	08224076	Ngô Thanh	Trường	TC08QL	10	0.24	209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
26	08224079	Nguyễn Thị	Thắm	TC08QL	51	2.59	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		4	3		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	1		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		1	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
26	08224079	Nguyễn Thị	Thắm	TC08QL	51	2.59	209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		4	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		3	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		4	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		2	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0	0		
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		4	3		
27	08224102	Phạm Quốc	Anh	TC08QLKH	100	5.12	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		4	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
28	08224104	Nguyễn Trọng	Bình	TC08QLKH	36	1.58	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3	4		
							202121	Xác suất thống kê	3		1	3		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
28	08224104	Nguyễn Trọng	Bình	TC08QLKH	36	1.58	209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
28	08224104	Nguyễn Trọng	Bình	TC08QLKH	36	1.58	218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
29	08224110	Vũ Đình	Dậu	TC08QLKH	128	5.94	202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
30	08224115	Nguyễn Hải	Duy	TC08QLKH	13	0.53	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
30	08224115	Nguyễn Hải	Duy	TC08QLKH	13	0.53	209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
31	08224117	Trầm Thị Trang	Đài	TC08QLKH	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
31	08224117	Trầm Thị Trang	Đài	TC08QLKH	0	0.00	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0			
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
32	08224118	Nguyễn Đức	Đạo	TC08QLKH	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
32	08224118	Nguyễn Đức	Đạo	TC08QLKH	0	0.00	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
32	08224118	Nguyễn Đức	Đạo	TC08QLKH	0	0.00	209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0			
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
33	08224119	Nguyễn Hữu	Đức	TC08QLKH	3	0.13	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
33	08224119	Nguyễn Hữu	Đức	TC08QLKH	3	0.13	209210	Định giá đất đai	2		0			
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0			
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
34	08224122	Nguyễn Hoàng	Hanh	TC08QLKH	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
34	08224122	Nguyễn Hoàng Hanh	TC08QLKH	0	0.00	202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
						209101	Trắc địa đại cương	3		0			
						209102	Trắc địa địa chính	3		0			
						209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
						209110	Bản đồ học	3		0	0		
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
						209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
						209202	Kinh tế đất đai	2		0			
						209210	Định giá đất đai	2		0			
						209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
						209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
						209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
						209401	Luật đất đai	2		0	0		
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
						209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
						213601	Anh văn 1	5		0	0		
						213602	Anh văn 2	5		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
34	08224122	Nguyễn Hoàng	Hanh	TC08QLKH	0	0.00	214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
35	08224131	Nguyễn Hoàng	Hồng	TC08QLKH	13	0.38	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
35	08224131	Nguyễn Hoàng	Hồng	TC08QLKH	13	0.38	209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
36	08224132	Lê Phúc	Hòa	TC08QLKH	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
36	08224132	Lê Phúc	Hòa	TC08QLKH	0	0.00	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0			
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
37	08224134	Nguyễn Diệu	Hương	TC08QLKH	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
37	08224134	Nguyễn Diệu	Hương	TC08QLKH	0	0.00	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
37	08224134	Nguyễn Diệu	Hương	TC08QLKH	0	0.00	209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0			
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
38	08224136	Hoàng H?u	Hùng	TC08QLKH	16	0.59	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
38	08224136	Hoàng H?u	Hùng	TC08QLKH	16	0.59	209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
39	08224137	Hoàng Ngọc	Huy	TC08QLKH	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
39	08224137	Hoàng Ngọc	Huy	TC08QLKH	0	0.00	209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0			
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
40	08224140	Lương Công	Kiên	TC08QLKH	97	4.80	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
40	08224140	Lương Công	Kiên	TC08QLKH	97	4.80	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209301	Tài nguyên đất đai	3		4	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		4	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		3	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		3			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
41	08224141	Nguyễn Trung	Kiên	TC08QLKH	111	5.41	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202115	Toán cao cấp C2	3		3	3		
							202121	Xác suất thống kê	3		4	3		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		2	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		4			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
42	08224142	Lê Tân	Lập	TC08QLKH	128	6.37	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
43	08224147	Nguyễn Thanh	Long	TC08QLKH	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
43	08224147	Nguyễn Thanh	Long	TC08QLKH	0	0.00	209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0			
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
44	08224150	Trần Nhật	Nam	TC08QLKH	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
44	08224150	Trần Nhật	Nam	TC08QLKH	0	0.00	209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0			
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
45	08224152	Phạm Văn	Nhân	TC08QLKH	46	2.17	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		3	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		4	2		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
45	08224152	Phạm Văn	Nhân	TC08QLKH	46	2.17	209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
46	08224156	Trần Đoan	Phi	TC08QLKH	128	6.15	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
47	08224164	Trần Thị Bích	Sen	TC08QLKH	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
47	08224164	Trần Thị Bích	Sen	TC08QLKH	0	0.00	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0			
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
48	08224166	Hứa Trương Thành	Thắng	TC08QLKH	3	0.18	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
48	08224166	Hứa Trương Thành	Thắng	TC08QLKH	3	0.18	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
48	08224166	Hứa Trương Thành	Thắng	TC08QLKH	3	0.18	209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0			
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
49	08224172	Lê Hoàng Ngọc	Thảo	TC08QLKH	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
49	08224172	Lê Hoàng Ngọc	Thảo	TC08QLKH	0	0.00	209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0			
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
50	08224173	Nguyễn Thị	Thảo	TC08QLKH	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
50	08224173	Nguyễn Thị	Thảo	TC08QLKH	0	0.00	202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
50	08224173	Nguyễn Thị	Thảo	TC08QLKH	0	0.00	214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
51	08224176	Phan Huy	Thơm	TC08QLKH	129	6.18	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		4	0		
52	08224181	Trần Minh	Tịnh	TC08QLKH	77	3.93	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		2	4		
							202121	Xác suất thống kê	3		4	4		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		4	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
53	08224190	Nguyễn Thanh	Tuấn	TC08QLKH	127	6.05	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		4			
54	08224193	Lê Ngọc	Tuệ	TC08QLKH	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
54	08224193	Lê Ngọc Tuệ	TC08QLKH	0	0.00	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
						202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
						202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
						202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
						202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
						209101	Trắc địa đại cương	3		0			
						209102	Trắc địa địa chính	3		0			
						209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
						209110	Bản đồ học	3		0	0		
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
						209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
						209202	Kinh tế đất đai	2		0			
						209210	Định giá đất đai	2		0			
						209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
						209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
						209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
						209401	Luật đất đai	2		0	0		
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
						209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
54	08224193	Lê Ngọc	Tuệ	TC08QLKH	0	0.00	209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0			
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
55	08224197	Lê Đỗ Khắc	Vinh	TC08QLKH	88	4.20	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202121	Xác suất thống kê	3		1	3		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209408	Thanh tra đất đai	2		4	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		3	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		3			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
56	08224204	Trần Thị Huyền	Châu	TC08QLBT	13	0.39	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
56	08224204	Trần Thị Huyền	Châu	TC08QLBT	13	0.39	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
56	08224204	Trần Thị Huyền	Châu	TC08QLBT	13	0.39	213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
57	08224210	Nguyễn Thế	Cường	TC08QLBT	64	2.75	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		3	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
58	08224213	Phan Tấn	Đạt	TC08QLBT	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
58	08224213	Phan Tấn Đạt	TC08QLBT	0	0.00	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
						200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
						200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
						200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
						202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
						202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
						202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
						202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
						209101	Trắc địa đại cương	3		0			
						209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
						209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
						209110	Bản đồ học	3		0	0		
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
						209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
						209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
						209210	Định giá đất đai	2		0			
						209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
						209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
						209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
						209401	Luật đất đai	2		0	0		
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
58	08224213	Phan Tấn	Đạt	TC08QLBT	0	0.00	209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
59	08224216	Nguyễn Văn	Đấu	TC08QLBT	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
59	08224216	Nguyễn Văn	Đấu	TC08QLBT	0	0.00	209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
60	08224221	Nguyễn Thị	Hiểu	TC08QLBT	56	2.49	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
60	08224221	Nguyễn Thị	Hiểu	TC08QLBT	56	2.49	209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
61	08224233	Võ Thanh	Minh	TC08QLBT	2	0.12	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
61	08224233	Võ Thanh Minh	TC08QLBT	2	0.12	202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
						209101	Trắc địa đại cương	3		0			
						209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
						209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
						209110	Bản đồ học	3		0	0		
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
						209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
						209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
						209210	Định giá đất đai	2		0			
						209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
						209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
						209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
						209401	Luật đất đai	2		0	0		
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
						209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
						213601	Anh văn 1	5		0	0		
						213602	Anh văn 2	5		0	0		
						214101	Tin học đại cương	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
61	08224233	Võ Thanh	Minh	TC08QLBT	2	0.12	214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
62	08224240	Ca Thanh	Nhàn	TC08QLBT	8	0.32	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		3	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		4	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
62	08224240	Ca Thanh	Nhàn	TC08QLBT	8	0.32	209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
63	08224245	Lê Hồng	Phương	TC08QLBT	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
63	08224245	Lê Hồng	Phương	TC08QLBT	0	0.00	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
64	08224248	Lý Nguyễn Hoàng	Sang	TC08QLBT	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
64	08224248	Lý Nguyễn Hoàng	Sang	TC08QLBT	0	0.00	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
64	08224248	Lý Nguyễn Hoàng	Sang	TC08QLBT	0	0.00	209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
65	08224254	Phạm Trường	Thanh	TC08QLBT	29	0.93	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
65	08224254	Phạm Trường	Thanh	TC08QLBT	29	0.93	209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
66	08224258	Cao Thị Diệu	Thu	TC08QLBT	1	0.05	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
66	08224258	Cao Thị Diệu	Thu	TC08QLBT	1	0.05	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
67	08224260	Tạ Kim	Thượng	TC08QLBT	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
67	08224260	Tạ Kim Thượng	TC08QLBT	0	0.00	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
						202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
						202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
						202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
						202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
						209101	Trắc địa đại cương	3		0			
						209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
						209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
						209110	Bản đồ học	3		0	0		
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
						209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
						209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
						209210	Định giá đất đai	2		0			
						209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
						209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
						209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
						209401	Luật đất đai	2		0	0		
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
						209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
67	08224260	Tạ Kim	Thượng	TC08QLBT	0	0.00	209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
68	08224261	Nguyễn Thành	Tính	TC08QLBT	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
68	08224261	Nguyễn Thành	Tính	TC08QLBT	0	0.00	209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
69	08224265	Nguyễn Hoàng	Tuấn	TC08QLBT	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
69	08224265	Nguyễn Hoàng	Tuấn	TC08QLBT	0	0.00	202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
69	08224265	Nguyễn Hoàng	Tuấn	TC08QLBT	0	0.00	214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
70	08224267	Đoàn Thị Bích	Tuyền	TC08QLBT	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
70	08224267	Đoàn Thị Bích	Tuyền	TC08QLBT	0	0.00	209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
71	08224268	Nguyễn Quốc	Việt	TC08QLBT	13	0.34	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0	0		
71	08224268	Nguyễn Quốc	Việt	TC08QLBT	13	0.34	209308	Quy hoạch đô thị	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 6 TC (Min)

0101 . 202609 Logic học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

202625 Địa lý tự nhiên 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC08QL)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		208102 Địa lý kinh tế	2										
		208211 Kinh tế lượng căn bản	3										
		208231 Nguyên lý thống kê kinh tế	3										
		212110 Khoa học môi trường	2										
Nhóm TC 02 :		18 TC (Min)											
0201 .		204306 Nông học đại cương	2										
		209103 Trắc địa công trình	3										
		209106 Trắc địa ảnh hàng không	3										
		209108 Viễn thám ứng dụng	2										
		209109 Hệ thống định vị toàn cầu	3										
		209112 Bản đồ địa hình	2										
		209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2										
		209203 Thị trường bất động sản	2										
		209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2										
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209303 Phân hạng đất	2										
		209304 Quy hoach tổng thể KT-XH	2										
		209310 Quản lý nguồn nước	2										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209314 Hệ thống nông nghiệp	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209315 Quy hoạch	3										
		209911 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	10251005	Phạm Văn	Bền	TC10DCCM	129	6.46	218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		4	0		
2	10251008	Lê Ngọc	Búp	TC10DCCM	124	5.56	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
3	10251011	Võ Huỳnh	Chào	TC10DCCM	18	0.71	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202108	Toán cao cấp A1	3		0	0		
							202110	Toán cao cấp A3	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209103	Trắc địa công trình	3		0	0		
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209111	Toán bản đồ	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
3	10251011	Võ Huỳnh	Chào	TC10DCCM	18	0.71	209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
4	10251023	Hà Mẫn	Đạt	TC10DCCM	124	5.60	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209118	Tin học chuyên ngành	3		1	0		
5	10251025	Lê	Đặng	TC10DCCM	121	5.98	202108	Toán cao cấp A1	3		3	0		
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		4	0		
6	10251026	Nguyễn Hải	Đăng	TC10DCCM	9	0.64	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202108	Toán cao cấp A1	3		0	0		
							202109	Toán cao cấp A2	3		3	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
6	10251026	Nguyễn Hải Đăng	TC10DCCM	9	0.64	202110	Toán cao cấp A3	3		0	0		
						202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
						202622	Pháp luật đại cương	2		3	0		
						209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
						209103	Trắc địa công trình	3		0	0		
						209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
						209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		
						209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
						209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
						209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
						209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
						209110	Bản đồ học	3		0			
						209111	Toán bản đồ	2		0	0		
						209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
						209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
						209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
						209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
						209401	Luật đất đai	2		0	0		
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
						209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
						209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
						213601	Anh văn 1	5		4	0		
						213602	Anh văn 2	5		0	0		
						214101	Tin học đại cương	3		4	0		
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
						214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
6	10251026	Nguyễn Hải	Đăng	TC10DCCM	9	0.64	218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
							01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202108	Toán cao cấp A1	3		0	0		
							202110	Toán cao cấp A3	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		4	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209103	Trắc địa công trình	3		0	0		
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
7	10251031	Trần Chí	Đông	TC10DCCM	16	0.58	209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209111	Toán bản đồ	2		0	0		
							209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
7	10251031	Trần Chí	Đông	TC10DCCM	16	0.58	209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
8	10251033	Nguyễn Ngọc	Giàu	TC10DCCM	26	1.43	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202110	Toán cao cấp A3	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209103	Trắc địa công trình	3		0	0		
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209111	Toán bản đồ	2		0	0		
							209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
8	10251033	Nguyễn Ngọc	Giàu	TC10DCCM	26	1.43	209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
9	10251043	Nguyễn	Khanh	TC10DCCM	31	1.56	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202109	Toán cao cấp A2	3		2	3		
							202110	Toán cao cấp A3	3		4	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209103	Trắc địa công trình	3		0	0		
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209111	Toán bản đồ	2		0	0		
							209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
9	10251043	Nguyễn	Khanh	TC10DCCM	31	1.56	209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		3	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
10	10251045	Văn Hoài	Khánh	TC10DCCM	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202108	Toán cao cấp A1	3		0	0		
							202109	Toán cao cấp A2	3		0	0		
							202110	Toán cao cấp A3	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209103	Trắc địa công trình	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
10	10251045	Văn Hoài	Khánh	TC10DCCM	0	0.00	209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209111	Toán bản đồ	2		0	0		
							209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
11	10251052	Nguyễn Kiều	Lam	TC10DCCM	53	2.40	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
11	10251052	Nguyễn Kiều	Lam	TC10DCCM	53	2.40	209101	Trắc địa đại cương	3		4	0		
							209103	Trắc địa công trình	3		0	0		
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209111	Toán bản đồ	2		0	0		
							209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
12	10251056	Trần Hải	Lăng	TC10DCCM	128	6.16	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
13	10251068	Trần Đại	Lượng	TC10DCCM	28	1.47	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202109	Toán cao cấp A2	3		3	4		
							202121	Xác suất thống kê	3		4	4		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
13	10251068	Trần Đại	Lượng	TC10DCCM	28	1.47	209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209103	Trắc địa công trình	3		0	0		
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209111	Toán bản đồ	2		0	0		
							209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		3	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
14	10251072	Dương Thị Bích	Năm	TC10DCCM	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
14	10251072	Dương Thị Bích	Năm	TC10DCCM	0	0.00	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202108	Toán cao cấp A1	3		0	0		
							202109	Toán cao cấp A2	3		0	0		
							202110	Toán cao cấp A3	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209103	Trắc địa công trình	3		0	0		
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209111	Toán bản đồ	2		0	0		
							209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
14	10251072	Dương Thị Bích	Năm	TC10DCCM	0	0.00	209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
15	10251075	Lưu Văn	Nghệ	TC10DCCM	37	1.69	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209103	Trắc địa công trình	3		0	0		
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209111	Toán bản đồ	2		0	0		
							209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
15	10251075	Lưu Văn	Nghệ	TC10DCCM	37	1.69	209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		4	4		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
16	10251082	Nguyễn Vũ	Ninh	TC10DCCM	129	6.09	209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
17	10251084	Nguyễn Văn	Pho	TC10DCCM	117	5.40	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
18	10251088	Trịnh Văn	Phúc	TC10DCCM	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202108	Toán cao cấp A1	3		0	0		
							202109	Toán cao cấp A2	3		0	0		
							202110	Toán cao cấp A3	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209103	Trắc địa công trình	3		0	0		
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)

(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
18	10251088	Trịnh Văn	Phúc	TC10DCCM	0	0.00	209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209111	Toán bản đồ	2		0	0		
							209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
19	10251101	Nguyễn Hoàng	Tao	TC10DCCM	18	0.76	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
19	10251101	Nguyễn Hoàng	Tao	TC10DCCM	18	0.76	202108	Toán cao cấp A1	3		0	0		
							202110	Toán cao cấp A3	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209103	Trắc địa công trình	3		0	0		
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209111	Toán bản đồ	2		0	0		
							209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
19	10251101	Nguyễn Hoàng	Tao	TC10DCCM	18	0.76	218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
							01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202110	Toán cao cấp A3	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209103	Trắc địa công trình	3		0	0		
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
20	10251103	Lê Minh	Tân	TC10DCCM	29	1.30	209110	Bản đồ học	3		0			
							209111	Toán bản đồ	2		0	0		
							209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
20	10251103	Lê Minh	Tân	TC10DCCM	29	1.30	214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
21	10251106	Văn	Tệt	TC10DCCM	21	1.13	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202110	Toán cao cấp A3	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		4	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209103	Trắc địa công trình	3		0	0		
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209111	Toán bản đồ	2		0	0		
							209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
21	10251106	Văn	Tệt	TC10DCCM	21	1.13	209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
22	10251109	Trần Văn	Thăm	TC10DCCM	119	5.61	209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
23	10251111	Nguyễn ý	Thiện	TC10DCCM	13	0.70	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202108	Toán cao cấp A1	3		0	0		
							202109	Toán cao cấp A2	3		3	0		
							202110	Toán cao cấp A3	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209103	Trắc địa công trình	3		0	0		
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
23	10251111	Nguyễn ý	Thiện	TC10DCCM	13	0.70	209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209111	Toán bản đồ	2		0	0		
							209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		4	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
24	10251112	Trần Chí	Thịnh	TC10DCCM	112	4.82	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209101	Trắc địa đại cương	3		3	2		
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
25	10251130	Trương Quang	Trưởng	TC10DCCM	39	1.56	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202110	Toán cao cấp A3	3		2	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
25	10251130	Trương Quang	Trưởng	TC10DCCM	39	1.56	209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209103	Trắc địa công trình	3		0	0		
							209104	Trắc địa cao cấp	2		0			
							209105	Xử lý số liệu trắc địa	2		0	0		
							209106	Trắc địa ảnh hàng không	3		0			
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
							209109	Hệ thống định vị toàn cầu	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0			
							209111	Toán bản đồ	2		0	0		
							209112	Bản đồ địa hình	2		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0			
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
							209119	Lập trình chuyên ngành	3		0	0		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209907	Rèn nghề 1- Trắc địa địa chính	1		0			
							209908	Rèn nghề 2- Thành lập BĐCN	1		0			
							209909	Rèn nghề 3-Xây dựng HTTTĐĐ	1		0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
26	10251138	Trương Tiểu	Vy	TC10DCCM	95	4.60	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202109	Toán cao cấp A2	3		2	2		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)

(Hệ vừa l (TC10DC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
26	10251138	Trương Tiểu Vy	TC10DCCM	95	4.60	209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
						209108	Viễn thám ứng dụng	2		0			
						209110	Bản đồ học	3		0			
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		4	0		
						209118	Tin học chuyên ngành	3		0	0		
						209401	Luật đất đai	2		0	0		
						214101	Tin học đại cương	3		0	4		
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
						214301	Lập trình cơ bản QLĐĐ	4		0	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 5 TC (Min)

0101 . 202116 Toán rời rạc 3

202609 Logic học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

202625 Địa lý tự nhiên 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208109 Kinh tế vi mô 1 3

208110 Kinh tế vĩ mô 1 3

212110 Khoa học môi trường 2

Nhóm TC 02 : 18 TC (Min)

0201 . 209114 Bản đồ chuyên đề 3

209115 Kỹ thuật bản đồ số 2

209116 Cơ sở dữ liệu nâng cao 2

209117 Hệ quản trị cơ sở dữ liệu 3

209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính 2

209202 Kinh tế đất đai 2

209215 Luật xây dựng và luật nhà ở 2

209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng 2

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình đào tạo ngành Công nghệ ĐC (Hệ VLVH)
(Hệ vừa l (TC10ĐC)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209223 Phân tích và thiết kế HTTTNĐ	3										
		209305 Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3										
		209308 Quy hoạch đô thị	3										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209405 Quản lý hành chính về đất đai	2										
		209406 Đăng ký thống kê đất đai	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209124 Hệ thống thông tin đất đai	3										
		209913 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

Mẫu in: Q5401D0

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)
((TC10PTBT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	10221011	Nguyễn Văn	Chỉ	TC10PTBT	122	6.75	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
2	10221014	Nguyễn Trần Mạnh	Cương	TC10PTBT	129	6.78	202115	Toán cao cấp C2	3		2	2		
3	10221015	Huỳnh Lê Tấn	Cường	TC10PTBT	122	6.95	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
4	10221031	Ngô Hoàng	Khanh	TC10PTBT	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0			
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5					
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208102	Địa lý kinh tế	2		0	0		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							208115	Kinh tế quốc tế	3		0			
							208211	Kinh tế lượng căn bản	3		0			
							208231	Nguyên lý thống kê kinh tế	3		0			
							208310	Tín dụng nông thôn	3		0			
							208403	Phương pháp NCKH Quản trị	2		0			
							208430	Nghiên cứu thị trường	2		0			
							208501	Dự án phát triển	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC10PTBT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
4	10221031	Ngô Hoàng Khanh	TC10PTBT	0	0.00	208502	Xã hội học nông thôn	3		0			
						208503	Giáo dục khuyến nông	2		0			
						208505	Phát triển du lịch nông thôn	2		0			
						208508	Phân tích chính sách NN	3		0	0		
						208514	Luật và phát triển nông thôn	2		0			
						208518	Hệ thống thông tin địa lý	3		0			
						208520	Truyền thông khuyến nông	2		0			
						208521	Phát triển cộng đồng	3		0			
						208523	Quy hoạch PTNT	3		0			
						208524	Ngoại ngữ chuyên ngành P	3		0			
						208526	Lý thuyết phát triển	3		0			
						208527	Kiến tập kỹ thuật PT	2		0			
						208529	Kiến tập chuyên ngành PT	2		0			
						212110	Khoa học môi trường	2		0	0		
						213601	Anh văn 1	5		0			
						213602	Anh văn 2	5		0			

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 10 TC (Min)

0101 . 202620 Kỹ năng giao tiếp 2

203608 Nông học đại cương 2

203703 Chăn nuôi đại cương 2

205101 Bảo vệ môi trường 2

205108 Lâm nghiệp đại cương 2

206109 Thuỷ sản đại cương 2

209509 Phong thủy ứng dụng 3

Nhóm TC 02 : 16 TC (Min)

0201 . 204502 Hệ thống canh tác 2

205221 Kinh tế tài nguyên môi trường 3

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

Chương trình Đào tạo ngành Phát Triển Nông Thôn (Hệ VLVH)

((TC10PTBT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **129.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		208120 Kinh tế vĩ mô 2	2										
		208122 Kinh tế vi mô 2	2										
		208128 Kinh tế nguồn nhân lực	3										
		208223 Kinh tế lượng ứng dụng	2										
		208414 Quản trị trang trại	2										
		208416 Quản trị học	2										
		208504 Quản trị dự án lâm nghiệp	2										
		208602 Phân tích lợi ích chi phí	3										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		208533 Tiểu luận tốt nghiệp	4										
		208534 Phân tích chính sách NN 2	2										
		208535 Xây dựng mô hình khuyến nông	2										
		208536 Phát triển nông thôn ứng dụng	2										
		208537 XD đề cương nghiên cứu PTNT	2										
		208538 Phát triển CĐ nông thôn 2	2										
		208902 Khóa luận tốt nghiệp	10										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
1	10224001	Phạm Văn Nhuần	Anh	TC10QLBD	40	1.83	209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	10224001	Phạm Văn Nhuần	Anh	TC10QLBD	40	1.83	209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
2	10224007	Nguyễn Văn	Châu	TC10QLBD	29	1.19	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
2	10224007	Nguyễn Văn	Châu	TC10QLBD	29	1.19	209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
3	10224017	Hồ Đức	Đồng	TC10QLBD	121	5.62	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							209102	Trắc địa địa chính	3		3	3		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
4	10224020	Lâm Thành	Được	TC10QLBD	126	5.77	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
5	10224021	Hoàng Thiên	Hà	TC10QLBD	128	6.21	202121	Xác suất thống kê	3		4	3		
6	10224022	Nguyễn Công	Hải	TC10QLBD	51	2.82	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		3	2		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		4	3		
							209101	Trắc địa đại cương	3		1	1		
							209102	Trắc địa địa chính	3		3	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		3	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
6	10224022	Nguyễn Công	Hải	TC10QLBD	51	2.82	209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		3	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	1		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		4	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
7	10224023	Nguyễn	Hảo	TC10QLBD	49	2.34	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
7	10224023	Nguyễn	Hảo	TC10QLBD	49	2.34	209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
8	10224031	Phan Văn	Hữu	TC10QLBD	24	1.13	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
8	10224031	Phan Văn	Hữu	TC10QLBD	24	1.13	209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
9	10224032	Lê Huy	Khánh	TC10QLBD	123	5.53	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202121	Xác suất thống kê	3		3	3		
10	10224033	Nguyễn Văn	Kiên	TC10QLBD	114	5.36	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							202121	Xác suất thống kê	3		3	3		
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
11	10224042	Nguyễn Văn	Lưu	TC10QLBD	25	1.21	02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
11	10224042	Nguyễn Văn	Lưu	TC10QLBD	25	1.21	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		4	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
11	10224042	Nguyễn Văn	Lưu	TC10QLBD	25	1.21	209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
12	10224044	Lê Thị Hồng	Nguyên	TC10QLBD	128	6.32	202121	Xác suất thống kê	3		3	3		
13	10224049	Nguyễn Thanh	Phong	TC10QLBD	20	1.20	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		4	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		4	4		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
13	10224049	Nguyễn Thanh	Phong	TC10QLBD	20	1.20	209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
14	10224054	Nguyễn Châu	Quang	TC10QLBD	16	0.84	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		4	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		1	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		4	3		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
14	10224054	Nguyễn Châu	Quang	TC10QLBD	16	0.84	209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
15	10224055	Nguyễn Nhựt	Quang	TC10QLBD	23	1.19	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		4	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
15	10224055	Nguyễn Nhựt Quang	TC10QLBD	23	1.19	202622	Pháp luật đại cương	2		0			
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
						209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
						209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
						209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
						209110	Bản đồ học	3		0	0		
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
						209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
						209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
						209210	Định giá đất đai	2		0	0		
						209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
						209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
						209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
						209401	Luật đất đai	2		0	0		
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
						209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
						213602	Anh văn 2	5		0	0		
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
16	10224058	Nguyễn Công	Sơn	TC10QLBD	78	4.08	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		4	3		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	2		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	3		
							209202	Kinh tế đất đai	2		2	0		
							209210	Định giá đất đai	2		3	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	3		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		4	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
17	10224059	Nguyễn Tấn	Tài	TC10QLBD	34	1.52	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202121	Xác suất thống kê	3		3	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
17	10224059	Nguyễn Tấn	Tài	TC10QLBD	34	1.52	209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		4	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
18	10224060	Phạm Quốc	Tài	TC10QLBD	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
18	10224060	Phạm Quốc Tài	TC10QLBD	0	0.00	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
						202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
						202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
						202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
						202622	Pháp luật đại cương	2		0			
						208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
						208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
						209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
						209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
						209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
						209110	Bản đồ học	3		0	0		
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
						209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
						209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
						209210	Định giá đất đai	2		0	0		
						209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
						209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
						209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
						209401	Luật đất đai	2		0	0		
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
						209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
18	10224060	Phạm Quốc	Tài	TC10QLBD	0	0.00	209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
19	10224064	Võ Thành	Thái	TC10QLBD	31	1.22	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		3	3		
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	4		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
19	10224064	Võ Thành	Thái	TC10QLBD	31	1.22	209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
20	10224066	Trần Phương	Thảo	TC10QLBD	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
20	10224066	Trần Phương	Thảo	TC10QLBD	0	0.00	209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
21	10224069	Nguyễn Hoàng	Thông	TC10QLBD	126	5.77	209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
22	10224070	Nguyễn Minh	Thuận	TC10QLBD	23	1.20	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
22	10224070	Nguyễn Minh	Thuận	TC10QLBD	23	1.20	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		4	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202115	Toán cao cấp C2	3		3	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
22	10224070	Nguyễn Minh	Thuận	TC10QLBD	23	1.20	209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
23	10224071	Quách Văn	Thuận	TC10QLBD	128	6.16	202121	Xác suất thống kê	3		4	3		
24	10224082	Nguyễn Văn	Tú	TC10QLBD	128	6.07	202121	Xác suất thống kê	3		3	3		
25	10224084	Lê Hoàng	Tùng	TC10QLBD	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
25	10224084	Lê Hoàng	Tùng	TC10QLBD	0	0.00	209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
26	10224090	Nguyễn Hoài	Đức	TC10QLBD	1	0.08	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
26	10224090	Nguyễn Hoài	Đức	TC10QLBD	1	0.08	208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
26	10224090	Nguyễn Hoài	Đức	TC10QLBD	1	0.08	218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		
							01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0	0		
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0			
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0	0		
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0	0		
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
27	10224091	Lê Nam	Khương	TC10QLBD	0	0.00	209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0	0		
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0	0		
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0	0		
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0	0		
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
27	10224091	Lê Nam Khương	TC10QLBD	0	0.00	209401	Luật đất đai	2		0	0		
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0	0		
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
						209408	Thanh tra đất đai	2		0	0		
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0	0		
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
						213601	Anh văn 1	5		0			
						213602	Anh văn 2	5		0	0		
						214101	Tin học đại cương	3		0	0		
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
						218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0	0		

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 6 TC (Min)

0101 . 202609 Logic học 2
202621 Xã hội học đại cương 2
202625 Địa lý tự nhiên 2
208102 Địa lý kinh tế 2
208211 Kinh tế lượng căn bản 3
208231 Nguyên lý thống kê kinh tế 3
212110 Khoa học môi trường 2

Nhóm TC 02 : 18 TC (Min)

0201 . 204306 Nông học đại cương 2
209103 Trắc địa công trình 3
209106 Trắc địa ảnh hàng không 3
209108 Viễn thám ứng dụng 2
209109 Hệ thống định vị toàn cầu 3

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLBD)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209112 Bản đồ địa hình	2										
		209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2										
		209203 Thị trường bất động sản	2										
		209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2										
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209303 Phân hạng đất	2										
		209304 Quy hoach tổng thể KT-XH	2										
		209310 Quản lý nguồn nước	2										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209314 Hệ thống nông nghiệp	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209315 Quy hoạch	3										
		209911 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HCM
Phòng Đào Tạo
-oOo-

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLDT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
1	10224101	Phạm Hoàng	Anh	TC10QLDT	0	0.00	208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLDT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
1	10224101	Phạm Hoàng	Anh	TC10QLDT	0	0.00	209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
2	10224102	Võ Thị Nguyệt	ảnh	TC10QLDT	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLDT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
2	10224102	Võ Thị Nguyệt ảnh	TC10QLDT	0	0.00	208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
						209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
						209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
						209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
						209110	Bản đồ học	3		0	0		
						209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
						209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
						209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
						209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
						209210	Định giá đất đai	2		0			
						209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
						209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
						209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
						209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
						209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
						209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
						209401	Luật đất đai	2		0	0		
						209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0			
						209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
						209408	Thanh tra đất đai	2		0			
						209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
						209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
						209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
						209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
						213601	Anh văn 1	5		0	0		
						213602	Anh văn 2	5		0	0		
						214101	Tin học đại cương	3		0	0		
						214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC10QLDT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
2	10224102	Võ Thị Nguyệt	ảnh	TC10QLDT	0	0.00	218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
3	10224111	Nguyễn Hữu	Hào	TC10QLDT	129	6.01	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
4	10224117	Nguyễn Thanh	Hiếu	TC10QLDT	27	1.22	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		3	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLDT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
4	10224117	Nguyễn Thanh	Hiếu	TC10QLDT	27	1.22	209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
5	10224124	Nguyễn Hoàng	Huynh	TC10QLDT	70	3.58	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		4	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLDT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
6	10224126	Ngô Minh	Kha	TC10QLDT	125	6.06	209210	Định giá đất đai	2		4			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
7	10224138	Huỳnh Chiến	Nhân	TC10QLDT	0	0.00	209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLDT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
7	10224138	Huỳnh Chiến	Nhân	TC10QLDT	0	0.00	209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
8	10224142	Đặng Văn	Nhựt	TC10QLDT	89	4.70	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		4	1		
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		4	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC10QLDT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
8	10224142	Đặng Văn	Nhựt	TC10QLDT	89	4.70	209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
9	10224144	Nguyễn Thị	Nở	TC10QLDT	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLDT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
9	10224144	Nguyễn Thị	Nở	TC10QLDT	0	0.00	209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
10	10224165	Nguyễn Xuân	Thảo	TC10QLDT	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC10QLDT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
10	10224165	Nguyễn Xuân	Thảo	TC10QLDT	0	0.00	209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
11	10224167	Trần Văn	Thiện	TC10QLDT	0	0.00	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLDT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
11	10224167	Trần Văn	Thiện	TC10QLDT	0	0.00	03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3		0	0		
							200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5		0			
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202114	Toán cao cấp C1	3		0	0		
							202115	Toán cao cấp C2	3		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		0	0		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							208109	Kinh tế vi mô 1	3		0			
							208110	Kinh tế vĩ mô 1	3		0			
							209101	Trắc địa đại cương	3		0	0		
							209102	Trắc địa địa chính	3		0	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209110	Bản đồ học	3		0	0		
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209202	Kinh tế đất đai	2		0	0		
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		
							209302	Đánh giá đất đai	2		0	0		
							209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209401	Luật đất đai	2		0	0		
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLDT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
11	10224167	Trần Văn	Thiện	TC10QLDT	0	0.00	209408	Thanh tra đất đai	2		0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
							213601	Anh văn 1	5		0	0		
							213602	Anh văn 2	5		0	0		
							214101	Tin học đại cương	3		0	0		
							214102	Cơ sở dữ liệu đại cương	2		0	0		
							218101	Hệ thống thông tin địa lý ĐC	3		0			
12	10224169	Bùi Hữu	Thuấn	TC10QLDT	115	5.17	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
13	10224174	Mai Văn	Triếp	TC10QLDT	58	2.88	01	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							02	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							03	Thông tin nhóm bắt buộc tự chọn	0	X				
							200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		0	0		
							202121	Xác suất thống kê	3		4	1		
							202622	Pháp luật đại cương	2		0			
							209102	Trắc địa địa chính	3		3	0		
							209107	Viễn thám cơ sở	3		0			
							209113	Thành lập bản đồ địa chính	3		0	0		
							209118	Tin học chuyên ngành	3		0			
							209120	Quản lý thông tin đất đai	2		0			
							209210	Định giá đất đai	2		0			
							209301	Tài nguyên đất đai	3		0	0		

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)

(Hệ vừ (TC10QLDT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
13	10224174	Mai Văn	Triếp	TC10QLDT	58	2.88	209305	Quy hoạch sử dụng đất đai CB	3		0			
							209306	Quy hoạch sử dụng đất đai ƯD	2		0			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209308	Quy hoạch đô thị	3		0			
							209405	Quản lý hành chính về đất đai	2		0			
							209406	Đăng ký thống kê đất đai	2		0	0		
							209408	Thanh tra đất đai	2		0			
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			
							209901	Rèn nghề 1- Trắc địa bản đồ ĐC	1		0			
							209902	Rèn nghề 2-ĐK thống kê đất đai	1		0			
							209903	Rèn nghề 3- Quy hoạch	1		0			
14	10224179	Lâm Đức	Tuấn	TC10QLDT	126	6.02	209210	Định giá đất đai	2		4			
							209307	Quy hoạch phát triển nông thôn	2		0			
							209401	Luật đất đai	2		4	0		
							209801	Phương pháp nghiên cứu KH	2		0			

Ghi chú: BBTC = Tổ hợp Nhóm MH bắt buộc tự chọn chưa tích lũy được

Nhóm TC 01 : 6 TC (Min)

0101 . 202609 Logic học 2

202621 Xã hội học đại cương 2

202625 Địa lý tự nhiên 2

208102 Địa lý kinh tế 2

208211 Kinh tế lượng căn bản 3

208231 Nguyên lý thống kê kinh tế 3

212110 Khoa học môi trường 2

Nhóm TC 02 : 18 TC (Min)

0201 . 204306 Nông học đại cương 2

209103 Trắc địa công trình 3

209106 Trắc địa ảnh hàng không 3

Danh Sách Không Tốt Nghiệp

Học kỳ 3 - Năm học 2015 - 2016

CHương trình đào tạo ngành Quản lý đất đai (Hệ VLVH)
(Hệ vừ (TC10QLDT)

Số Tín Chỉ Tích Lũy Chung **131.0**

Điểm Trung Bình Tích Lũy **5.0**

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	TC tổng	ĐTBTN	Mã MH	Tên môn học	Số TC	BBTC	ĐHPL 1	ĐHPL 2	ĐHPL 3	Ghi chú
		209108 Viễn thám ứng dụng	2										
		209109 Hệ thống định vị toàn cầu	3										
		209112 Bản đồ địa hình	2										
		209121 Lưu trữ hồ sơ địa chính	2										
		209203 Thị trường bất động sản	2										
		209215 Luật xây dựng và luật nhà ở	2										
		209216 Bồi thường giải phóng mặt bằng	2										
		209303 Phân hạng đất	2										
		209304 Quy hoach tổng thể KT-XH	2										
		209310 Quản lý nguồn nước	2										
		209311 Lập luận chứng KT-KT	2										
		209312 QH xây dựng nông thôn mới	2										
		209313 Mô hình Toán kinh tế trong QH	2										
		209314 Hệ thống nông nghiệp	2										
		212507 Đánh giá tác động môi trường	2										
Nhóm TC 03 :		10 TC (Min)											
0301 .		209123 Trắc địa - Bản đồ	2										
		209315 Quy hoạch	3										
		209911 Khóa luận tốt nghiệp	10										
		209914 Tiểu luận tốt nghiệp	5										